



#We-are-digital



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	8
2. Quá trình hình thành và phát triển	10
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20
4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	21
5. Công ty con	22
6. Định hướng phát triển (2020 - 2025)	23
7. Các rủi ro	24
8. Đối tác chiến lược	29

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động kinh doanh	38
2. Tổ chức và nhân sự	39
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	42
4. Tình hình tài chính	47
Hoạt động kinh doanh của các công ty con	48
Quản trị rủi ro	49
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
Cơ cấu cổ đông	50
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	51

03 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	56
2. Tình hình hoạt động và tài chính	57
Tăng trưởng tổng tài sản và chất lượng tài sản	57
Chiến lược kinh doanh mới tạo bản lề cho sự tăng trưởng phân khúc khách hàng cá nhân	59
Mang lại giá trị vững bền cho Doanh nghiệp	66
Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ phân mảng KHDN lớn	69
Tập trung vào các danh mục đầu tư then chốt	70
Phát huy vai trò văn hóa tuân thủ	71
Duy trì cơ chế quản lý thu nợ, quản trị nợ chủ động	72
Đổi mới công tác vận hành, linh hoạt phòng chống dịch	73
Đột phá công nghệ Ngân hàng số	79
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	81
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	82
Kế hoạch tăng vốn điều lệ	83

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ngân hàng	86
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	87
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	88
Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2022	89

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	92
2. Ban Kiểm soát	96
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	97

06 CÁC SỰ KIỆN HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2021

07 THÀNH TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

08 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động	114
2. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	117
3. Trách nhiệm đối với môi trường	119
4. Hoạt động thị trường vốn xanh	121

09 VĂN HÓA TỔ CHỨC

1. Văn hóa tổ chức tiếp tục phát triển mạnh mẽ	124
2. Hạnh phúc với những con số gắn kết	127

10 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin chung	130
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	131
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	132
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	133
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	136
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	137
7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	139

11 MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH & NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính gửi: Quý cổ đông, đối tác và khách hàng,

Năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, thách thức do dịch Covid-19. Tuy nhiên, thực hiện phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát hiệu quả dịch bệnh trong bối cảnh "bình thường mới" nên nền kinh tế Việt Nam vẫn có những "điểm sáng" và đạt được kết quả tăng trưởng dương 2,58%.

Trong bối cảnh đó, SeABank chuyển hướng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu, tích cực phát triển mạnh công nghệ số nhằm thích ứng kịp thời đại, từ đó đạt được những thành tựu nổi trội.

Theo đó, lợi nhuận trước thuế Ngân hàng đạt 3.268 tỷ đồng, tăng trưởng 89% so với năm 2020, hoàn thành 135% kế hoạch 2021; Tổng tài sản 211.663 tỷ đồng, tăng 17,5%; Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) lần lượt là 1,33% và 16,12%; Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục giảm ở mức 1,65%; Hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 11,68%, cao hơn mức 8% mà NHNN yêu cầu và đạt theo tiêu chuẩn tỷ lệ an toàn vốn của thế giới.

Bên cạnh đó, SeABank đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 14.785 tỷ đồng đồng thời chính thức niêm yết cổ phiếu SeABank với mã chứng khoán SSB trên HOSE trong quý I/2021 và có những phiên tăng trần liên tiếp, thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư. Kết thúc phiên ngày 31/12/2021, cổ phiếu SSB đóng cửa ở mức giá 45.600 đồng/cp, tăng gần gấp 3 lần so với giá ngày niêm yết đầu tiên, đưa giá trị vốn hóa của Ngân hàng vượt 2,9 tỷ USD và nằm trong Top 10 ngân hàng có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán. Điều này đã khẳng định nội lực và vị thế thương hiệu SeABank trên thị trường.

Năm 2021, SeABank tiếp tục được Moody's đánh giá tín nhiệm 3 năm liên tiếp mức B1 và năm 2021 là số ít ngân hàng được Moody's nâng triển vọng phát triển lên mức Tích cực, đồng thời thuộc nhóm ngân hàng trọng yếu theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, SeABank cũng là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được The Banker (Anh) vinh danh là Ngân hàng của năm 2021, nằm trong Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam 2021 - Profit500 (Vietnam Report), đứng vị trí 63/1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2020 (xếp hạng của Bộ Tài chính), Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2021 (HR Asia) và nhiều giải thưởng danh giá khác.

Nhờ quản trị hiệu quả cùng tốc độ tăng trưởng ổn định, thương hiệu SeABank thu hút được sự quan tâm lớn từ các tổ chức quốc tế, điển hình là việc Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và 5 quỹ đầu tư quốc tế gồm Banque Internationale de Commerce-BRED, BlueOrchard Microfinance Fund, KASIKORNBANK PCL, Quỹ OPEC cho phát triển quốc tế (OPEC Fund), ResponsAbility Investments AG đã tin tưởng cấp và mở rộng các gói tín dụng với tổng trị giá lên tới 250 triệu USD cho SeABank.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Ngân hàng, tôi xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước các cấp đã luôn quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện và hỗ trợ SeABank trong quá trình hoạt động. Đồng thời, tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị khách hàng, cổ đông và đối tác đã đồng hành và ủng hộ SeABank trong năm vừa qua. Tôi cũng đặc biệt cảm ơn những cống hiến của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV) SeABank cho sự thành công của Ngân hàng.

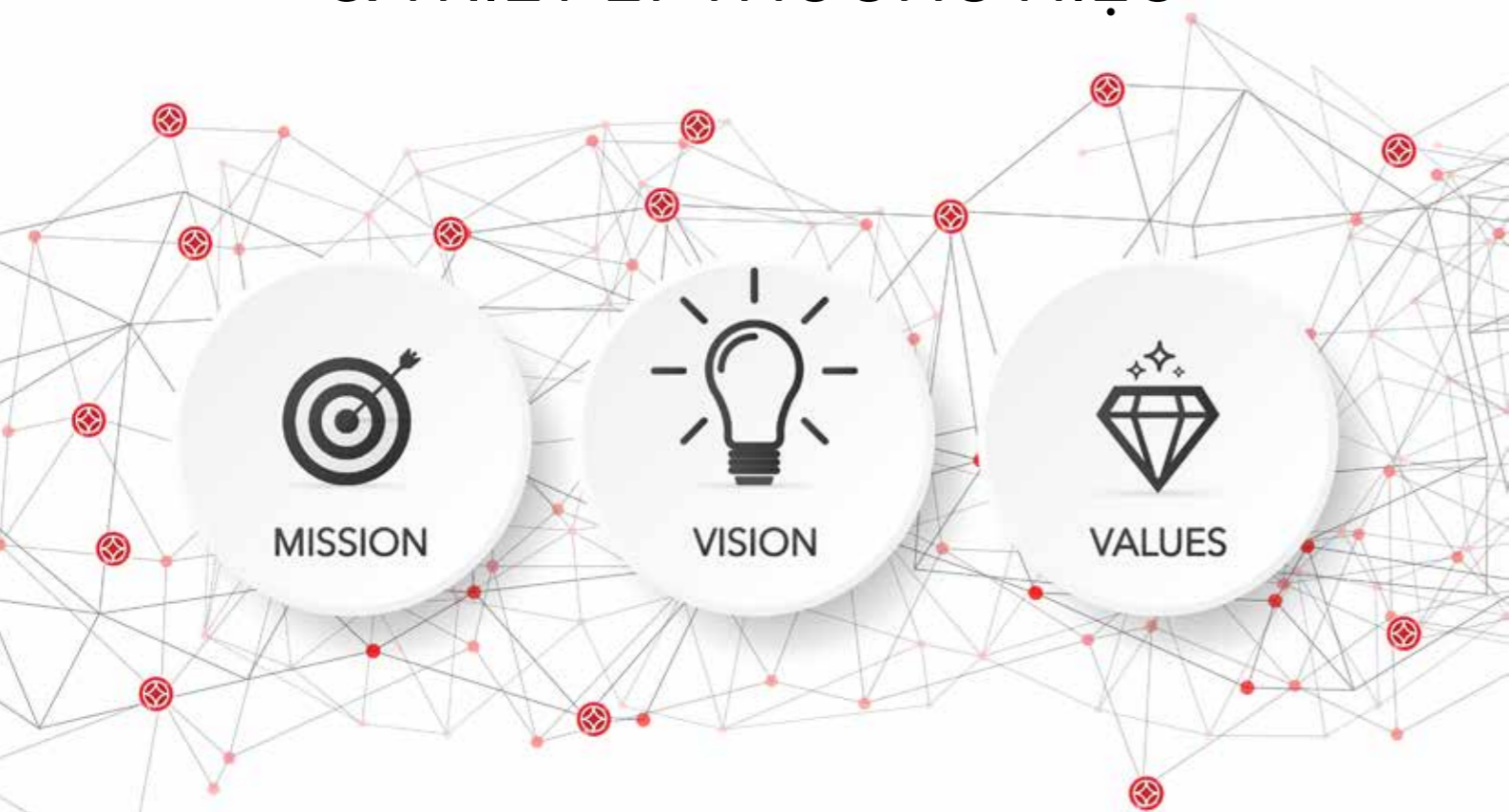
Bước sang 2022, nền kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều khả quan khi tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng, tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát không gây nhiều tác động đối với nền kinh tế. Tôi tin tưởng rằng với sự nhiệt huyết, tinh thần quyết tâm, hành động quyết liệt, bản lĩnh vững vàng, chủ động, tiên phong cùng nền tảng vững chắc về công nghệ, nhân sự, sản phẩm dịch vụ và hệ sinh thái đối tác chiến lược, SeABank sẽ vượt qua mọi thách thức, tận dụng cơ hội, đón thời cơ mới, để thực hiện sứ mệnh kết nối những giá trị cuộc sống đích thực cho khách hàng, đối tác, cho nhà đầu tư, cho CBNV, cho cộng đồng và cho Việt Nam.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,

Lê Thu Thủy
Tổng Giám đốc

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & TRIẾT LÝ THƯƠNG HIỆU



Sứ mệnh

Phục vụ với sự tận tâm, nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.

Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng. SeABank cam kết minh bạch thông tin và mang tới dịch vụ hoàn hảo cùng lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Chiến lược phát triển

Xây dựng và phát triển SeABank trở thành ngân hàng bán lẻ tiêu biểu tại Việt Nam là chiến lược phát triển cốt lõi của SeABank trong thời gian tới. Trong chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ, SeABank sẽ tập trung đặc biệt vào khách hàng cá nhân, đồng thời phát triển mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như doanh nghiệp lớn. Các sản phẩm, dịch vụ của SeABank được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của từng đối tượng và phân khúc khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



VÌ
CỘNG ĐỒNG

Kết nối, mang giá trị lợi ích cho khách hàng & cộng đồng.

LUÔN
MINH BẠCH

Luôn minh bạch để xứng đáng với nghề nghiệp trong mắt khách hàng

ĐỒNG
CHÍ HƯỚNG

Tinh thần làm việc trách nhiệm, đồng lòng, vì niềm tin của khách hàng

SAY
KHÁT VỌNG

Khát vọng cống hiến và khẳng định giá trị, chinh phục thành công

MÃI
VỮNG BỀN

Mở rộng phát triển bền vững phục vụ cộng đồng

01

THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Tên giao dịch:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á
Tên tiếng Anh:	Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt:	SeABank
Năm thành lập:	1994
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 06/01/2022.
Vốn điều lệ:	14.785 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu:	18.663 tỷ đồng
Địa chỉ:	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Hotline:	1900 555 587
Số điện thoại:	024.39448688
Số fax:	024.39448689
Website:	seabank.com.vn
Email:	contact@seabank.com.vn
Mã cổ phiếu:	SSB

TỔNG TÀI SẢN GẦN
212.000
NGHÌN TỶ ĐỒNG



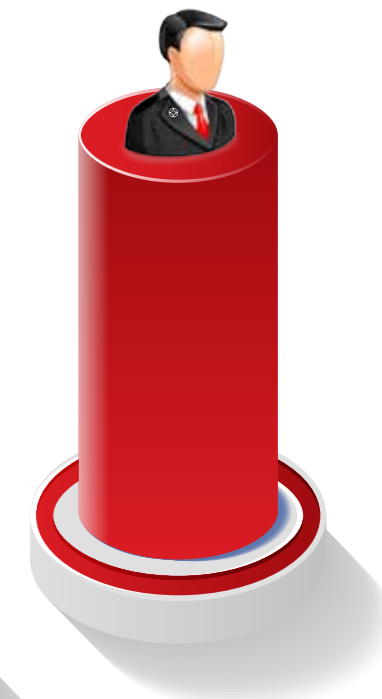
VỐN ĐIỀU LỆ
14.785
TỶ ĐỒNG



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG
GẦN **180**
ĐIỂM GIAO DỊCH



NHÂN SỰ HƠN
4.500
NGƯỜI



Tiềm lực tài chính vững mạnh, khả năng đổi mới không ngừng, cùng đội ngũ nhân sự thân thiện, giàu kinh nghiệm là tiền đề cho SeABank ngày càng lớn mạnh hơn nữa sớm hoàn thành mục tiêu trở thành

Ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

3 | 1994



Ngân hàng TMCP Hải Phòng (tiền thân của SeABank) được thành lập tại Hải Phòng.

9 | 2002



Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank.

3 | 2005



Chính thức chuyển Hội sở từ Hải Phòng về 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội, mở đầu cho việc phát triển mạnh mẽ về quy mô, mạng lưới giao dịch, tài sản, nguồn vốn, và các hoạt động ngân hàng khác.

12 | 2006



Ứng dụng thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos hiện đại bậc nhất thế giới chỉ trong vòng 01 năm triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để SeABank có thể ban hành các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng, hiện đại và chuyên nghiệp.

8 | 2007



MobiFone trở thành cổ đông chiến lược trong nước của SeABank.

3 | 2008



Chính thức phát hành thẻ ghi nợ nội địa S24+.

8 | 2008



Société Générale (Pháp) - Tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu Châu Âu trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của SeABank.

6 | 2009



Chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ.

12 | 2009



Chuyển Hội sở về 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

1 | 2010



Công bố bộ nhận diện thương hiệu mới.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(tiếp theo)

12 | 2010



Phát hành thẻ quốc tế SeABank MasterCard sử dụng công nghệ Chip EMV có độ an toàn và bảo mật cao nhất.

5 | 2011



Khai trương Văn phòng Đại diện Tp. Hồ Chí Minh đánh dấu nỗ lực vươn lên không ngừng của SeABank theo chiến lược ngân hàng bán lẻ và phát triển mạng lưới hoạt động tại khu vực miền Nam.

7 | 2011



SeABank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chấp nhận tất cả các loại thẻ quốc tế gồm Visa, MasterCard, CUP, American Express, JCB và Diners Club.

1 | 2012



Ra mắt Dịch vụ ngân hàng tự động (Autobank) đa dịch vụ nhất, được tích hợp đầy đủ các chức năng giao dịch ngân hàng cơ bản đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Việt Nam tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.

2 | 2012



SeABank được NHNN xếp hạng thuộc nhóm 1 và lựa chọn vào danh sách các ngân hàng thương mại cổ phần đủ điều kiện tham gia phục vụ các dự án ODA tại Việt Nam.

4 | 2012



Trở thành đại lý chính thức tại Việt Nam của công ty hàng đầu thế giới về dịch vụ chuyển tiền - Western Union.

10 | 2012



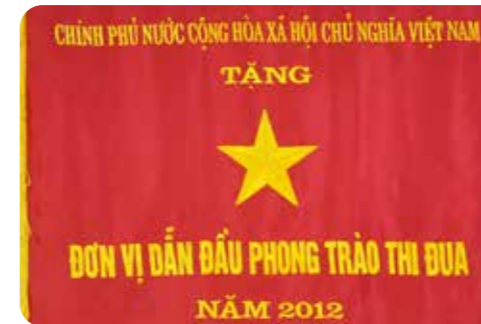
Chủ tịch nước trao tặng SeABank Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2007 đến năm 2011.

8 | 2013



SeABank và MobiFone - đối tác chiến lược trong nước của SeABank, ký thỏa thuận hợp tác nhằm phát huy tối đa thế mạnh, tăng cường hiệu quả kinh doanh cũng như gia tăng lợi ích cho CBNV và khách hàng của cả hai bên.

10 | 2013



Chính phủ và NHNN trao tặng SeABank Cờ thi đua "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2012" và Cờ thi đua "Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Ngân hàng năm 2012".

1 | 2014



Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Cổ phần PVI.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(tiếp theo)

1 | 2015



Ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Mercedes - Benz Việt Nam.

3 | 2016



Ký kết hợp tác chiến lược với hệ thống 5 siêu thị Big C tại Hà Nội.

4 | 2016



Trở thành thành viên của cộng đồng Eurogiro - Liên minh giữa ngân hàng và tổ chức bưu điện tại các nước.

8 | 2017



Chuyển đổi mô hình hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm với khát vọng trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.

11 | 2017



Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Nhì vì "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2017".

4 | 2018



Công bố các giá trị cốt lõi làm tôn chỉ cho hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết nối cộng đồng, Trách nhiệm đồng lòng, Minh bạch thông tin, Mở rộng bền vững, Khát vọng thành công.

6 | 2018



Tổ chức chuỗi giải chạy cộng đồng SeABank Run for The Future" gây quỹ học bổng Ươm mầm Ước mơ (UMUM) tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh.

6 | 2018



Chính thức tiếp nhận Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF) từ Tập đoàn VNPT.

6 | 2018



Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện với Tập đoàn Bưu chính viễn thông (VNPT).

12 | 2018



Tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng, trong đó phát hành hơn 23 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(tiếp theo)

7 | 2019



SeABank ký Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực fintech, phát triển thành phố thông minh với Tập đoàn BRG, Tập đoàn VNPT và Tập đoàn Sumitomo.

9 | 2019



Tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng.

10 | 2019



Moody's - một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank.

10 | 2019



NHNN công nhận SeABank đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II theo Quyết định 2263/QĐ-NHNN trước thời hạn.

12 | 2019



Hoàn thành việc mua lại trước thời hạn toàn bộ trái phiếu đặc biệt tại VAMC.

1 | 2020



Thiết lập quan hệ hợp tác dài hạn trong 20 năm triển khai mô hình bancassurance phân phối độc quyền các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Prudential Việt Nam.

4 | 2020



Ra mắt ứng dụng ngân hàng số SeAMobile - Trợ lý tài chính cá nhân có tính năng chăm sóc sức khỏe tài chính đầu tiên tại Việt Nam.

7 | 2020



Hoàn thành tuân thủ trụ cột Basel II trước thời hạn, SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.

11 | 2020



Được Chính phủ và Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu Quốc gia 2020.

12 | 2020



Tăng vốn điều lệ lên 12.087 tỷ đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(tiếp theo)

03 | 2021



Niên yết 1,2 tỷ cổ phiếu SSB trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).


05 | 2021



Moody's nâng đánh giá triển vọng của SeABank từ Ổn định lên Tích cực, giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm mức B1.

MOODY'S NÂNG MỨC ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA SEABANK TỪ ỔN ĐỊNH LÊN TÍCH CỰC


07 | 2021



SeABank, Tập đoàn BRG và Vietnam Airlines ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược.

LỄ KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA TẬP ĐOÀN KHÔNG VIỆT NAM, TẬP ĐOÀN BRG & NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á.

09 | 2021



Tăng vốn điều lệ lên 13.425 tỷ đồng.

13.425 tỷ đồng

10 | 2021



SeABank được HR Asia vinh danh Nơi làm việc tốt nhất châu Á.

TƯ HAO LÀ NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT CHÂU Á 2021


11 | 2021



SeABank, Tập đoàn BRG và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ký kết Thỏa thuận hợp tác.

LỄ KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM & TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

12 | 2021



Tăng vốn điều lệ lên 14.785 tỷ đồng.

14.785 tỷ đồng

12 | 2021



SeABank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được The Banker vinh danh "Ngân hàng của năm 2021".

NGÂN HÀNG CỦA NĂM 2021



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ

Dịch vụ trung gian tiền tệ, bao gồm:

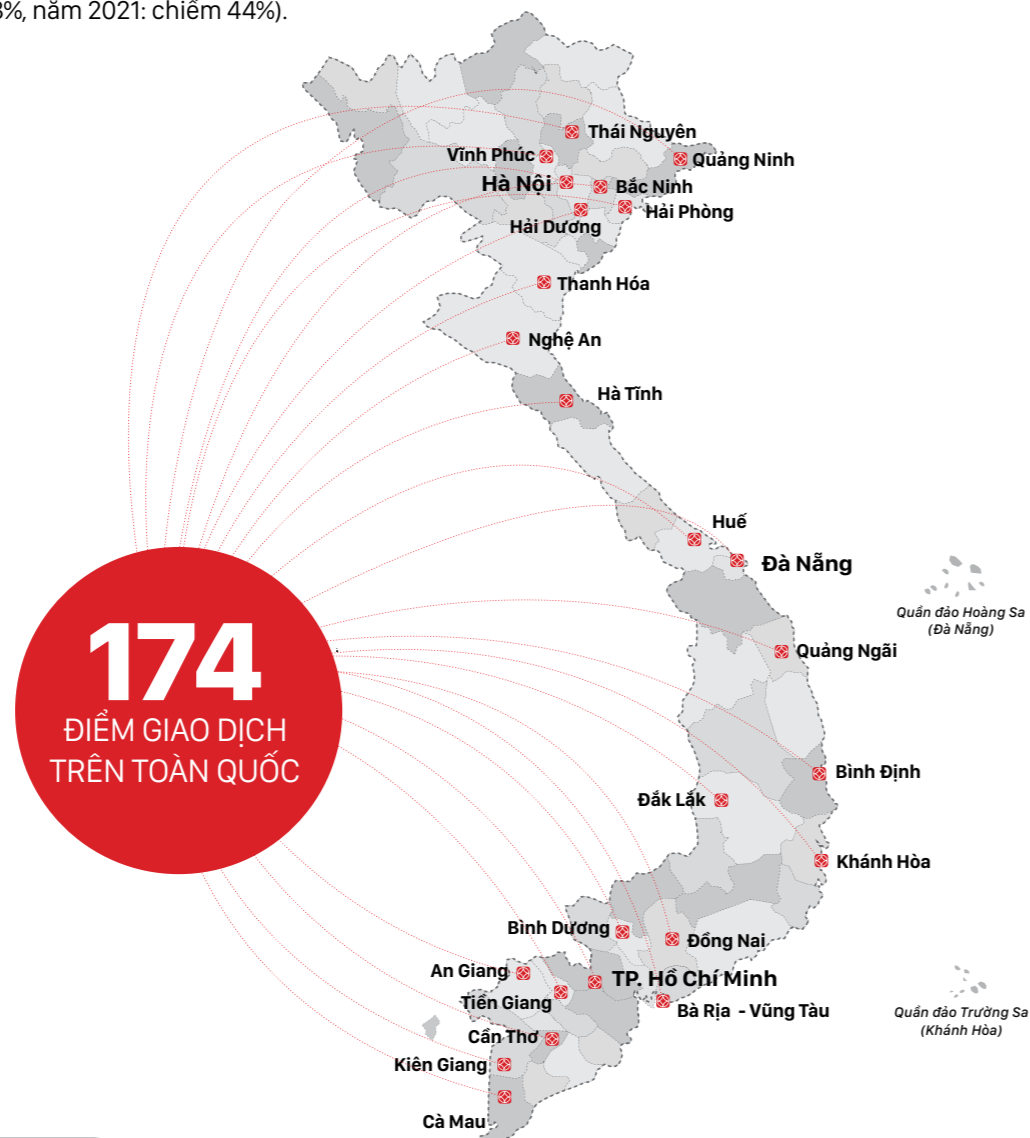
- Dịch vụ huy động vốn;
- Dịch vụ cho vay;
- Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;
- Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;
- Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ ngân hàng đại lý;

Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

ĐỊA BÀN KINH DOANH

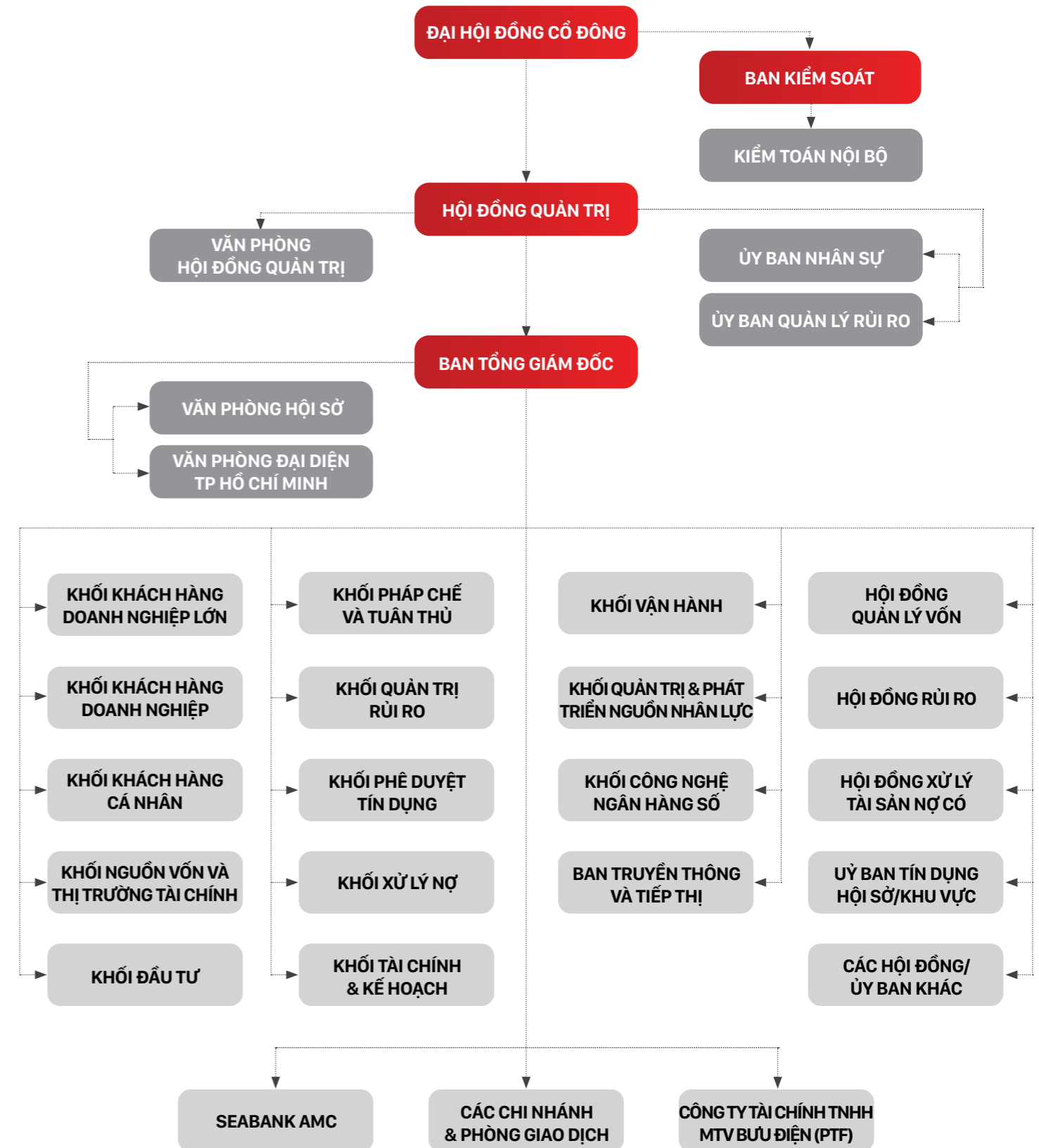
174 điểm giao dịch tại 29 tỉnh thành phố trên cả nước.

Trong đó, SeABank chi nhánh Sở Giao dịch và các khối kinh doanh thuộc Hội sở chiếm 10% tổng doanh thu trở lên trong hai năm gần nhất. (SeABank Sở giao dịch - năm 2020: chiếm 16%, năm 2021: chiếm 20%. Các khối kinh doanh thuộc Hội sở - năm 2020: chiếm 43%, năm 2021: chiếm 44%).



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.





CÔNG TY CON

Hết tháng 12 năm 2021, SeABank có 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN SEABANK (SEABANK AMC)

Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Giấy CNĐKKD số : 0103099985 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008
Trụ sở chính : Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký : 500.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp : 500.000.000.000 VND
Chủ sở hữu : Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu : 100%
Ngành nghề kinh doanh chính : Quản lý nợ và khai thác tài sản



Ngày 03/12/2008, SeABank đã được NHNN chấp thuận thành lập Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc SeABank. Theo đó, SeABank AMC ra đời nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm

bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng. Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính SeABank, SeABank AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV BƯU ĐIỆN (PTF)

(SeABank mua lại theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 22/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước)

Tên doanh nghiệp : Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Giấy CNĐKKD số : 0100796508 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010
Trụ sở chính : Tầng 1 & 2, Số 3 Đặng Thái Thân, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
VĐL đăng ký : 1.050.000.000.000 VND
VĐL thực góp : 1.050.000.000.000 VND
Chủ sở hữu : Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu : 100%
NNKD chính : Tài chính tiêu dùng



Thành lập vào 10/1998, PTF là một trong những tổ chức tín dụng phi ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam, với 100% thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT.

Năm 2018, được sự chấp thuận của Thống đốc NHNN, VNPT đã chuyển giao toàn bộ vốn góp tại PTF cho SeABank.

Sau khi chuyển giao và tiến hành tái cơ cấu, trong năm 2020, PTF đã tập trung xây dựng và cung cấp nhiều loại hình cho vay với thủ tục nhanh gọn; đa dạng hóa sản phẩm với lãi suất cho vay hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, đa dạng từ khách hàng. Bên cạnh đó, PTF

còn tập trung phát triển mạng lưới, mở rộng đối tác kinh doanh, đặc biệt ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ, số hóa quy trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Để đảm bảo cơ chế vận hành an toàn và lành mạnh, PTF cũng đã tiến hành kiện toàn chất lượng đội ngũ nhân sự, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị.

PTF đang nỗ lực từng ngày để trở thành công ty tài chính tiêu dùng dẫn đầu, hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống và ổn định an sinh cho người dân, đồng thời nâng cao trải nghiệm của khách hàng thuộc hệ sinh thái BRG - SeABank.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỚI 2026

Xây dựng và phát triển trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất là chiến lược phát triển cốt lõi của SeABank trong thời gian tới.

SeABank đặt mục tiêu đến 2026 có

5 triệu khách hàng

Doanh thu ngoài lãi chiếm tỷ lệ

> 38,68%

Tỷ lệ giao dịch online chiếm

70%

Chi phí hoạt động / tổng thu thuần đạt

36%

Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn

< 3%

SeABank đặt mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về sự đóng góp với cộng đồng và trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức.



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và SeABank nói riêng bởi các hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu của các NHTM Việt Nam. Để đối phó với các rủi ro tín dụng, SeABank đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Trước hết, việc quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN và của SeABank. Đồng thời, SeABank thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tối thiểu theo các nội dung sau: Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng; Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

SeABank quản lý rủi ro tín dụng thông qua các hạn mức rủi ro tín dụng được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ bao gồm các hạn mức sau: Hạn mức cấp tín dụng đối với đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm. Hạn mức rủi ro tín dụng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro tín dụng) đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro tín dụng, đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng, các bộ phận, cá nhân tham gia vào hoạt động cấp tín dụng và phải được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank. Danh mục các hạn mức rủi ro tín dụng sẽ được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện và giám sát.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm giảm thiểu lỗ của SeABank do những

biến động về giá của các tài sản mà SeABank hiện có. Vì vậy, SeABank đã triển khai và áp dụng các biện pháp: Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường nhằm thống nhất quản trị rủi ro thị trường trên toàn hệ thống, đảm

bảo phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thị trường được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ đảm bảo tối thiểu bao gồm hạn mức rủi ro lãi suất, hạn mức rủi ro ngoại hối và hạn mức rủi ro giá hàng hóa.

Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi

RỦI RO NGOẠI HỐI

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn và giá trị của các loại tiền tệ của các khoản ngoại hối mà SeABank nắm giữ và vì thế có thể làm cho Ngân hàng phải gánh chịu thua lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động. Để phòng ngừa rủi ro này, SeABank đã triển khai xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền, đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro.

Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực. Đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh/quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả.

Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ

RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỐ NGÂN HÀNG

Rủi ro về lãi suất trên số ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của SeABank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Để phòng tránh loại rủi ro này, trước hết, SeABank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên số ngân hàng với các biện pháp cơ bản như: Thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên số ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng

ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch có rủi ro thị trường, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank và được phổ biến, truyền thông cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.

ngoài dự đoán, Ngân hàng sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options). Đối với các giao dịch cụ thể, SeABank còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình. Các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy bén và có một vai trò rất lớn bởi nó có thể giúp cho nhà quản lý giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống. Cuối cùng, SeABank luôn hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích và dự báo tình hình biến động tỷ giá của các loại đồng tiền để đưa ra quyết định kịp thời trong việc mua, bán các hợp đồng ngoại tệ, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý.

thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile); Sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên số ngân hàng; Xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống; Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên số ngân hàng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro lãi suất trên số ngân hàng) đảm bảo tối thiểu bao gồm: Hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; Hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên số ngân hàng.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Ngoài ra, SeABank còn áp dụng nhiều biện pháp khác để giảm thiểu rủi ro này như: Chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân Bên cạnh đó, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank (ALCO) đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất. Báo cáo về thị trường

trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường cho các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. SeABank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay để định hướng cho các hoạt động của mình.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Một số công cụ chính để quản lý rủi ro hoạt động đã triển khai tại SeABank như sau: Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro hoạt động; Thường xuyên theo dõi, đánh

giá, nhận dạng rủi ro hoạt động trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai; Nhận diện rủi ro hoạt động, thu thập và tạo ra kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động; Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ tối thiểu 6 tháng hoặc đột xuất để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống quản trị rủi ro hoạt động tại Ngân hàng.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SeABank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc SeABank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của SeABank. Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn.

lý thanh khoản; Chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thanh khoản được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank đã và đang áp dụng các giải pháp sau: Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài SeABank gây ra các ảnh hưởng trọng yếu cho SeABank và cần phải được xem xét trong mối liên hệ tính tới thanh khoản và nguy cơ rủi ro thanh khoản của SeABank; Xem xét quản lý rủi ro thanh khoản trong mối liên hệ với những rủi ro khác, bao gồm: Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng...; Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện SeABank hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản (bao gồm cả việc xác định tổn thất, chi phí khi tiếp cận thanh khoản trên thị trường); Xác định được chi phí đáp ứng nhu cầu thanh khoản và rủi ro thanh khoản trong việc định giá vốn nội bộ, đánh giá kết quả kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh trọng yếu (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng).

SeABank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. SeABank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ là rất quan trọng để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

SeABank cũng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (Hội đồng ALCO) để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.

Đồng thời, thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các nội dung cơ bản như: Nguyên tắc quản

RỦI RO TẬP TRUNG

Rủi ro tập trung là rủi ro khi ngân hàng tập trung vốn cho vay quá nhiều đối với một số khách hàng; cho vay quá nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định, cùng một loại hình cho vay có rủi ro cao. SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của NHNN.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG

Các hoạt động ngoại bảng mang đến rủi ro của SeABank chủ yếu bao gồm các khoản cam kết cho vay và các hình thức bảo lãnh. SeABank dùng uy tín của mình để bảo đảm cho các giao dịch của khách hàng được phục vụ thuận lợi và thông suốt, đáp ứng các nhu cầu phát sinh của nhiều loại khách hàng. Do đó, các giao dịch cam kết và bảo lãnh nếu không được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả bởi các bên tham gia sẽ là nguồn phát sinh rủi ro và trực tiếp tới khách hàng. SeABank đã và đang

thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng trong đó phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản thế chấp. Ủy Ban Tín dụng (Hội sở/Khu vực), chuyên gia phê duyệt tín dụng có chức năng quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ và được xem xét như là một khoản cho vay. Do đó, SeABank đã áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng tương tự cho các hoạt động ngoại bảng.





CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO ĐẶC THÙ KHÁC

Rủi ro về ngành

Với nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, SeABank đã dẫn tự động hóa các quy trình hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng. Chính điều này đã giúp cho SeABank duy trì lượng khách hàng hiện tại cũng như tạo điều kiện cho SeABank tiếp cận khách hàng mới.

Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. SeABank đã

có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin (ATTT) toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm ATTT tổng thể, có chiều sâu. Bên cạnh đó, với đặc điểm Ngân hàng có mạng lưới rộng (nhiều phòng giao dịch, chi nhánh trên khắp cả nước), SeABank luôn chú trọng đẩy mạnh công tác hậu kiểm, giám sát, kiểm soát chéo về ATTT nhằm bảo đảm phát hiện sớm các rủi ro CNTT và kịp thời xử lý. Năm 2020, SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam.

RỦI RO VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành hoặc SeABank không thu được số tiền như đã dự kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch mở rộng huy động vốn của Ngân hàng. Thêm nữa, khi phát hành thêm cổ phiếu thì ngân hàng còn phải tính thêm đến rủi ro pha loãng với khả năng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng trong khi lợi nhuận vẫn giữ nguyên hoặc không đạt mức kì vọng so với mức vốn điều lệ mới, nghĩa là thu nhập cơ

bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) giảm đi.

Để vươn đến mục tiêu là một Ngân hàng TMCP tiêu biểu của Việt Nam, SeABank đã xây dựng một chiến lược bài bản và thận trọng. Tương ứng với chiến lược này là một lộ trình tăng vốn bài bản và chi tiết. Toàn bộ số lượng tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để nâng cấp và mở rộng kinh doanh, đầu tư nâng cấp công nghệ, nâng cao hệ số an toàn, trong đó phần lớn được sử dụng để đưa vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của SeABank như: Thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của SeABank. Do vậy, rủi ro này tùy theo từng thời điểm có thể gây những ảnh hưởng cục bộ, theo từng lĩnh vực nhất định. Để hạn chế các rủi ro này, SeABank áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, chủ động mua bảo hiểm... đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

Rủi ro dịch bệnh bắt đầu từ cuối năm 2019 cụ thể là đại dịch Covid-19 đã lan ra nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ. Đến nay trên thế giới, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại châu

Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế xã hội toàn cầu và Việt nam, trong đó hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực.

NHNN cũng đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020, Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. SeABank luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội... liên quan đến hoạt động chống dịch, dập dịch và hỗ trợ khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn do đại dịch và phục hồi nền kinh tế.



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)

VNPT hiện nay là Tập đoàn bưu chính viễn thông hàng đầu tại Việt Nam hoạt động kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực viễn thông đầu tư hạ tầng, các thiết bị viễn thông... Với hạ tầng mạng lưới viễn thông - CNTT hiện đại, tiên tiến, phủ sóng toàn bộ 63 tỉnh thành trên cả nước và kết nối trực tiếp với hơn 240 quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới, VNPT là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT được 30 triệu thuê bao di động, gần 10 triệu thuê bao điện thoại cố định và hàng chục triệu người sử dụng internet tại Việt Nam tin dùng.



BRG GROUP

BRG Group là Tập đoàn kinh doanh đa ngành hoạt động trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, bất động sản, sân golf, khách sạn, du lịch giải trí, công thương và dịch vụ với các công ty thành viên và các đơn vị liên kết có uy tín tại Việt Nam và quốc tế, qua đó mang tới những dịch vụ tiện nghi giúp nâng tầm các tiêu chuẩn sống cho cộng đồng một cách nhất quán và minh bạch. Trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, hiện Tập đoàn BRG có 24 khách sạn đang hoạt động cũng như đang trong quá trình đầu tư xây dựng trong đó có 10 khách sạn mang thương hiệu quốc tế, hợp tác với các thương hiệu hàng đầu thế giới như Hilton, Four Seasons, Marriott, InterContinental Hotel Group... Đồng thời, BRG Group cũng là nhà phát triển sân golf lớn nhất Việt Nam hiện sở hữu 4 câu lạc bộ golf với 118 hố golf đẳng cấp quốc tế gồm BRG Kings Island Golf Resort, BRG Legend Hill Golf Resort (Hà Nội), BRG Ruby Tree Golf Resort (Hải Phòng) và BRG Danang Golf Resort (Đà Nẵng). BRG Group có tổng nhân sự gần 21.000 người trên toàn quốc.



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)



PRUDENTIAL VIỆT NAM

Prudential Việt Nam là một thành viên thuộc Tập đoàn Prudential - tập đoàn tài chính hàng đầu toàn cầu có trụ sở chính tại Vương quốc Anh. Prudential đã hoạt động tại Việt Nam trong hơn 20 năm và tập trung vào việc mở rộng thị trường bảo hiểm nhân thọ, thay đổi nhận thức của con người về bảo hiểm. Hiện Prudential Việt Nam có hơn 200.000 chuyên gia tư vấn tài chính, hơn 360 văn phòng tổng đại lý và 1,5 triệu khách hàng.



TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM (VIETNAM POST)

Vietnam Post là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích, kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước... Với mạng lưới các điểm phục vụ rộng khắp và kinh nghiệm cung cấp các dịch vụ, Vietnam Post đã khẳng định được ưu thế vượt trội của mình về năng lực phục vụ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trên mọi miền của đất nước.



SOCIÉTÉ GÉNÉRALE

Một trong 20 định chế tài chính lớn nhất thế giới với mạng lưới rộng lớn gồm 7.000 chi nhánh tại 76 quốc gia. Với danh mục sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng và hiện đại, Tập đoàn Societe Generale hiện có tới 32 triệu khách hàng.



TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là tổ chức công đoàn cấp cao nhất ở Việt Nam. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện cho giới lao động Việt Nam tham gia với các cơ quan và tổ chức hữu quan khi giải quyết các vấn đề về lao động và xã hội trong phạm vi quốc gia; đại diện cho giới lao động Việt Nam trong quan hệ với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các công đoàn quốc tế.



VIETNAM AIRLINES (VNA)

Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) là thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu - SkyTeam. Trong hơn 20 năm hoạt động, với tốc độ tăng trưởng trung bình năm luôn đạt mức hai con số, VNA đã không ngừng lớn mạnh và trở thành một hãng hàng không có uy tín trong khu vực nhờ thế mạnh về đội bay hiện đại, đường bay rộng khắp và lịch nổi chuyến thuận lợi.



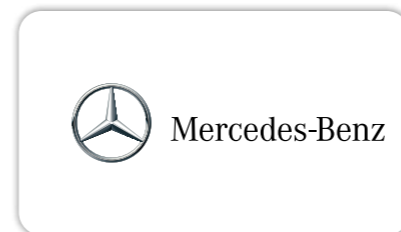
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Là một trong ba nhà cung cấp mạng thông tin di động lớn nhất Việt Nam, MobiFone nắm trên 30% thị phần, có gần 50 triệu thuê bao với gần 30.000 trạm 2G và 20.000 trạm 3G. MobiFone có mối quan hệ với hơn 400 đối tác di động tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, cung cấp dịch vụ chuyên vùng quốc tế cho thuê bao.



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (PV GAS)

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí Việt Nam với vị trí là nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam, nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại Việt Nam.



MERCEDES-BENZ VIỆT NAM

Công ty trách nhiệm hữu hạn Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các dòng xe du lịch tại thị trường Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Mercedes-Benz đã không ngừng đóng góp vào sự tăng trưởng của thị trường và trở thành một nhân tố chủ chốt của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam.



SUMITOMO CORPORATION VIỆT NAM

Sumitomo Corporation là một trong những tập đoàn hàng đầu Nhật Bản được biết đến rộng rãi trên thị trường gần 100 năm qua. Là một doanh nghiệp đa ngành, Sumitomo chuyên về kinh doanh các loại sản phẩm đa dạng dùng cho nhiều lĩnh vực như thực phẩm, kim loại, tài nguyên, công nghệ thông tin, năng lượng, điện tử và hóa chất... Sumitomo Corporation Việt Nam là một phần trong mạng lưới toàn cầu do Sumitomo Corporation lập ra với ba văn phòng đặt tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hoạt động tập trung trong lĩnh vực bất động sản, xây dựng và quản lý các khu công nghiệp phục vụ các doanh nghiệp Nhật và Hàn Quốc tại Việt Nam và các sản phẩm công nghiệp nặng.



PVI HOLDINGS

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) là doanh nghiệp dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như Năng lượng, Hàng hải, Tài sản - Kỹ thuật... PVI là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007 với mã chứng khoán PVI và sau đó tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)

HONDA
The Power of Dreams

HONDA VIỆT NAM

Được thành lập vào năm 1996, Honda Việt Nam đã không ngừng phát triển và trở thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất xe gắn máy và nhà sản xuất ô tô uy tín tại thị trường Việt Nam. Honda Việt Nam đã xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam và tạo được vị thế vững chắc bằng các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ hậu mãi hoàn hảo.

CENTRAL Group

CENTRAL GROUP VIỆT NAM

Central Group Vietnam (CGV) là thành viên của Central Group (Thái Lan), được thành lập tại Việt Nam vào tháng 7/2011, hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau gồm: Điện tử, thể thao, thời trang, trung tâm thương mại, khách sạn, thương mại điện tử cho đến siêu thị, đại siêu thị và hiện đang có hơn 17.000 nhân viên trên khắp cả nước. Big C là một thương hiệu của Central Group Việt Nam với hơn 9.000 cán bộ và nhân viên làm việc tại 36 trung tâm thương mại trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Intimex Home & Food

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Intimex Việt Nam là doanh nghiệp đứng đầu trong việc xuất khẩu các mặt hàng nông sản như cà phê, hạt tiêu, cao su tại Việt Nam đồng thời sở hữu 13 siêu thị bán lẻ trên toàn quốc. Trong những năm trở lại đây, Intimex đã có sự phát triển vượt bậc trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, đặc biệt xuất khẩu của công ty luôn chiếm 70% kim ngạch xuất nhập khẩu với mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nông sản, đặc biệt là cà phê và hạt tiêu. Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Intimex rất chú trọng đến công tác phát triển thị trường kinh doanh. Hiện công ty đã đặt quan hệ làm ăn với hơn 100 quốc gia cũng như đang tiếp tục phát triển thêm các bạn hàng mới.



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN)

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là tập đoàn quốc doanh chuyên kinh doanh sản xuất, truyền tải, phân phối và mua bán điện năng. EVN đã phủ sóng tới hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc với tổng công suất hệ là 34.000 MW. Thực hiện nhiệm vụ cung cấp điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, EVN hiện có 3 tổng công ty phát điện thuộc lĩnh vực sản xuất điện năng, 5 tổng công ty điện lực kinh doanh điện năng đến khách hàng.

Hapro

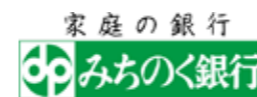
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (HAPRO)

Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) là doanh nghiệp hoạt động đa ngành, lấy xuất khẩu làm trọng tâm, qua gần 20 năm hình thành và phát triển, đặc biệt là sau khi hoàn tất quá trình cổ phần hóa và trở thành thành viên của Tập đoàn BRG, thương hiệu Hapro đã và đang khẳng định là thương hiệu xuất khẩu mạnh có thị trường tại gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt hàng trăm triệu USD, tập trung vào các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến và thủ công mỹ nghệ...



TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA (EVNNPT)

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) với sứ mệnh đảm bảo truyền tải điện an toàn, liên tục, ổn định cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và thị trường điện Việt Nam. Hiện, quy mô hệ thống điện truyền tải của EVNNPT đứng thứ 3 trong các nước ASEAN và đứng thứ 8 trong 24 tổ chức truyền tải điện của châu Á về chiều dài đường dây, đứng thứ 4 các nước ASEAN và đứng thứ 11 trong 24 tổ chức truyền tải điện của châu Á về dung lượng MBA.



MICHINOKU BANK (NHẬT BẢN)

Được thành lập từ năm 1921, Michinoku Bank là ngân hàng có bề dày kinh nghiệm hoạt động tại Nhật Bản. Ngân hàng này có hơn 1.200 CBNV với mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại Nhật Bản và 1 văn phòng đại diện tại Thượng Hải (Trung Quốc) với các dịch vụ đa dạng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

THACO
TRUONG HAI AUTO

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI (THACO)

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO) là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp và phân phối ô tô tại Việt Nam với 25 công ty, nhà máy trực thuộc. Hoạt động kinh doanh chính của THACO là sản xuất - lắp ráp - phân phối, cung ứng dịch vụ bảo trì sửa chữa và phụ tùng ô tô; sản xuất các linh kiện phụ tùng với tỷ lệ nội địa hóa gần 50%. Với hệ thống phân phối gồm 152 showroom, đại lý và xưởng dịch vụ trên toàn quốc, THACO đang từng bước thực hiện chiến lược phát triển thành tập đoàn công nghiệp đa ngành mang tầm khu vực ASEAN.



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)



CÔNG TY TNHH POSCO VIỆT NAM

Công ty TNHH Posco Việt Nam là thành viên của Tập đoàn POSCO (Hàn Quốc), có nhà máy cán nguội được xây dựng quy mô lớn nhất tại Đông Nam Á. Hiện tại, Posco Việt Nam cung cấp một cách ổn định nguyên liệu có chất lượng không chỉ cho thị trường Việt Nam, mà còn xuất khẩu ra các nước khác trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Malaysia... và nắm giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử kinh doanh thép của gia đình Posco tại khu vực Đông Nam Á.



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM (NAPAS)

Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) thành lập vào năm 2004 với mục tiêu chính là xây dựng hệ thống chuyển mạch tài chính quốc gia nhằm kết nối các hệ thống thanh toán thẻ nói chung, hệ thống ATM/POS nói riêng của các ngân hàng Việt Nam. NAPAS hiện đang quản trị và vận hành hệ thống chuyển mạch kết nối liên thông hơn 17.000 máy ATM, 270.000 máy POS, 300 doanh nghiệp thanh toán điện tử trong các lĩnh vực hàng không, viễn thông, khách sạn, du lịch; phục vụ hơn 100 triệu chủ thẻ của 46 ngân hàng thương mại trong nước và quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam.



COCA-COLA VIỆT NAM

Hoạt động tại Việt Nam từ năm 1994, Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam đóng vai trò điều hành hoạt động, bao gồm sản xuất và phân phối các dòng sản phẩm mang thương hiệu toàn cầu này trên thị trường Việt Nam. Coca-Cola đã có những đóng góp tích cực vào nền kinh tế và hỗ trợ phát triển xã hội bền vững thông qua các hoạt động đầu tư kinh doanh, chuỗi cung ứng, mạng lưới phân phối, nguồn nhân lực và các hoạt động cộng đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH (BMSC)

Với mức vốn điều lệ hiện tại là 500 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (BMSC) được phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo trong và ngoài nước, BMSC đã trở thành đối tác tin cậy cho sự thành công của khách hàng đúng như phương châm của BMSC.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ ASEAN (AJC)

Công ty CP Vàng bạc đá quý Asean (AJC) hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, chế tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ và các loại hàng hoá khác... theo mô hình Công ty mẹ có nhiều Công ty con nằm tại nhiều tỉnh thành trong cả nước gồm 5 chi nhánh, 22 trung tâm, cửa hàng kinh doanh, phòng giao dịch và 5 đại lý mua bán vàng miếng AAA, với đội ngũ gần 400 cán bộ công nhân viên. AJC cũng là một trong những doanh nghiệp có hệ thống dây chuyền sản xuất vàng miếng hiện đại theo công nghệ của Italia, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vàng 99,99% với nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ vàng nguyên liệu của Thụy Sĩ, công nghệ sản xuất vàng miếng AAA đã được cấp chứng chỉ ISO 2007.



HILTON HOTELS & RESORTS

Với 5.000 khách sạn trên toàn thế giới, hoạt động trên khắp 103 quốc gia, Hilton cung cấp trải nghiệm đẳng cấp, hiện đại và đồng nhất cho khách hàng. Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Hilton tự hào đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng trong việc cải thiện cuộc sống của những người trẻ tuổi, thông qua 1.500 dự án dành cho cộng đồng - một phần của chiến dịch Tháng dịch vụ toàn cầu thường niên. Tại Việt Nam, Hilton đang quản lý vận hành 2 khách sạn cao cấp nằm ở trung tâm Thủ đô Hà Nội, gồm khách sạn 5 sao Hilton Hanoi Opera và khách sạn 4 sao Hilton Garden Inn.



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)

Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) được đánh giá là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về khối lượng nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu trong nước, là đơn vị duy nhất thực hiện xuất khẩu dầu thô khai thác tại Việt Nam và bán dầu thô của PVN khai thác ở nước ngoài. Với hệ thống hơn 2.000 nhà phân phối trải rộng khắp cả nước cùng mạng lưới văn phòng đại diện ở nước ngoài, PV Oil đang ngày càng khẳng định vị thế lớn mạnh của một Tổng công ty chủ lực của PVN.



JW MARRIOTT HOTEL HANOI

Khách sạn JW Marriott Hanoi - thuộc Tập đoàn Marriott International tự hào là một trong những khách sạn 5 sao có chất lượng dịch vụ cao cấp nhất khu vực Đông Nam Á. Khách sạn là địa điểm lý tưởng phục vụ cho các sự kiện và nghỉ dưỡng bậc nhất tại Việt Nam. Sự xuất hiện của hệ thống khách sạn Marriott International được kỳ vọng thổi một " làn gió " toàn cầu hoá vào thị trường bất động sản, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của sản phẩm nhà ở siêu sang mới, tăng sức nóng đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy kinh tế và tạo dựng vị thế khác biệt cho Việt Nam.



DIEBOLD (HOA KỲ)

Tập đoàn Diebold là doanh nghiệp hàng đầu thế giới có lịch sử hơn 150 năm và hiện có trên 17.000 nhân viên hoạt động tại hơn 90 quốc gia trên thế giới về cung cấp các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ trong lĩnh vực tài chính toàn cầu, ngân hàng, máy ATM cũng như tư vấn và triển khai hệ thống phần mềm, các giải pháp an ninh tích hợp dành cho tòa nhà thông minh. Tại Việt Nam, Diebold là nhà cung cấp hệ thống ngân hàng tự phục vụ đầu tiên và duy nhất cho tới nay cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chính hãng.



INTERCONTINENTAL HANOI WESTLAKE

Tọa lạc tại một vị trí lý tưởng chỉ cách khu phố cổ Hà Nội vài phút, khách sạn InterContinental Hanoi Westlake cung cấp một thiên đường trải nghiệm tại trung tâm thành phố nhộn nhịp. Với sự kết hợp tiện nghi giữa lòng Hồ Tây thanh bình, chỗ ở rộng rãi, sang trọng và lòng hiếu khách chu đáo của người Việt Nam, khách sạn là nơi lưu trú hoàn hảo dù đi công tác hay nghỉ dưỡng.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

2021





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết thúc năm tài chính 2021, SeABank đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh được đặt ra tại Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 và có mức tăng trưởng ấn tượng so với năm 2020, cụ thể:

Lợi nhuận trước thuế đạt

3.268
tỷ đồng

tăng **89%**, hoàn thành **135%**
kế hoạch 2021

Tổng tài sản

211.663
tỷ đồng

tăng **17,2%**,
đạt **107%** kế hoạch

Tổng dư nợ thị trường 1 đạt

127.588
tỷ đồng

tăng **17%**

Tổng huy động và phát hành
giấy tờ có giá đạt

128.837
tỷ đồng

tăng **7,06%** so với thời điểm
31/12/2020

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)
hiệu quả ở mức

35,95%

Tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức

1,65%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ
2	Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Cử nhân Tài chính kế toán - Đại học Tài chính kế toán Hà Nội
3	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
5	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kế toán - Học viện Ngân hàng
6	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách Khoa Vienna - Cộng hòa Áo
7	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế, chuyên ngành Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngân hàng
8	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng
9	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội
10	Ông Vo Long Nhi (Andrew Vo) (bổ nhiệm mới trong năm)	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngành Tài chính - Đại học Simon Fraser University, British Columbia, Canada

KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	HỌ VÀ TÊN	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Phương	Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÀ LÊ THU THỦY
Tổng Giám đốc



ÔNG LÊ QUỐC LONG
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực



ÔNG VŨ ĐÌNH KHOÁN
Phó Tổng Giám đốc



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN TUẤN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN NGỌC QUỲNH
Phó Tổng Giám đốc



BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG HOÀNG MẠNH PHÚ
Phó Tổng Giám đốc



BÀ ĐẶNG THU TRANG
Phó Tổng Giám đốc



**ÔNG VÕ LONG NHI
(ANDREW VO)**
Phó Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm mới trong năm)



BÀ NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG
Kế toán trưởng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÊN DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH TRIỂN KHAI	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
A. Các dự án đang triển khai		
Thiết lập định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu	<p>Với sứ mệnh: “Phục vụ với sự tận tâm nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng” SeABank đã hoàn thiện xây dựng định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chiến lược “Hội tụ số”, bao gồm áp dụng các công nghệ mới, tối ưu hóa và tự động hóa quy trình trên nền tảng lấy khách hàng làm trọng tâm, trong năm 2020 và những năm tới SeABank sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nhiều dự án công nghệ: SeAMobile New – Trợ lý tài chính cá nhân tin cậy, Chatbot, eKYC, Smart-form nhằm hỗ trợ khách hàng mọi lúc mọi nơi trong quá trình sử dụng dịch vụ ngân hàng. Chiến lược kinh doanh theo chuỗi và hệ sinh thái nhằm gia tăng mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng khách hàng. Chiến lược đẩy mạnh doanh thu phí thông qua các sản phẩm thu phí. Hoàn thiện chiến lược kinh doanh theo phân khúc khách hàng cá nhân, tập trung vào hành trình trải nghiệm của khách hàng, quản trị tốt hiệu quả vòng đời sản phẩm và đơn giản, tối ưu hóa chu trình vận hành sản phẩm. 	<p>Dự án bắt đầu được triển khai từ tháng 09/2019 và tầm nhìn chiến lược của dự án tới năm 2025.</p> <p>Tổng mức đầu tư 50 triệu USD, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phần tư vấn: 5 triệu USD. Phần triển khai: 45 triệu USD.

TÊN DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH TRIỂN KHAI	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
Dự án Basel III	<p>Basel III là phiên bản mới của tiêu chuẩn hoạt động ngân hàng toàn cầu, được ban hành vào năm 2010, nhằm cải tiến phiên bản Basel II, ngay sau khi xảy ra sự kiện khủng hoảng tài chính những năm 2007 - 2009 và được quốc tế khuyến nghị nên áp dụng từ ngày 1-1-2023. Basel III không chỉ đơn thuần là một tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, mà còn là sự khẳng định của một ngân hàng về chất lượng tài sản, khả năng chống chịu trước những rủi ro</p> <p>Lợi ích triển khai Basel III:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực quản trị, lành mạnh hóa tình hình tài chính, minh bạch trong quản lý rủi ro đối với các đối tác và nhà đầu tư quốc tế, thúc đẩy hoạt động phát triển hơn, an toàn hơn. Tối ưu RWA và vốn trên cơ sở quản trị rủi ro tốt hơn nhờ các phương pháp luận nâng cao, cho phép tính toán đo lường nhạy cảm với rủi ro và thị trường, ra quyết định cân đối được giữa rủi ro và cơ hội sinh lời của việc nắm giữ vốn. Cải thiện thanh khoản, giúp ngân hàng có thể vượt qua trong tình huống khủng hoảng kinh tế, thông qua áp dụng chỉ số LCR, NSFR... 	<p>Thời gian bắt đầu triển khai: tháng 11/2021</p> <p>Dự kiến thời gian hoàn thành: tối đa 08 tháng.</p> <p>Tổng mức đầu tư: SeABank tự triển khai bằng nguồn lực hiện có.</p>
Dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS)	<p>Với bối cảnh xu thế toàn cầu hóa về hợp tác và phát triển kinh tế, các doanh nghiệp trên thế giới hiện nay ngoài việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc gia thì đều áp dụng cả Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) khi lập và trình bày báo cáo tài chính.</p> <p>Nhận thức rõ IFRS là xu hướng và là lợi ích, SeABank chủ động thực hiện chiến lược chuyển đổi áp dụng sớm IFRS nhằm đưa ngân hàng hướng tới những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, tiên phong trên thị trường trong việc xây dựng một giải pháp tự động hóa đồng bộ trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại nhất hiện nay, song song với việc chuyển đổi toàn diện về hệ thống, quy trình, chính sách, và nâng cao năng lực nội bộ theo các yêu cầu của IFRS.</p> <p>Lợi ích của việc triển khai áp dụng IFRS:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng khả năng so sánh quy mô và kết quả kinh doanh với các đối thủ quốc tế. Tăng khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Hỗ trợ quản lý rủi ro nhờ công cụ tính toán giá trị hợp lý của tài sản và công nợ của Ngân hàng. Nâng cao khả năng đo lường và quản lý kết quả kinh doanh dựa trên các chỉ số đo lường hiệu quả chính. <p>Sử dụng chung ngôn ngữ báo cáo tài chính toàn cầu kết hợp tính minh bạch được nâng cao sẽ mở rộng cánh cửa đưa SeABank nhanh chóng hội nhập quốc tế với những lợi ích kinh tế to lớn, nâng cao vị thế và tính cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường; thay đổi tích cực hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro, phối hợp chặt chẽ chức năng rủi ro và tài chính; đồng thời tạo dựng cơ sở phân bổ hợp lý nguồn lực để tăng hiệu quả sử dụng vốn, tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng.</p>	<p>Dự án đang trong giai đoạn triển khai làm việc với các đơn vị tư vấn và giải pháp.</p> <p>Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: tháng 4/2020.</p> <p>Dự kiến thời gian hoàn thành: tối đa 2,5 năm (đã được điều chỉnh)</p> <p>Tổng mức đầu tư: 23,5 tỷ đồng.</p>



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

(tiếp theo)

TÊN DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH TRIỂN KHAI	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
Dự án hoàn thiện trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa của SeABank	Triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục của Ngân hàng; Đáp ứng tuân thủ các quy định, chính sách Nhà nước về hoạt động kinh doanh Ngân hàng.	<ul style="list-style-type: none"> Thời gian triển khai: từ tháng 12/2019 Tổng đầu tư phần cứng: 133 tỷ Tiến độ thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> Đã hoàn thành thuê vị trí lắp đặt, triển khai hạ tầng Trung tâm dữ liệu dự phòng. Đã hoàn thành triển khai hạ tầng, đường truyền mạng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng. Đang thực hiện triển khai các hệ thống, ứng dụng tương tự trung tâm dữ liệu chính (Data Center- 25 Trần Hưng Đạo). Thời gian hoàn thành dự kiến Quý III - IV năm 2021.
Dự án Tự động hóa giao dịch quầy (giai đoạn I)	<p>Đẩy mạnh việc tự động hóa nhận diện thông tin khách hàng dựa trên AI (thông qua hình ảnh khuôn mặt, vân tay) để rút ngắn thời gian giao dịch, đem lại trải nghiệm mới cho khách hàng của SeABank.</p> <p>Thống nhất nội dung cũng như phương thức nhập liệu nhằm tạo tính đồng bộ, giảm thiểu tối đa rủi ro trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ tại quầy của giao dịch viên.</p> <p>Giải phóng nhập liệu thủ công thông qua ứng dụng OCR bóc tách thông tin GTTT. Các thông tin khách hàng, thông tin do giao dịch viên nhập liệu sẽ được kéo thả và tự động điền vào các biểu mẫu giao dịch tương ứng để chuyển khách hàng ký.</p> <p>Đơn giản hóa quá trình thực hiện giao dịch: cho phép giao dịch viên đăng ký đồng thời nhiều dịch vụ kết hợp trên 1 màn hình duy nhất và thao tác trên 1 hệ thống duy nhất.</p> <p>Giúp minh bạch trong quá trình nhập liệu: Giúp khách hàng quan sát trực tiếp quá trình nhập liệu thông tin từ đó phản hồi điều chỉnh và xác nhận thông tin trước khi ký biểu mẫu đăng ký giao dịch.</p>	<p>Thời gian triển khai: Tháng 8/2020</p> <p>Tổng đầu tư: 3 tỷ</p> <p>Tháng 6/2021: Hoàn thiện 8 chức năng và triển khai thí điểm tại Sở Giao dịch</p> <p>Tháng 8/2021: Triển khai thí điểm tại 5 điểm giao dịch tiếp theo.</p> <p>Dự kiến tháng 2/2022: Đánh giá triển khai dự án giai đoạn 1.</p>
Dự án Xây dựng hệ thống phần mềm SeAOps	<p>Ứng dụng công nghệ AI để hỗ trợ kiểm soát chứng từ thay thế cho cách thức kiểm soát thủ công truyền thống nhằm hạn chế lỗi chứng từ của đơn vị kinh doanh.</p> <p>Tự động hóa luồng chứng từ end-to-end và khép kín luồng theo dõi chứng từ giúp giảm chi phí in ấn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình kiểm soát.</p> <p>Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và giúp quản lý khách hàng sau cấp tín dụng chính xác, nhanh chóng thông qua tự động hóa tính toán và cập nhật dữ liệu khách hàng sau cấp tín dụng.</p>	<p>Thời gian triển khai: tháng 5/2021</p> <p>Tổng đầu tư: 6,4 tỷ đồng</p> <p>Dự kiến tháng 12/2021: triển khai chính thức.</p>

TÊN DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH TRIỂN KHAI	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2021		
Dự án Basel II	<p>Năm 2019, NHNN đã phê duyệt chấp thuận cho SeABank triển khai áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn từ 01/11/2019, theo đó tỷ lệ an toàn vốn của SeABank đã được tính toán tự động và kết quả luôn đạt trên 10%.</p> <p>Với việc hoàn thành triển khai toàn bộ 3 trụ cột của Basel II, SeABank sẽ tạo lập mối quan hệ gắn kết giữa rủi ro và lợi nhuận, nâng cao khả năng dự báo và lập kế hoạch cũng như hiệu quả giám sát cấp cao trong nội bộ, đồng thời tạo nền tảng để tiếp tục nâng cấp khi thực hiện các phương pháp đo lường theo các chuẩn tiên tiến, khẳng định được sự lành mạnh về tài chính.</p>	<p>Dự án được bắt đầu triển khai vào năm 2017. Hiện tại, Dự án đã hoàn thiện và đang đi vào giai đoạn tổng kết để có thể áp dụng các tiêu chuẩn nâng cao của Basel II.</p> <p>Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống Basel II để tối đa hóa tỷ lệ CAR, đồng thời triển khai quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn - ICAAP.</p> <p>SeABank xây dựng hệ thống tính CAR theo yêu cầu của NHNN tại Thông tư 41 và báo cáo ICAAP (đánh giá nội bộ mức đủ vốn) tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN bằng nguồn lực nội bộ và trên các nền tảng hệ thống công nghệ thông tin sẵn có, do vậy SeABank không mất chi phí cho việc mua/thuê các giải pháp từ bên ngoài. Chi phí phát sinh cho dự án Basel II chủ yếu là chi phí nhân sự.</p>
Dự án phát triển hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Citad và Hệ thống Core-banking tiên đi; tiến đến theo chuẩn IBPS 2.5	<p>Để theo kịp xu hướng và yêu cầu phát triển trong hoạt động thanh toán của nền kinh tế quốc gia và trên đường hội nhập quốc tế, NHNN đã xây dựng và bắt buộc ngành Ngân hàng phải nâng cấp, phát triển mới hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia. Trước tình hình đó, SeABank cũng tiếp nhận, lập dự án và triển khai phân tích, nâng cấp và phát triển hệ thống nhằm đáp ứng kịp tiến độ mà NHNN đề ra.</p> <p>Những lợi ích đem lại khi hoàn thành dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> SeABank là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên và là Ngân hàng TMCP duy nhất nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng mới và là ngân hàng duy nhất được chọn thí điểm chuyển tiền thông luồng ngoại tệ. Bổ sung đầy đủ các tính năng chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng tại SeABank theo yêu cầu hiện đại hóa kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng từ NHNN. Bổ sung đầy đủ hơn các dịch vụ chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng như: Chuyển tiền đến ngoại tệ, quyết toán theo lô Napas... giúp phục vụ đầy đủ, nhanh chóng hơn và đa dạng hơn cho khách hàng. Hỗ trợ xử lý các giao dịch của Khối Nguồn vốn theo hướng tự động hóa giúp Khối nhanh chóng kiểm soát luồng tiền tại SeABank phục vụ kinh doanh. Bổ sung thêm một số thông tin giao dịch, giúp thanh toán trong nước kiểm soát và hạch toán tiền về cho khách hàng được nhanh hơn khoảng 70%, an toàn hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng vào tháng 3/2020 - Citad. Hoàn thành xây dựng và phát triển hệ thống xử lý tiền về đáp ứng theo chuẩn IBPS 2.5 giai đoạn 1 vào tháng 7/2020. Hoàn thành các hạng mục chính của hệ thống Corebanking tiến đi. Test Giai đoạn 1 bắt đầu trong tháng 12/2020. Tổng mức đầu tư: 3 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

(tiếp theo)

TÊN DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH TRIỂN KHAI	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
Dự án Văn phòng điện tử	<p>Hỗ trợ trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp, quản lý trình và duyệt văn bản, quản lý công việc và các công tác hành chính khác nhằm hiện đại hóa phương thức quản trị truyền thống.</p> <p>Giúp thông tin được truyền tải tới toàn bộ CBNV một cách đồng nhất, thuận tiện và nhanh chóng và giảm thiểu, tiết kiệm chi phí văn phòng.</p> <p>Nâng cao hiệu quả quản lý của lãnh đạo cũng như tăng năng suất lao động của CBNV, cải thiện chất lượng công việc.</p> <p>Giúp khi ký duyệt văn bản nhanh chóng ngay khi không ngồi tại bàn làm việc, mọi lúc mọi nơi và không bị giới hạn bởi không gian, thời gian làm việc.</p>	<p>Thời gian triển khai: Tháng 6/2020</p> <p>Tổng đầu tư: 2,2 tỷ đồng</p> <p>Tháng 6/2021: Triển khai chính thức tại Khối Vận hành và Khối Công nghệ Ngân hàng số.</p> <p>Tháng 7/2021: truyền thông đào tạo cho CBNV toàn hàng.</p>
Dự án Trung tâm giám sát an ninh (SOC)	<p>Cải thiện khả năng phát hiện sự cố bảo mật thông qua giám sát và phân tích liên tục hoạt động dữ liệu, đảm bảo phát hiện và ứng phó kịp thời các sự cố bảo mật, giúp Ngân hàng chủ động hơn trong việc đối phó với các mối đe dọa về an ninh mạng.</p>	<p>Thời gian triển khai: 12/2020</p> <p>Tổng đầu tư: 18 tỷ đồng/3 năm</p> <p>Tháng 6/2021: đưa vào hoạt động chính thức.</p>
Dự án SoftOTP	<p>Ứng dụng SoftOTP hỗ trợ chức năng chủ động lấy mã khóa bí mật dùng một lần (OTP) để khách hàng thực hiện xác thực các giao dịch của ngân hàng. Ứng dụng giúp đảm bảo bảo mật 2 lớp cho các ứng dụng của SeABank: SeAOffice, eBank khách hàng doanh nghiệp, chuyển đổi số.</p> <p>Dự án này tiết kiệm được khoảng 70 tỷ đồng tiền đầu tư mới và 5 USD/người dùng/tháng.</p>	<p>Thời gian triển khai: 10/2020</p> <p>Tổng đầu tư: Tự phát triển</p> <p>Tháng 5/2021: đưa vào hoạt động chính thức.</p>
Dự án Vàng online	<p>Cung cấp dịch vụ, hỗ trợ mua /bán vàng miếng SJC từ xa thông qua ứng dụng ngân hàng số SeAMobile/SeANet của Ngân hàng. Đồng thời, SeABank cũng tích hợp thêm chức năng gửi giữ hộ vàng trực tuyến song song dịch vụ gửi giữ hộ vàng truyền thống tại quầy với hệ thống kho quỹ, kết sắt an toàn, bảo mật đạt tiêu chuẩn quy định của NHNN.</p>	<p>Thời gian triển khai: 06/2021</p> <p>Tổng đầu tư: 850 triệu đồng</p> <p>Tháng 09/2021: đưa vào hoạt động chính thức.</p>

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021
1	Quy mô vốn		
	Vốn điều lệ	12.087.442	14.784.884
	Tổng tài sản có	180.207.288	211.663.515
	Tỷ lệ an toàn vốn	11,5%	11,68%
2	Kết quả hoạt động kinh doanh		
	Số dư huy động tiền gửi	113.276.597	109.784.637
	Số dư cho vay khách hàng	108.869.236	127.588.159
	Doanh số huy động tiền gửi	304.895.035	324.604.883
	Doanh số cho vay	95.057.206	156.446.599
	Doanh số thu nợ	84.801.809	137.727.676
	Nợ quá hạn	120.861	209.319
	Nợ xấu	2.022.474	2.104.609
	Thuế và các khoản phải nộp	186.013	302.044
	Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,16%	0,11%
	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,86%	1,65%
3	Khả năng thanh khoản		
	Khả năng thanh toán ngay	11,74%	21,20%
	Khả năng thanh toán 30 ngày	76,35%	70,50%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN SEABANK (AMC):

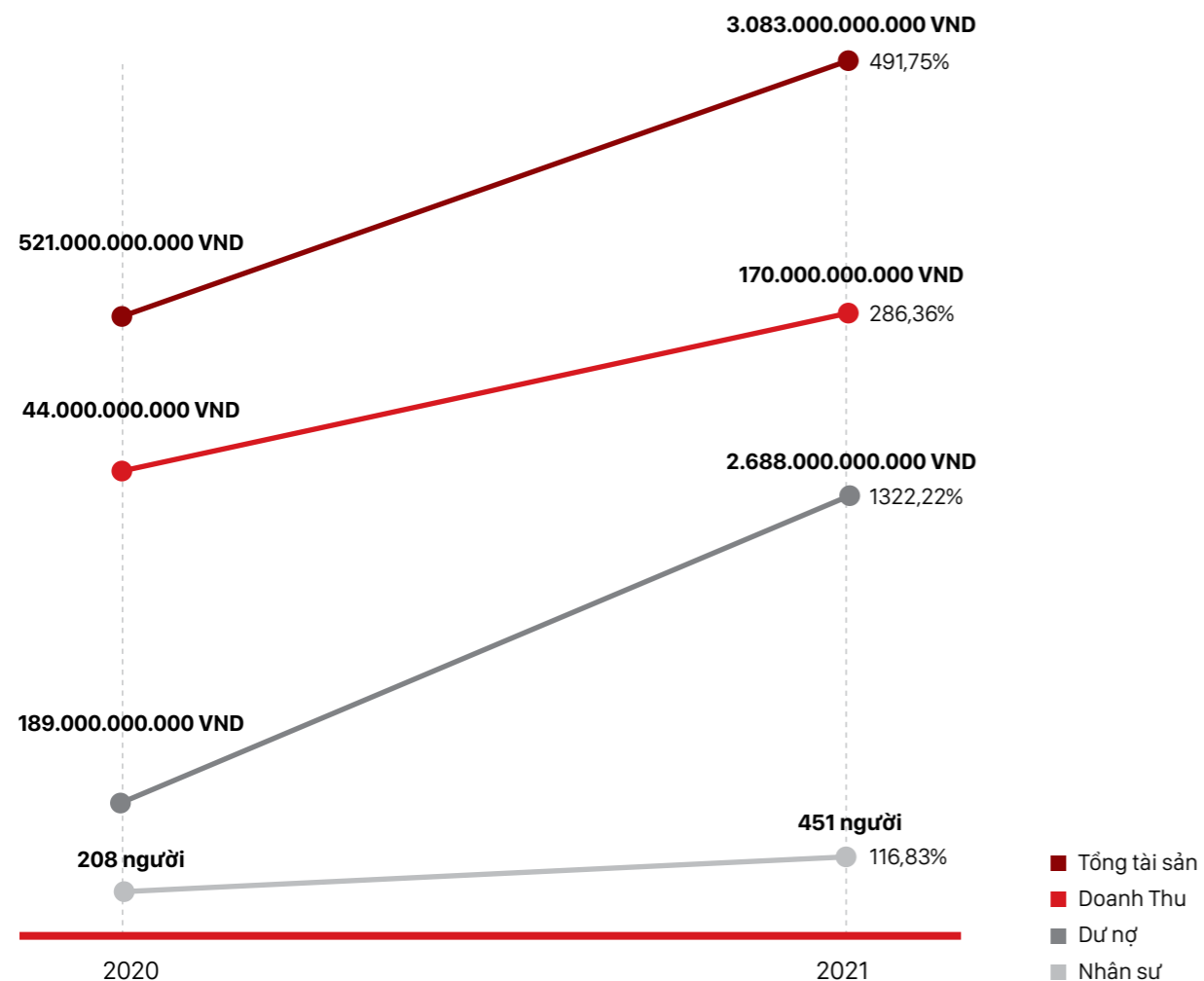
Trong những năm qua, SeABank AMC tập trung vào các hoạt động chính gồm: Kinh doanh, quản lý và khai thác tài sản theo hình thức tự doanh hoặc do SeABank ủy thác; Mua bán nợ; Hỗ trợ xử lý nợ xấu và đã có sự tăng trưởng ổn định.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020 (Tỷ đồng)	NĂM 2021 (Tỷ đồng)	TĂNG TRƯỞNG (%)
1	Tổng vốn kinh doanh	500	500	0%
2	Tổng tài sản	632,1	604,7	-4,33%
3	Lợi nhuận sau thuế	16,8	33,3	98,19%

CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV BƯU ĐIỆN (PTF):

Năm 2021 đánh dấu một năm phát triển vượt trội từ PTF với các con số kinh doanh ấn tượng:



QUẢN TRỊ RỦI RO

SeABank luôn coi quản trị rủi ro là một trong những trụ cột quan trọng, là điểm tựa giúp Ngân hàng thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến và chủ động

Việc hoàn thành Basel II sớm so với yêu cầu của NHNN để trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong việc hoàn thành triển khai Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn khảng định khả năng, tiềm lực của SeABank đối với công tác quản trị rủi ro cũng như cho thấy khả năng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của Ngân hàng. Trong cả năm 2021, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của SeABank luôn cao hơn mức yêu cầu tối thiểu của NHNN quy định tại Thông tư 41. Tại thời điểm 31/12/2021, tỷ lệ CAR hợp nhất của SeABank là 11,68%.

Không chỉ dừng lại ở đó, SeABank tiếp tục từng bước thực hiện mục tiêu tiệm cận những chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, chuẩn mực kế toán IFRS 9 và Basel III để nâng cao năng lực quản trị rủi ro, sẵn sàng ứng phó với các cú sốc của thị trường, đồng thời cũng nâng cao sức cạnh tranh của SeABank.

Rủi ro tín dụng

Song song với việc tăng trưởng tín dụng, SeABank đã thực hiện nhiều biện pháp để tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng tín dụng bao gồm: Nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho khách hàng doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, rà soát và điều chỉnh thường xuyên phân quyền phê duyệt tín dụng để đảm bảo theo sát chất lượng phê duyệt tín dụng; Nâng cao chất lượng định giá và quản lý tài sản bảo đảm thông qua việc kiểm tra thực địa, giám sát từ xa; Nâng cao năng lực thu hồi nợ, đặc biệt với nhóm nợ mới quá hạn để hạn chế chuyển nhóm cao hơn. Bên cạnh đó, SeABank cũng đã xử lý hiệu quả nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,86% cuối năm 2020 xuống còn 1,65% vào cuối năm 2021 (số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất). Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ xấu (tỷ lệ bao phủ nợ xấu) tại thời điểm cuối năm 2021 là 84,65%.

Trong năm 2021, SeABank cũng đã triển khai chính sách hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19 theo định hướng của NHNN (cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí, giảm lãi vay) và đã trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ đối với dư nợ quá hạn cũng như nợ được cơ cấu do ảnh hưởng bởi Covid-19.

Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Năm vừa qua, bên cạnh việc hoàn thiện các quy trình vận hành trong khâu quản trị rủi ro thị trường, thanh khoản và rủi ro lãi suất sổ ngân hàng, SeABank đã xây dựng được văn hóa quản trị rủi ro đối với các đơn vị kinh doanh và vận hành. Văn hóa quản trị rủi ro không chỉ giúp các đơn vị kinh doanh đưa ra các quyết định cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và rủi ro mà còn dự phòng trước những phương án ứng phó trong tình huống thị trường, pháp luật, vận hành... có biến động. Trong thời gian tới, khung quản trị rủi ro thị trường, thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng sẽ tiếp tục được đánh giá và cập nhật theo điều kiện và yêu cầu của thị trường nhằm đảm bảo công tác quản trị rủi ro đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế Basel III.

Rủi ro hoạt động

Do những ảnh hưởng mạnh mẽ từ dịch Covid-19, một trong những ưu tiên hàng đầu của SeABank trong năm 2021 là đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục và an toàn về sức khỏe cho toàn thể CBNV và khách hàng SeABank. Nhờ sự sát sao chỉ đạo của Ủy ban phòng chống Covid-19, các đơn vị của SeABank vẫn duy trì hoạt động kể cả trong những giai đoạn cao điểm Chính phủ yêu cầu thực hiện phong tỏa, giãn cách. Toàn thể CBNV SeABank được tiêm vaccine và trang bị các công cụ phòng dịch đầy đủ.

Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro hoạt động tại SeABank trong năm 2021 tiếp tục được củng cố và tăng cường thông qua việc vận hành hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ và triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động đã được Ngân hàng ban hành theo Thông tư 13. Hoạt động phòng chống gian lận cũng được củng cố thông qua việc nâng cấp bộ công cụ nhận diện giao dịch thẻ tín dụng khổng lồ và tiếp tục quản lý hệ thống danh sách cảnh báo tín dụng gian lận, giả mạo.

Xếp hạng tín nhiệm của Moody's

Năm 2021, SeABank tiếp tục được Moody's đánh giá chỉ số xếp hạng tín nhiệm ở mức B1 và nâng đánh giá triển vọng phát triển của SeABank từ Ổn định lên Tích cực, thể hiện đánh giá tốt của tổ chức này đối với hiệu quả hoạt động và tiềm năng của Ngân hàng. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định vị thế, tiềm lực, uy tín của SeABank với khách hàng, đối tác, đặc biệt là cộng đồng đầu tư nước ngoài.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành:

1.478.488.369
cổ phần

Số cổ phần phổ thông:

1.478.488.369
cổ phiếu, trong đó:

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Tổ chức	63	1.209.592.371	81,81%
	Trong nước	58	1.209.160.444	81,78%
	Nước ngoài	5	431.927	0,03%
2	Cá nhân	3.669	268.895.998	18,19%
	Trong nước	3.661	268.756.601	18,18%
	Nước ngoài	8	139.397	0,01%
	Tổng cộng	3.732	1.478.488.369	100%
	Trong đó:			
	- Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
	- Cổ đông khác	3.732	1.478.488.369	100%
	Tổng cộng	3.732	1.478.488.369	100%
	- Cổ đông lớn	1	86.591.636	5,86%
	- Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	3.731	1.391.896.733	94,14%
	Tổng cộng	3.732	1.478.488.369	100%

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2021

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021:

Trong năm 2021, được sự chấp thuận của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SeABank đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 12.087.442.080.000 đồng lên 14.784.883.690.000 đồng (tăng thêm 2.697.441.610.000 đồng).

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG (triệu đồng)	VỐN TĂNG THÊM (triệu đồng)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (triệu đồng)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994		3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập
1.	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
2.	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
3.	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
4.	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
5.	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
6.	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
7.	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG (triệu đồng)	VỐN TĂNG THÊM (triệu đồng)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (triệu đồng)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
8.	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
9.	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
10.	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
11.	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
12.	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
13.	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
14.	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG (triệu đồng)	VỐN TĂNG THÊM (triệu đồng)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (triệu đồng)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
15.	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu
16.	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi
17.	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
18.	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
19.	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11	7.688.000	Chi tiết:
			549.534,61		Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
			230.000,00		Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thưởng cho người lao động và phát hành cho CBNV)
			1.442.639,50		Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
20.	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
21.	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08	12.087.442,08	Chi tiết:
			1.311.660		Trả cổ tức bằng cổ phiếu
			1.406.782,08		Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
22.	Năm 2021	12.087.442,08	2.697.441,61	14.784.883,69	Chi tiết:
			1.102.441,61		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
			235.000,00		Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV
			1.360.000,00		Chào bán chứng khoán RCC cho cổ đông hiện hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ (Không có)

03

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021, nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt với các biến chủng mới như Delta và Omicron. Trong hoàn cảnh đó, SeABank đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh và chỉ tiêu tài chính đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đặt ra.

Cụ thể như sau:

Tổng tài sản đạt

211.663
tỷ đồng

tăng ròng **31.456** tỷ đồng, tương đương tăng trưởng **17,46%** so với năm 2020 và hoàn thành **107%** kế hoạch năm 2021

Huy động tiền gửi của khách hàng đạt

128.838
tỷ đồng

tăng ròng **8.497** tỷ đồng, tương đương mức tăng **7,06%** so với năm 2020 và hoàn thành **98%** kế hoạch năm 2021

Dư nợ cấp tín dụng đạt

129.801
tỷ đồng

tăng ròng **15.404** tỷ đồng và hoàn thành **101%** kế hoạch năm 2021, đảm bảo phù hợp với quy định của NHNN

Lợi nhuận trước thuế đạt

3.268
tỷ đồng

tăng ròng **1.540** tỷ đồng, tương đương tăng trưởng **89,07%** so với năm 2020 và hoàn thành **135%** kế hoạch năm 2021

Tỷ lệ nợ xấu của SeABank tại thời điểm 31/12/2021 là

1,65%

và luôn được duy trì ở mức dưới **3%** theo quy định của NHNN trong cả năm 2021

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN VÀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản của SeABank năm 2021 đạt 211.663 tỷ đồng, tăng trưởng 17,5% so với năm 2020 và hoàn thành 107% kế hoạch của cả năm 2021. Tổng tài sản của SeABank luôn được duy trì phù hợp với khả năng quản lý và sinh

lời tối đa cho Ngân hàng. Tài sản của Ngân hàng có mức tăng trưởng tốt, được phân bổ hợp lý, luôn đảm bảo an toàn hoạt động.

VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 đạt 18.663 tỷ đồng, tăng gần 4.993 tỷ đồng so với 31/12/2020. Trong năm 2021, SeABank đã tiến hành trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

được chuẩn Basel II.

Trong năm 2021, SeABank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 12.087 tỷ đồng lên 14.785 tỷ đồng (tăng 2.697 tỷ đồng), việc tăng vốn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh của Ngân hàng cũng như đáp ứng

SeABank đã hoàn thành cả ba trụ cột của Basel II trước thời hạn nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, chất lượng dư nợ tín dụng, cải thiện các chỉ số an toàn của Ngân hàng, triển khai đầy đủ các công cụ để kiểm soát và đáp ứng được các quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41.

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG/PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Tổng tiền gửi huy động và phát hành giấy tờ có giá của khách hàng đạt 128.837 tỷ đồng, tăng trưởng 7,06% so với thời điểm 31/12/2020 tương ứng tăng trưởng ròng 8.496 tỷ đồng.

phù hợp, đảm bảo đáp ứng tốt nguồn vốn cho vay, khả năng thanh khoản của Ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng huy động bền vững cũng như đảm bảo giảm thiểu tối đa chi phí huy động cho Ngân hàng.

Nguồn vốn huy động trong năm luôn được duy trì ở mức



📊 DỰ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự nợ cho vay khách hàng đạt 127.588 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng ròng 18.718 tỷ đồng, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch tăng trưởng tín dụng mà ngân hàng nhà nước đã giao trong năm 2021.

SeABank tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh, đồng thời từng bước đa dạng hoạt động cho vay ở các lĩnh vực, ngành nghề. Xu hướng chuyển dịch rõ rệt từ các ngành kinh tế có hệ số rủi ro cao sang các ngành kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, cho vay phát triển làng nghề, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn

📊 DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Thu nhập lãi thuần năm 2021 đạt 5.186 tỷ đồng, tăng 69,4% so với năm 2020. Việc gia tăng khoản thu nhập lãi chủ yếu đến từ việc tăng trưởng tín dụng của SeABank.

Bên cạnh lãi từ hoạt động cho vay khách hàng, SeABank còn đầu tư vào những khoản mục sinh lời khác và chứng khoán đầu tư là một trong những lựa chọn. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán luôn được SeABank đánh giá chi tiết, kỹ lưỡng, đảm bảo an toàn trong hoạt động và tối đa khả năng sinh lời.

Cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín

📊 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 của SeABank đạt 3.268 tỷ đồng, tăng 89% so với năm 2020 và hoàn thành 135% kế hoạch của năm 2021. Bên cạnh đó, chỉ số ROE năm 2021 của Ngân hàng đạt 16,12% và ROA là 1,33%.

Lợi nhuận của SeABank tăng do trong năm 2021 Ngân hàng ngoài thu từ hoạt động tín dụng truyền thống, tập

📊 TỶ LỆ NỢ XẤU VÀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 là 1,65%, tỷ lệ nợ xấu luôn được duy trì ở mức dưới 3% trong cả năm 2021.

SeABank đã chính thức được NHNN công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II theo Quyết định số 2263/QĐ-NHNN

khí dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, SeABank đã linh hoạt thực hiện nhiều giải pháp phù hợp để hỗ trợ tối đa doanh nghiệp, người dân, cũng như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay cho doanh nghiệp theo đúng chủ trương của NHNN. SeABank cũng tiên phong triển khai các gói tín dụng hàng nghìn tỷ đồng với mức lãi suất ưu đãi chỉ từ 6,5% đến 7,5% để các doanh nghiệp có thể tiếp cận dòng vốn vay dễ dàng hơn.

Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao do chuẩn hóa lại hệ thống kiểm soát nội bộ, bổ sung các chốt kiểm soát, tập trung hóa được nhiều nghiệp vụ từ khâu thẩm định khách hàng, phê duyệt, giải ngân cho đến khi khách hàng trả nợ.

dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại khác. Sự chuyển dịch cơ cấu này phù hợp với xu hướng chung của các ngân hàng hiện đại: Giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn.

Ngoài thu nhập chính từ hoạt động thu lãi thì tỷ trọng thu nhập ngoài lãi cũng ngày càng được cải thiện. Thu thuần ngoài lãi năm 2021 đạt gần 1.850 tỷ đồng, chiếm 26,3% so với tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh. Thu nhập ngoài lãi của Ngân hàng tăng trưởng từ chiến lược đẩy mạnh ngân hàng số, kênh bancassurance, thu phí dịch vụ ngân hàng, thu thuần ngoại hối...

trung các sản phẩm cho vay biên độ sinh lời tốt, Ngân hàng còn chú trọng đến các sản phẩm phi tín dụng, tăng trưởng mạnh ở hoạt động cung cấp dịch vụ, đặc biệt phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng cùng các đối tác chiến lược, đồng thời tiết giảm tối đa chi phí quản lý trong năm.

ngày 29/10/2019. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của Basel II cho thấy SeABank có đủ khả năng phòng ngừa các rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Tại 31/12/2021, theo Thông tư 41, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của SeABank là 11,68%.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH MỚI TẠO BẢN LỀ CHO SỰ TĂNG TRƯỞNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Năm 2021 là năm đánh dấu sự phát triển và chuyển mình của SeABank nói chung và phân khúc Khách hàng cá nhân (KHCCN) nói riêng. Mặc dù đây là năm thứ 2 của làn sóng Covid-19 với nhiều lần các thành phố lớn trở thành tâm dịch khiến việc phát triển kinh tế - xã hội

không ít lần bị ngăn trở, tuy nhiên với những định hướng chiến lược trọng tâm và những sáng kiến linh hoạt trong quá trình triển khai, SeABank vẫn đảm bảo được phát triển hiệu quả kinh doanh cũng như nâng cao về chất lượng dịch vụ tới khách hàng.

📊 TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG KHCCN

Trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, mặt bằng lãi suất huy động giảm mạnh, SeABank vẫn cố gắng đưa tới khách hàng những sản phẩm huy động vốn phù hợp với từng phân khúc, những chính sách, chương trình ưu đãi hấp dẫn nhất, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho khách hàng. Đặc biệt với việc triển khai nhiều sản phẩm huy động mới như sản phẩm tiết kiệm gửi góp Vun đáp tương lai, sản phẩm tiết kiệm gửi góp Ươm mầm ước mơ, sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn lãi cuối kỳ không những tạo cho SeABank danh mục sản phẩm đa dạng, đầy đủ mà còn góp phần thu hút, gia tăng số lượng khách hàng mới cho Ngân hàng.

Năm 2021 tiếp tục là năm SeABank đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm đầu tư phục vụ khách hàng, cụ thể doanh số sản phẩm Trái phiếu đạt hơn 11.800 tỷ đồng (bao gồm cả sản phẩm S-Bond và Newbond), sản phẩm SeA-Invest đạt hơn 1.550 tỷ đồng, góp phần không nhỏ giúp tăng doanh thu phí dịch vụ của SeABank. Với việc cung cấp danh mục sản phẩm đầu tư đa dạng, SeABank đã giúp khách hàng mở rộng thêm các cơ hội đầu tư, gia tăng lợi nhuận hiệu quả trong điều kiện thị trường nhiều biến động.



Trong năm qua, SeABank tiếp tục thực hiện chiến lược số hóa với những cải tiến, tinh chỉnh về quy định, quy trình, mẫu biểu huy động vốn, tăng tỷ lệ số hóa, rút ngắn thời gian giao dịch, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng tiền gửi hiệu quả. Các chương trình huy động với quy mô lớn được triển khai đã thu hút được số lượng khách hàng tham gia, điển hình với chương trình “Tết Như Ý - Xuân phú quý” với tổng doanh số huy động tăng rủng 1.967 tỷ đồng; Số sổ tiết kiệm mở mới đạt 81.901 sổ; Số khách hàng mới đạt 3.861 khách hàng; 7.405 thẻ tín dụng mở mới (trong đó có 821 thẻ hạng Platinum) và FYP Bảo hiểm nhân thọ bán qua SeABank đạt 396 tỷ đồng.

Trước tác động của dịch Covid-19, chính sách điều hành giảm lãi suất của NHNN, các chương trình này đã góp phần giữ nguồn huy động từ khách hàng cá nhân với lũy kế huy động là **65.507 tỷ đồng**.

📌 TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG KHCN

Do ảnh hưởng của đại dịch, nguồn thu nhập của khách hàng sụt giảm gây ảnh hưởng tới nguồn trả nợ khi vay vốn ngân hàng. Theo đó SeABank tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp, chính sách hỗ trợ khách hàng như: thực hiện cơ cấu nợ, giảm lãi suất cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, tháo gỡ khó khăn đối với hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ban hành. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã chủ động phát triển tín dụng trên các đối tượng khách hàng có thu nhập ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như: Nhóm khách hàng hưu trí; Công chức, viên chức nhà nước. Đồng thời triển khai cho vay thông qua các chương trình hợp tác với đối tác chiến lược như: VNPost; VNPT; BRG Group; Central Group...

Tiếp tục duy trì định hướng chú trọng tới các hoạt động an sinh xã hội, hướng tới cộng đồng và thực hiện chủ trương đẩy lùi tín dụng đen, SeABank tiếp tục đồng hành cùng Hội Phụ nữ các cấp để triển khai cho vay tới các hội viên Hội Phụ nữ (SeAWomen) nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế gia đình. Ngoài các hoạt động kể trên, SeABank cũng tiếp tục thực hiện chiến lược số hóa các sản phẩm cho vay để đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian thẩm định cho vay, thực hiện giải ngân hoàn toàn qua kênh online nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay và phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục phát triển số hóa đa dạng các sản phẩm theo từng



phân khúc khách hàng, đáp ứng theo nhu cầu và xu thế của thị trường với các sản phẩm như: Cho vay cầm cố tiền gửi online; Cho vay hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm online dành cho KHCN; Cho vay online không tài sản bảo đảm theo hạn mức thẻ tín dụng tại SeABank; Cho vay nhanh không tài sản bảo đảm qua ứng dụng của SeABank...

Với những hoạt động đã triển khai, trong năm 2021, Ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng của sản phẩm tín dụng đạt 117% so với năm 2020, tổng số dư cuối kỳ đạt **27.266 tỷ đồng**. Mảng tín dụng tiêu dùng tín chấp tăng trưởng 225% so với năm 2020 và 576% so với 2019.

📌 SẢN PHẨM THẺ VÀ TÀI KHOẢN

SeABank có hệ thống sản phẩm thẻ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu mọi phân khúc khách hàng và là thành viên của hai tổ chức thẻ có thị phần lớn nhất trên thị trường hiện nay là VISA và MasterCard. SeABank cũng là ngân hàng luôn đi đầu phát triển công nghệ với việc áp dụng các tính năng hiện đại nhất như Contactless, Samsung Pay, công nghệ bảo mật 3D Secure, công nghệ bảo mật với chip đạt chuẩn EMV đã mang tới sự tiện dụng và hài lòng cho khách hàng.

Là một trong những ngân hàng chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ nhằm số hóa sản phẩm, SeABank đã bắt đầu triển khai áp dụng mã PIN điện tử thay thế hình thức PIN giấy nhằm góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu chi phí giấy, in ấn. SeABank đồng thời cho triển khai Tổng đài tự động (CallBot) cho chương trình gia hạn thẻ tại SeABank và tiến tới mở rộng cho các dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán nhằm nâng cao trải nghiệm và giữ chân khách hàng cũng như tiết kiệm chi phí và nhân sự vận hành. Bên cạnh đó, với sự hợp tác giữa SeABank và Tập đoàn BRG, SeABank đã chuyển đổi hình thức ưu đãi từ voucher giấy sang e-voucher dành cho chủ thẻ SeAGolf Platinum. Ngoài ra, SeABank đang phát triển hệ thống số hóa các sản phẩm, quy trình phát hành thẻ bằng phương thức điện tử mang trải nghiệm mới cho khách hàng, dự kiến sẽ ra mắt vào năm 2022.

Với hệ thống sản phẩm đa dạng, cá nhân hóa cho từng đối tượng khách hàng và các chính sách cấp tín dụng tăng trưởng ấn tượng về số lượng và chất lượng thẻ. Trong năm 2021, SeABank cũng đã tiếp tục triển khai thành công các chiến dịch khai thác và phát hành thẻ tín dụng theo lô. Tổng số lượng thẻ ghi nợ quốc tế phát hành thành công là **68.156 thẻ**, thẻ tín dụng phát hành thành công là **31.771 thẻ**, thẻ ghi nợ nội địa phát hành thành công là **48.303 thẻ**. Tổng doanh thu phí thẻ là **117.349 tỷ đồng**.

Song song với việc phát hành thẻ mới cho khách hàng, các chương trình ưu đãi chăm sóc dành riêng cho chủ thẻ của SeABank tiếp tục được mở rộng và phát triển. Các ưu đãi được cập nhật liên tục hàng tháng, chính sách trả góp 0% được mở rộng trên phạm vi toàn quốc với mong muốn mang lại nhiều ưu đãi hấp dẫn nhất cho khách hàng cùng sự chăm sóc chuyên nghiệp. Cụ thể trong năm 2021, SeABank đã liên kết với 480 đối tác lớn với gần 10.000 điểm ưu đãi và hơn 50 đối tác trả góp tên tuổi trên thị trường.

Dịch vụ tài khoản trong năm 2021 cũng đã có nhiều bước tiến mới. Với việc đẩy mạnh sản phẩm tài khoản

thanh toán (TKTT) số đẹp, triển khai thêm nhiều kho số mới ngắn gọn dễ nhớ, cho phép khách hàng chọn toàn bộ dãy số tài khoản và đẩy mạnh triển khai các chương trình truyền thông, khuyến mại đã thu hút về doanh thu phí hơn 13 tỷ đồng. Cùng với đó, việc cơ cấu và điều chỉnh lại danh mục phí của dịch vụ tài khoản đã mang lại tổng phí mảng dịch vụ tài khoản (chưa kể tới Dịch vụ TKTT số đẹp) tới gần 23,5 tỷ đồng. Dự kiến vào năm 2022, mảng dịch vụ tài khoản sẽ tiếp tục đóng góp doanh thu phí lớn trong tổng doanh thu phí KHCN.





📦 SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Với mục tiêu đưa Bancassurance trở thành sản phẩm mũi nhọn, đóng góp lớn trong việc giúp Ngân hàng đẩy mạnh doanh thu phí, SeABank đã chính thức ký kết hợp tác chiến lược 20 năm với đối tác Prudential - đối tác đứng đầu thị trường kênh Bancas để triển khai cung cấp sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ đến khách hàng từ 10/03/2020. Đến nay, SeABank đã phục vụ thành công gần 35.000 khách hàng tham gia sản phẩm của Prudential và 18.000 khách hàng tham gia sản phẩm của AIA trước đó. Tính đến tháng 12/2021, SeABank đã phát hành được 396 tỷ đồng giá trị hợp đồng bảo hiểm, tăng trưởng 165% so với cùng kỳ năm 2020, bên cạnh tỷ lệ tăng trưởng của thị trường là 105% (theo đánh giá số liệu của hệ thống bảo hiểm).

Luôn hướng tới việc tối ưu hóa hành trình trải nghiệm khách hàng, trong năm 2021, SeABank đã trở thành một trong 2 đối tác của Prudential có chỉ số hài lòng của khách hàng đạt cao nhất. Nhằm đáp ứng công nghệ 4.0, SeABank đã mang đến cho khách hàng sản phẩm Bảo hiểm kỹ thuật số Pru - Bảo vệ 24/7 thông qua nền tảng ngân hàng số của SeABank, dịch vụ quản lý hợp đồng toàn diện trên SeAMobile, trở thành đối tác độc quyền cung cấp POS cho toàn bộ hệ thống Prudential và đảm bảo cho khách hàng được trải nghiệm dịch vụ trọn gói về bảo hiểm khi giao dịch với SeABank.

Với phương châm hoạt động lấy khách hàng làm trọng tâm, SeABank tập trung cung cấp cho khách hàng các giải pháp tài chính tối ưu và Bancassurance là một trong những công cụ để bảo vệ khách hàng cùng gia đình của họ, cũng như để đầu tư an toàn nhưng vẫn hiệu quả cho tương lai. Với mục tiêu chăm sóc và giải quyết tức thời những vướng mắc mà khách hàng gặp phải, SeABank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất hiện

nay có kênh chăm sóc khách hàng 24/7 riêng biệt khi tham gia sản phẩm Bancassurance. SeABank cũng có các chính sách ưu đãi hấp dẫn đối với các khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ như: "Trả góp 0% đối với các khách hàng thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ bằng thẻ tín dụng SeABank"; "Ưu đãi giảm lãi suất cho khách hàng vay vốn tại SeABank khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ"; "Phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ qua hệ thống SeABank"; "Tặng voucher cho khách hàng đang làm việc tại các doanh nghiệp khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ"... cùng các chương trình khuyến mãi "Quà tặng từ trái tim đến trái tim" trị giá hàng tỷ đồng.



Trong năm qua, SeABank cũng thực hiện kết nối thành công với ví điện tử Momo để mang đến nhiều tiện ích hơn cho khách hàng sử dụng dịch vụ của SeABank. Khách hàng có thể liên kết thẻ hoặc tài khoản thanh toán với ví Momo và được hưởng các ưu đãi riêng của Momo, giúp khách hàng thanh toán, mua sắm, đặt chỗ... vô cùng tiện lợi. Song song với việc cải tiến sản phẩm, liên tiếp các chương trình khuyến mãi, thúc đẩy kinh doanh được SeABank tổ chức xuyên suốt trong năm đã mang về kết quả bất phá trong năm 2021 với gần 100.000 users mở mới, đóng góp 30% trong tổng số lượng 306.000 users mới trong năm 2021, nâng tổng số user Ebank lên gần 600.000.

Với những hoạt động kể trên, SeABank đã gặt hái được những kết quả ấn tượng trong việc phát triển về số lượng và chất lượng dịch vụ ngân hàng số. Tỷ lệ user active tăng 3%, số lượng giao dịch thực hiện trên Ebank tăng hơn 170% và giá trị giao dịch tăng 239% đã giúp doanh thu phí năm 2021 tăng 130% so với năm 2020. Riêng dịch vụ tiết kiệm online có mức tăng trưởng vượt bậc, tăng hơn 500% so với năm 2020. Đây là kết quả khả quan, đánh dấu sự tăng trưởng nhanh chóng về dịch vụ Ngân hàng số của SeABank trên con đường hướng tới Ngân hàng số đích thực.

Sự tăng trưởng nhanh chóng về cả số lượng và chất lượng trong năm qua là minh chứng rõ ràng thể hiện tinh đúng đắn của SeABank trong quá trình chuyển đổi tập trung chiến lược số hóa và định hướng phát triển ngân hàng số.



📦 SẢN PHẨM NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Dịch Covid-19 kéo dài trong năm 2021 tác động lớn đến người tiêu dùng đã dẫn đến sự chuyển hướng sang giao dịch tài chính online. Đáp ứng những thay đổi của thị trường, trong năm 2021, SeABank tăng tốc đầu tư cho công nghệ số, áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại kết hợp với nâng cao năng lực lõi để phát triển dịch vụ ngân hàng số nhằm mang lại trải nghiệm liền mạch, thuận tiện và cá nhân hoá cho khách hàng.

SeABank không ngừng nâng cấp và cải tiến ứng dụng ngân hàng số SeAMobile/SeANet với nhiều tiện ích ưu việt, tiện lợi, độ an toàn cao như: nâng cấp sửa đổi tính năng đăng ký dịch vụ Ebank qua eKYC giúp khách hàng đăng ký Ebank dễ dàng và nhanh chóng; tính năng mua bán vàng và bảo hiểm online; tối ưu hóa giải pháp xác

thực giao dịch với tính năng SoftOTP; cài đặt mã PIN thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng trực tuyến hoàn toàn miễn phí; nhận thông báo qua ứng dụng Notification... đồng thời bổ sung thêm các tính năng mới hấp dẫn người dùng như khuyến mãi điện tử E-voucher, tùy chỉnh giao diện theo ý thích, tổng kết chi tiêu trong năm với SeAMobile... Đặc biệt, trong năm 2021, SeABank đã chuyển đổi nền tảng hoạt động của Ebank từ nền tảng vật lý sang nền tảng đám mây - Ebank Cloud giúp đáp ứng được khối lượng giao dịch lớn mà vẫn đảm bảo an toàn và bảo mật. Với những tiện ích này, Ebank của SeABank đã đáp ứng xu hướng thanh toán không tiền mặt hiện nay và đảo bảo các nhu cầu về tài chính trong cuộc sống một cách tiện lợi, nhanh chóng và hiện đại.

📦 CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ/KIỀU HỐI

Nhằm hướng tới mục tiêu vươn tầm thế giới, SeABank triển khai mạnh mẽ hoạt động dịch vụ kết nối người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài thông qua dịch vụ kiều hối và chuyển tiền quốc tế. Đây là một bước đi quan trọng trong chiến lược kinh doanh của SeABank. Năm 2021, SeABank đã số hóa dịch vụ kiều hối, chú trọng phát triển kênh tự động để tiết kiệm chi phí cũng như bắt kịp xu hướng hiện đại hóa ngân hàng. Với những thay đổi quan trọng này, kiều hối chi trả qua SeABank đạt doanh số gần 3.000 tỷ đồng, hệ thống báo có được triển khai đến tất cả các tài khoản ngân hàng/ thẻ ATM/tiền mặt tại nhà... trong cả nước.

Song song với dịch vụ kiều hối, chuyển tiền quốc tế cá nhân có bước chuyển biến nhảy vọt với lượng giao dịch

năm 2021 gần 2000 tỷ đem lại doanh thu tăng 500% so với năm 2020. Dịch vụ chuyển tiền quốc tế được triển khai tại tất cả các điểm giao dịch trong hệ thống SeABank, tiếp cận với mọi đối tượng khách hàng có nhu cầu, đưa SeABank trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong việc thúc đẩy và phát triển dịch vụ chuyển tiền quốc tế các nhân.

Với những thành công đã đạt được trong năm 2021 và định hướng phát triển năm 2022, dịch vụ kiều hối và chuyển tiền quốc tế sẽ là một trong những trụ cột mới về phí dịch vụ KHCN, đưa SeABank phát triển tạo vị thế trở thành Ngân hàng có dịch vụ tốt nhất Việt Nam, đồng thời tiếp cận với khách hàng và thị trường quốc tế.



TĂNG CƯỜNG KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TRONG HỆ SINH THÁI

Với chiến lược tập trung phát triển và mở rộng các kênh bán thông qua đối tác chiến lược và hệ sinh thái, SeABank tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác cùng các đối tác trong Tập đoàn BRG với chiến dịch mở tài khoản tại các chuỗi siêu thị BRG Mart, tạo ra hơn 7.000 lượt khách hàng tải ứng dụng SeAMobile và hơn 3.000 khách hàng thực hiện eKYC thành công.

Cùng với đó, SeABank tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động mới với đối tác VietnamPost, ghi nhận doanh số giải ngân đạt 490 tỷ đồng, tăng 533% so với năm 2020, đồng thời mở rộng địa bàn triển khai từ 29 lên 36 tỉnh thành phố bao gồm cả tỉnh thành phố liền kề. Tổng doanh thu phí dịch vụ trong năm đạt 9 tỷ đồng, đặc biệt việc kết nối thành công hệ thống SeAPartner - hệ thống thu thập hồ sơ tài chính, thu hộ, chi hộ giữa SeABank và VietnamPost tạo cơ sở để VietnamPost trở thành cánh tay nối dài cung cấp dịch vụ tài chính đến vùng sâu vùng xa và những nơi không có điểm giao dịch của Ngân hàng.

Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cũng được SeABank đẩy mạnh triển khai qua kênh POS và QRCode với kết quả doanh số giao dịch ấn tượng. Theo

đó, dòng tiền thanh toán qua POS SeABank năm 2021 đạt gần 3.000 tỷ đồng, qua QRCode đạt gần 50 tỷ đồng, từ đó gia tăng trải nghiệm khách hàng trong việc đa dạng kênh thanh toán. Trên tập khách hàng khai thác theo hệ sinh thái, doanh số thanh toán trên POS của các đối tác chiến lược PNJ, Prudentail, Tập đoàn BRG... cũng có bước tăng trưởng nhảy vọt đưa SeABank trở thành 1 trong 2 ngân hàng có mạng lưới POS hoạt động tốt nhất tại thị trường Việt Nam. Kết quả này được được NAPAS vinh danh thông qua giải thưởng "Top 2 Ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả đầu tư và phát triển mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ qua POS".

Cũng trong năm 2021, mạng ngân hàng giao dịch luôn đồng hành và hỗ trợ cùng mạng phát triển kênh đối tác để triển khai các dịch vụ hợp tác. Trong đó tập trung cung cấp dịch vụ ngân hàng với cả những khách hàng ở địa bàn không có SeABank như: dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ mở tài khoản, dịch vụ rút tiền, dịch vụ kiểm soát dòng tiền dành cho CBNV tại đối tác. Theo đó, SeABank là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc chú trọng mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác lớn và có tầm ảnh hưởng trong xã hội.

CHUỖI HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Thị trường tài chính ngân hàng vẫn luôn là một thị trường cạnh tranh và đòi hỏi sự liên tục phát triển để không ngừng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Để không bị bỏ lại phía sau, các ngân hàng

DỰ ÁN NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Từ cuối năm 2020, SeABank đã bắt đầu triển khai dự án Nâng cao trải nghiệm khách hàng dưới sự tư vấn của Công ty Tư vấn Quản trị Trải nghiệm khách hàng hàng đầu Việt Nam - CEM Partner. Dự án đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các CBNV qua các buổi đào tạo, các chương trình thi đua nâng cao trải nghiệm khách hàng, là bước khởi đầu thuận lợi trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp "Lấy khách hàng làm trọng tâm". Đồng thời dự án cũng khởi động việc nâng cao trải nghiệm khách hàng tại 04 hành trình quan trọng, bao gồm: Thẻ Visa Platinum, Tiết kiệm tại quầy, Ebank, SeAHome 1.

đều cố gắng làm mới mình trong cung cách phục vụ khách hàng. Với phương châm "Lấy khách hàng làm trọng tâm" - không ngừng nâng cao trải nghiệm khách hàng là ưu tiên hàng đầu của SeABank.

Sau một năm triển khai, dự án đã xây dựng thành công khung chiến lược và tầm nhìn trải nghiệm khách hàng, xác định trải nghiệm có chủ đích sẽ mang đến trên mọi hành trình trải nghiệm khách hàng tại SeABank, đào tạo phủ sóng tư duy trải nghiệm khách hàng từ cán bộ đến quản lý, triển khai 20 sáng kiến cải tiến nâng cao trải nghiệm khách hàng, đo lường chỉ số trải nghiệm khách hàng nội bộ tại Hội sở. Toàn bộ các hoạt động trên là nền móng vững chắc để SeABank tiếp tục kiến tạo nên những trải nghiệm khách hàng khác biệt và xuất sắc trong năm 2022.

PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG THEO PHÂN KHÚC

Năm 2021 ghi nhận dấu ấn mạnh mẽ của phân khúc khách hàng ưu tiên SeAPremium trên bản đồ thị trường khách hàng VIP tại Việt Nam với hàng loạt các sản phẩm và dịch vụ mới được thiết kế chuyên biệt, hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm phân khúc. SeABank đã khẳng định được vị thế của riêng mình khi là một trong số ít các ngân hàng mang đến các dịch vụ đặc quyền cao cấp nhất cho khách hàng VIP bao gồm: nghỉ dưỡng cao cấp trên toàn quốc, chơi golf miễn phí, thư giãn spa và tận hưởng ẩm thực tinh túy tại các nhà hàng sang trọng nhất Việt Nam. Đặc quyền SeAPremium nhận được phản hồi rất tích cực từ các khách hàng ưu tiên khi nhanh chóng gia tăng về số lượng khách hàng mới và gắn kết khách hàng hiện hữu.

Bên cạnh đó, hàng loạt các sản phẩm chuyên biệt phân khúc đã được triển khai thành công và thu hút khách hàng. Năm 2020, khách hàng SeAPremium đã bắt đầu làm quen với dòng sản phẩm VIP bao gồm trái phiếu gia tăng tài sản, hạn mức IB cao tiện lợi, lãi suất vay SeAValue ưu đãi, thẻ tín dụng Platinum và thẻ SeAGolf nhiều quyền lợi hấp dẫn. Đến năm 2021, khách hàng SeAPremium tiếp tục được trải nghiệm thêm gói sản

phẩm Hộ chiếu SeAPremium với các quyền lợi cạnh tranh bậc nhất thị trường. Gói sản phẩm Hộ chiếu SeAPremium thu hút khá nhiều khách hàng ưu tiên hiện hữu và sử dụng mới, mở ra thế giới đặc quyền SeAPremium đầy hấp dẫn và độc đáo về thẻ nhận diện SeAPremium, tài khoản số đẹp và giao dịch online. Các sản phẩm thẻ tín dụng chuyên biệt phân khúc cao cấp đang trong giai đoạn nghiên cứu phát triển, sẵn sàng ra mắt trong thời gian tới, hứa hẹn trở thành tiêu điểm thị trường đầu năm 2022. Bên cạnh đó, dịch vụ bán vàng SJC tại SeABank cũng đã được triển khai tại 09 điểm giao dịch tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Cùng với dịch vụ mua bán vàng trực tiếp và trên ứng dụng SeANet/SeAMobile, khách hàng của SeABank còn có thể dễ dàng mua vàng trang sức, vàng thỏi tài của Công ty Vàng bạc đá quý Asean (AJC). Ngoài các sản phẩm ngân hàng truyền thống, các sản phẩm đầu tư gia tăng tài sản, SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên trên thị trường khi hợp tác với Genetica mang đến giải pháp chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ khách hàng của SeABank thông qua dịch vụ xét nghiệm gen ưu việt trên thế giới.





sau 8 tháng triển khai chuỗi BRG xây dựng, Trung tâm Phát triển khách hàng ghi nhận 76/130 khách hàng được cấp hạn mức tín dụng với số dư nợ bình quân gần 230 tỷ đồng và số dư bảo lãnh gần 400 tỷ đồng. Một kết quả đáng mừng khác là ngay trong năm đầu tiên triển khai Thỏa thuận hợp tác với Honda, kết quả đạt được là gần 50% đại lý phân phối Honda được cấp hạn mức chỉ trong 9 tháng sau triển khai. Thành công tiếp nối thành công với kết quả 100% hội viên Hiệp hội nữ Doanh nhân Việt Nam (VAWE) được tiếp cận với 450 tỷ

đồng hạn mức tín dụng đã được phê duyệt dành riêng cho doanh nghiệp hội viên và 559 tỷ đồng hạn mức tín dụng đang trong quá trình xin phê duyệt. Cũng trong năm 2021, SeABank đã ký thỏa thuận hợp tác với Hội đồng nữ Doanh nhân Việt Nam (VWEC) thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để triển khai chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nữ chủ tiếp cận các giải pháp tài chính ưu đãi, với mục tiêu để SeABank trở thành điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ.

📌 CÁC SẢN PHẨM VÀ CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI

TÍN DỤNG

Với sự linh hoạt và thấu hiểu nhu cầu của thị trường, SeABank luôn đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chuyên biệt theo từng ngành nghề lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, đưa ra các giải pháp tài chính phù hợp, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh một cách nhanh chóng và hiệu quả. Bên cạnh đó, từ năm 2021, SeABank đặt mục tiêu phát triển danh mục cho vay doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, SeABank đã xây dựng chính sách riêng dành cho phân khúc KHDN do phụ nữ làm chủ. Chính sách này mang đến một gói tài chính tổng thể dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ, đa dạng các dịch vụ tài chính tín dụng và phí tài chính, cơ chế riêng ưu đãi về lãi suất, phí và góp phần định vị SeABank trở thành ngân hàng được lựa chọn cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Luôn đồng hành cùng khách hàng ngay từ đầu năm 2020 khi dịch Covid-19 mới bùng phát, sang năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, SeABank đã tích cực chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ khách hàng, đặc biệt là KHDN bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. SeABank đã tích cực, chủ động triển khai kịp thời chỉ đạo của NHNN liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí, đồng thời đẩy mạnh cải tiến quy trình, thủ tục và hình thức tiếp nhận hồ sơ nhằm hạn chế ảnh hưởng của dịch bệnh, cũng như đáp ứng kịp thời nhu cầu của các khách hàng đang sinh sống, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương/khu vực cách ly, phong tỏa, nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MANG LẠI GIÁ TRỊ VỮNG BỀN CHO DOANH NGHIỆP

Thích ứng với trạng thái "bình thường mới" hậu đại dịch Covid-19, đồng thời cố gắng hoàn thành mục tiêu phát triển vượt bậc và các chỉ tiêu kinh doanh của năm, Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) SeABank đã vượt lên mọi khó khăn để mang lại một năm 2021 vô cùng đáng nhớ, đặc biệt và phi thường.

Trong năm 2021, SeABank đã hoàn thành xuất sắc nhiều chỉ tiêu trọng yếu phải kể đến như: Dư nợ tăng ròng đạt 101% (trong đó dư nợ ngắn hạn tăng ròng đạt 205%), huy động đạt và vượt từ 101% - 161%. Trong đó, nổi bật nhất là chỉ tiêu thu thuận phí dịch vụ hoàn thành xuất sắc 115%, NFX và TOI đạt gần 100%.

📌 PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn thách thức bởi dịch bệnh, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải có sự ứng phó kịp thời vừa chống dịch hiệu quả vừa đảm bảo kết quả kinh doanh đã đề ra. Trước bối cảnh chung, SeABank đã có những thay đổi kịp thời trong định hướng kinh doanh trong giai đoạn mới như: Triển khai các hoạt động đào tạo online/e-learning am hiểu ngành/am hiểu KHDN; Tiếp tục tổ chức triển khai mô hình kinh doanh chuyên nghiệp theo ngành trọng tâm tại các địa bàn với chính sách lương kinh doanh bổ sung hấp dẫn cho các đơn vị kinh doanh; Xây dựng mô hình bán chuyên nghiệp với những sản phẩm chuyên biệt theo ngành...

tăng trưởng quy mô nhanh, an toàn và hiệu quả trong năm 2021 với sự phát triển kinh doanh theo các ngành kinh tế tiềm năng trên thị trường, tạo tiền đề cho định hướng phát triển nhóm khách hàng xuất nhập khẩu trong năm 2022 với các giải pháp đồng bộ và toàn diện như: Cung cấp các tập data khách hàng chi tiết tới từng đơn vị kinh doanh; Các sản phẩm, chính sách chuyên biệt dành cho nhóm khách hàng xuất nhập khẩu; Các chương trình thi đua dành cho RM, hoa hồng dành cho các đối tác giới thiệu khách hàng xuất nhập khẩu; Chương trình telesales tập trung...

Với hệ thống quản trị thông tin dữ liệu khách hàng tiềm năng đã được xây dựng và vận hành từ năm 2019, SeABank tiếp tục thể hiện vị trí cạnh tranh, hướng tới

Bên cạnh đó, năm 2021 SeABank cũng đã tăng cường mở rộng kênh phát triển khách hàng thông qua các đối tác và đạt được những thành tích xuất sắc, mở ra những hy vọng về sự phát triển bùng nổ trong tương lai. Cụ thể,



SeABank

Điểm đến tin cậy của
DOANH NGHIỆP NỮ CHỦ

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI TỪ SEABANK DÀNH RIÊNG CHO DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- 📌 Lãi suất cho vay tối thiểu từ **6.5%/năm**
- 📌 Hạn mức thấu chi không có TSBD lên tới **5 tỷ đồng**
- 📌 Hạn mức thẻ tín dụng lên tới **200 triệu đồng**

Contact Center: 1900 599 962
Box (MCP) Không hạn A. | seabank.com.vn



XUẤT NHẬP KHẨU

Trong nhiều năm trở lại đây, L/C trả chậm được phép trả ngay (L/C UPAS) là sản phẩm mũi nhọn của các tổ chức tín dụng nhằm thu hút đối tượng khách hàng xuất nhập khẩu. Không nằm ngoài xu thế chung của thị trường, SeABank cũng liên tục đẩy mạnh triển khai bán sản phẩm L/C UPAS và đạt được những kết quả tăng trưởng đầy ấn tượng trong năm 2021. Bất chấp những tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động thương mại trong và ngoài nước, 11 tháng đầu năm 2021 vẫn ghi nhận số lượng giao dịch L/C UPAS tại SeABank tăng gần 50% so với cả năm 2020, kéo theo doanh số phát hành L/C UPAS tăng trưởng lên đến 121%. Doanh thu phí từ sản phẩm cũng tăng 85%, đóng góp đến 10% trên tổng doanh thu phí toàn hàng của tất cả các dịch vụ KHDN. Mạng lưới ngân hàng đại lý hợp tác về L/C UPAS cũng được SeABank liên tục chú trọng phát triển. Đến nay, SeABank đã thiết lập thỏa thuận tài trợ L/C UPAS với gần 30 ngân hàng tài trợ. Đặc biệt trong năm qua, việc các ngân hàng lớn như ADB, IFC cấp hạn mức bảo lãnh tài trợ thương mại cho SeABank đã mở ra cơ hội để SeABank tiếp cận với nguồn tài trợ L/C UPAS từ nhiều ngân hàng nước ngoài uy tín trên toàn thế giới.

Bên cạnh đó, SeABank cũng liên tục cải tiến sản phẩm theo hướng tối ưu hóa thời gian giao dịch, giảm chi phí sử dụng sản phẩm, cơ chế thanh toán trước hạn L/C UPAS linh hoạt... nhằm góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh của sản phẩm L/C UPAS.



DỰ ÁN SỐ HÓA

Năm 2021, SeABank đã thực hiện phát triển eKYC dành cho KHDN, dự án cải thiện Internet Banking và ra mắt ứng dụng SeAMobile Biz tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ về ngân hàng số dành cho KHDN năm 2022 và các năm tiếp theo.

SeABank chính thức ra mắt ứng dụng SeAMobile Biz và phiên bản SeANet mới giúp doanh nghiệp thực hiện giao dịch và kiểm soát dòng tiền đơn giản mọi lúc mọi nơi và đặc biệt hoàn toàn miễn phí. Doanh nghiệp có thể dễ dàng thao tác, trải nghiệm xuyên suốt và đồng nhất trên mọi thiết bị, máy tính, điện thoại hay máy tính bảng app SeAMobile Biz với tính năng mới cực kỳ ưu việt bao gồm các tính năng chính (giai đoạn đầu) là: Quản lý tài khoản, chuyển tiền, quản lý giao dịch thẻ và mua bán ngoại tệ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM DỊCH VỤ PHÂN MẢNG KHDN LỚN

Năm 2021, trong cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo niềm tin và sự hài lòng cho khách hàng, SeABank luôn chủ động xây dựng cải tiến điều chỉnh các sản phẩm - dịch vụ dành cho KHDN hiện hữu nhằm đem lại sản phẩm linh hoạt về chính sách cũng như cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, mang lại những giải pháp tài chính tối ưu cho doanh nghiệp và chuỗi hệ sinh thái xung quanh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như sản phẩm tài trợ theo chuỗi giá trị cho các dự án bất động sản, sản phẩm tài trợ dự án điện mặt trời, sản phẩm tài trợ UPAS L/C trên thị trường liên ngân hàng... Từ đó, thể hiện sự linh hoạt và thấu hiểu của SeABank đối với nhu cầu của thị trường và nhận được sự đón nhận nhiệt tình từ nhiều khách hàng đang có quan hệ giao dịch với SeABank.

Trước ảnh hưởng của dịch Covid-19, SeABank đã kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng, góp phần đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. SeABank cung cấp đa dạng các kênh giao dịch, đặc biệt chú trọng các kênh giao dịch điện tử, đáp

ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp. Theo đó trong năm 2021, SeABank đã đưa ra giải pháp giao dịch chứng từ điện tử, tối giản giao dịch giấy bằng phương thức ký số trên chứng từ điện tử. Đây có thể coi là đột phá mới khi toàn bộ quá trình giao dịch với khách hàng đem lại sự an toàn, bảo mật vượt trội cho khách hàng mà vẫn đảm bảo tính thuận tiện, nhanh chóng và chính xác để hỗ trợ khách hàng trong giao dịch, đầu tư cũng như quản lý tài chính hiệu quả.

Thực hiện Dự án hiện đại hóa thu Ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 85/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính, SeABank chính thức trở thành 1 trong 10 ngân hàng thương mại thực hiện phối hợp thu ngân sách Nhà nước với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan, cung cấp cho các doanh nghiệp một dịch vụ hiện đại, chất lượng cao, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời ngân sách Nhà nước, để có thể nhanh chóng thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa, giảm thiểu tối đa thủ tục hành chính, thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.



MỘT SỐ KHÁCH HÀNG CHUỖI TIÊU BIỂU

CHUỖI HONDA

SeABank và Honda Việt Nam ký kết hợp tác lần đầu ngày 01/01/2021 mang tài trợ Nhà phân phối ô tô - Dealer. Đến nay, hai bên đã đồng thuận mở rộng phạm vi hợp tác toàn diện, gia tăng hiệu quả hợp tác.

Ngày 14/12/2021, hai Bên ký kết Biên bản ghi nhớ 2022 (MOU 2022) hợp tác mang Khách hàng mua xe ô tô - End-users.

Ngày 28/12/2021, hai Bên ký gia hạn lần 2 Biên bản ghi nhớ (MOU 2022) hợp tác mang tài trợ Nhà phân phối ô tô - Dealers.

CHUỖI VIETNAM AIRLINES

SeABank và Vietnam Airlines sở hữu mối quan hệ lâu dài, trong đó SeABank đã cung cấp nhiều sản phẩm như tín dụng, tiền gửi, quản lý dòng tiền, thẻ đồng thương hiệu... cho Vietnam Airlines. Tiếp tục phát huy và đưa mức độ hợp tác lên tầm cao mới, hai bên đã thống nhất việc SeABank sẽ tham gia sâu rộng hơn mọi mắt xích trong chuỗi giá trị của Vietnam Airlines.

Ngày 03/7/2021, Vietnam Airlines, Tập đoàn BRG, SeABank chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác chiến

CHUỖI TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Nhằm tăng cường phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên, người lao động, trọng tâm là góp phần từng bước xóa tình trạng "tín dụng đen" trong các khu công nghiệp và khu nhà trọ công nhân, ngày 13/11/2021, SeABank và Tập đoàn BRG đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Hợp tác 3 bên hướng tới mục tiêu phát triển và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và chăm lo, bảo vệ tốt hơn cho đoàn viên, người

Với mục tiêu hợp tác phát triển bền vững, SeABank và Honda Việt Nam có tiềm năng phối hợp triển khai nhiều chương trình giúp gia tăng lợi ích cho cả hai bên như Tổ chức triển lãm xe Honda tại các sân golf mà SeABank đang triển khai (Legend Hill, King's Island), triển khai các chương trình khuyến mãi, ưu đãi lãi suất cùng Honda và các Dealers, End-users, quảng bá hình ảnh Honda tại các điểm giao dịch và các chương trình của SeABank. Hiệu quả của chương trình bước đầu tiếp cận 14/46 đại lý trên toàn quốc, hạn mức tín dụng đạt hơn 1.000 tỷ đồng.

lực nhằm cùng nhau phát triển trong nhiều lĩnh vực để nâng cao trải nghiệm khách hàng và đóng góp chung vào sự bền vững của nền kinh tế - xã hội đất nước. Thỏa thuận hợp tác nhằm gia tăng hiệu quả và tầm ảnh hưởng thông qua việc sử dụng dịch vụ, sản phẩm ba bên trong hoạt động của các kênh phân phối trên phạm vi toàn quốc, phối hợp tuyên truyền quảng bá hình ảnh, nâng cao giá trị thương hiệu Vietnam Airlines - Tập đoàn BRG - SeABank trên các phương tiện truyền thông.

lao động đồng thời phát huy thế mạnh của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tập đoàn BRG và SeABank.

Với mục tiêu nâng cao trải nghiệm khách hàng doanh nghiệp lớn, SeABank sẽ không ngừng hoàn thiện sản phẩm, chú trọng khai thác khách hàng chuỗi, triển khai các dự án và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kinh doanh đảm bảo mang tới sự tin cậy hài lòng cho các đối tác khách hàng.

TẬP TRUNG VÀO CÁC DANH MỤC ĐẦU TƯ THEN CHỐT

Danh mục đầu tư tại SeABank năm 2021 tiếp tục được cơ cấu với tỷ trọng hợp lý nhằm sử dụng vốn hiệu quả hơn. SeABank tiếp tục triển khai sản phẩm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp SeA-Invest dành cho khách hàng cá nhân, qua đó đa dạng hóa các kênh sản phẩm, góp phần thu hút thêm nhiều khách hàng mới cho SeABank.

Năm 2022, SeABank tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu

tư, thoái vốn các khoản đầu tư không trọng yếu nhằm sử dụng vốn hiệu quả hơn, tập trung đầu tư vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, khu công nghiệp, hạn chế đầu tư vào bất động sản, phát triển đa dạng hơn sản phẩm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp SeA-Invest và phát triển thêm sản phẩm mới phù hợp với khẩu vị của từng phân khúc khách hàng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

PHÁT HUY VAI TRÒ VĂN HÓA TUÂN THỦ

Nhận định văn hóa tuân thủ là một cấu phần của văn hóa tổ chức vững mạnh, SeABank không ngừng nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ nhằm đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động, ngăn ngừa rủi ro đạo đức nghề nghiệp và phòng chống gian lận thông qua việc thiết lập các chương trình hành động tuân thủ và ban hành bộ Chuẩn mực tuân thủ "5T" với tinh thần "nói KHÔNG với vi phạm và gian lận" theo 05 tiêu chí Tự giác - Trung thực - Tinh táo - Tố giác - Truyền thông, kiện toàn bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp theo chuẩn mực mới.

Đồng thời, SeABank đã hoàn thiện khung tuân thủ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và triển khai áp dụng KPI tuân thủ đối với từng vị trí, từng đơn vị vận hành trực tiếp trên toàn hệ thống nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng. Sự lan tỏa văn hóa tuân thủ trên toàn hệ thống được kỳ vọng sẽ chấp cánh cho SeABank trở thành Ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức.

PHÁT HUY VAI TRÒ 3 PHÒNG TUYẾN BẢO VỆ

SeABank đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định tại Thông tư số 13, đồng thời, không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường phát huy vai trò của 3 tuyến bảo vệ trong hoạt động kiểm soát tuân thủ. Năm 2021, trước tình hình diễn biến phức tạp dịch bệnh Covid-19, vai trò của 03 tuyến bảo vệ được phát huy tối đa bằng các hoạt động kiểm tra, giám sát dưới nhiều hình thức để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh nỗ lực phát hiện ngăn chặn các hành vi giả mạo, lừa đảo, tố giác tội phạm, SeABank luôn kịp thời thực hiện cảnh báo đa kênh tới CBNV và khách hàng về nguy cơ rủi ro, thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng nhằm giúp CBNV, khách hàng nhận diện, cảnh giác, phòng tránh được nguy cơ thất thoát tài sản.



CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

SeABank áp dụng các biện pháp kiểm soát tuân thủ chủ động trên nền tảng công nghệ số như ứng dụng công nghệ Bigdata, AI vào hệ thống giám sát, cảnh báo, phát hiện sớm sai phạm và ngăn ngừa rủi ro cho Ngân hàng. SeABank đã làm việc với các đối tác MIU FINANCIAL TECHNOLOGY PTY. LIMITED và TESS INNOVATION SDN BHD để xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố và tuân thủ đạo luật FATCA.

Năm 2022 sẽ tiếp tục là một năm với rất nhiều khó khăn, thách thức đối với hệ thống ngân hàng do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp và xu

hướng tội phạm công nghệ cao, các hình thức lừa đảo, giả mạo ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, SeABank luôn cam kết phát triển và quản trị hệ thống kiểm soát tuân thủ toàn diện và thông suốt trên toàn ngân hàng, với năng lực thực hiện liên tục công tác đánh giá và giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả các chốt kiểm soát, cải tiến quy trình và nghiệp vụ. Đây là mục tiêu trọng yếu của SeABank nhằm duy trì một môi trường kiểm soát, văn hóa tuân thủ lành mạnh, góp phần đảm bảo tăng trưởng bền vững, lâu dài và không ngừng của hoạt động kinh doanh để trở thành một trong các ngân hàng đầu của Việt Nam, vươn tầm ra khu vực châu Á cũng như toàn cầu.

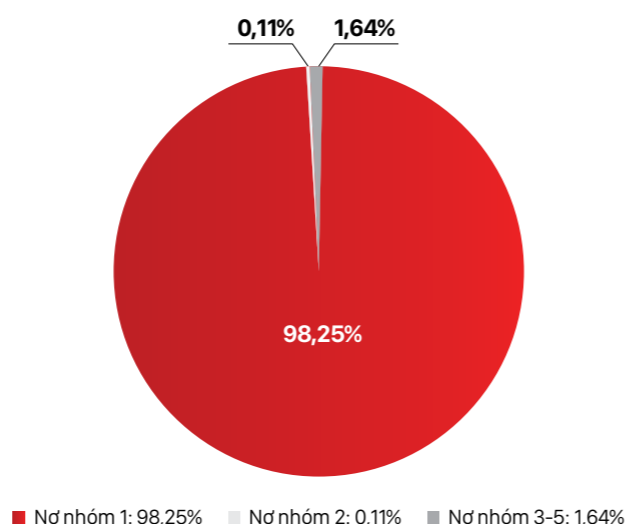


DUY TRÌ CƠ CHẾ QUẢN LÝ THU NỢ, QUẢN TRỊ NỢ CHỦ ĐỘNG

Trong năm 2021, SeABank tiếp tục duy trì cơ chế phân công quản lý thu nợ nhằm quản trị xuyên suốt công tác quản lý nợ, thu hồi nợ từ trong hạn đến quá hạn và khi phát sinh thành nợ xấu, nợ có vấn đề. Đồng thời, SeABank đã thực hiện quản trị nợ chủ động thông qua mô hình cảnh báo nợ sớm (EWS) để nhận dạng và phân loại khách hàng từ trong hạn theo mức độ rủi ro (xanh - vàng - đỏ) nhằm áp dụng kịch bản quản lý khoản vay và thu hồi nợ phù hợp. Đối với nhóm khách hàng cá nhân chưa có dấu hiệu rủi ro (xanh) hoặc mức độ rủi ro trung bình (vàng), SeABank triển khai nhắc nợ tự động bằng Callbot và thực hiện gọi điện nhắc nợ đối với các khách hàng có mức độ rủi ro cao (đỏ).

Thông qua công tác quản trị nợ, SeABank kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, khả năng tài chính và nguyện vọng của khách hàng để xem xét, hỗ trợ giải quyết bằng các giải pháp phù hợp do pháp luật và Ngân hàng quy định. Nhờ đó, khách hàng có điều kiện giải quyết khoản nợ quá hạn, nợ xấu, nợ có vấn đề tại SeABank.

Kết thúc năm 2021, SeABank duy trì tỷ lệ nhóm nợ với các chỉ số ấn tượng: 98,25% khách hàng/khoản vay thuộc nhóm 1, 1,75% khách hàng/khoản vay thuộc nhóm 2 - 5.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC VẬN HÀNH, LINH HOẠT PHÒNG CHỐNG DỊCH

Trong năm qua, khi đứng trước dịch bệnh xâm nhập và gia tăng nhanh chóng trên khắp cả nước, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của ngân hàng, SeABank đã

nhanh chóng sáng tạo, không ngừng đổi mới công tác vận hành để phù hợp với hoàn cảnh mới, đảm bảo "Vận hành không ngừng - Kinh doanh xuyên suốt".

⚡ KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN, SỐ HÓA CÁC QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

Các nghiệp vụ vận hành chính liên tục được cải tiến, thay đổi cả về quy trình lẫn hệ thống xử lý nhằm tăng năng suất, hiệu quả. Trong năm qua, SeABank đã triển khai đo lường chỉ số FTR, thời gian xử lý giao dịch (TAT) đối với một số nghiệp vụ vận hành tập trung, nhằm cải tiến các quy trình, hệ thống vận hành từ đó tối ưu hóa thời gian xử lý yêu cầu của khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho SeABank trên thị trường.

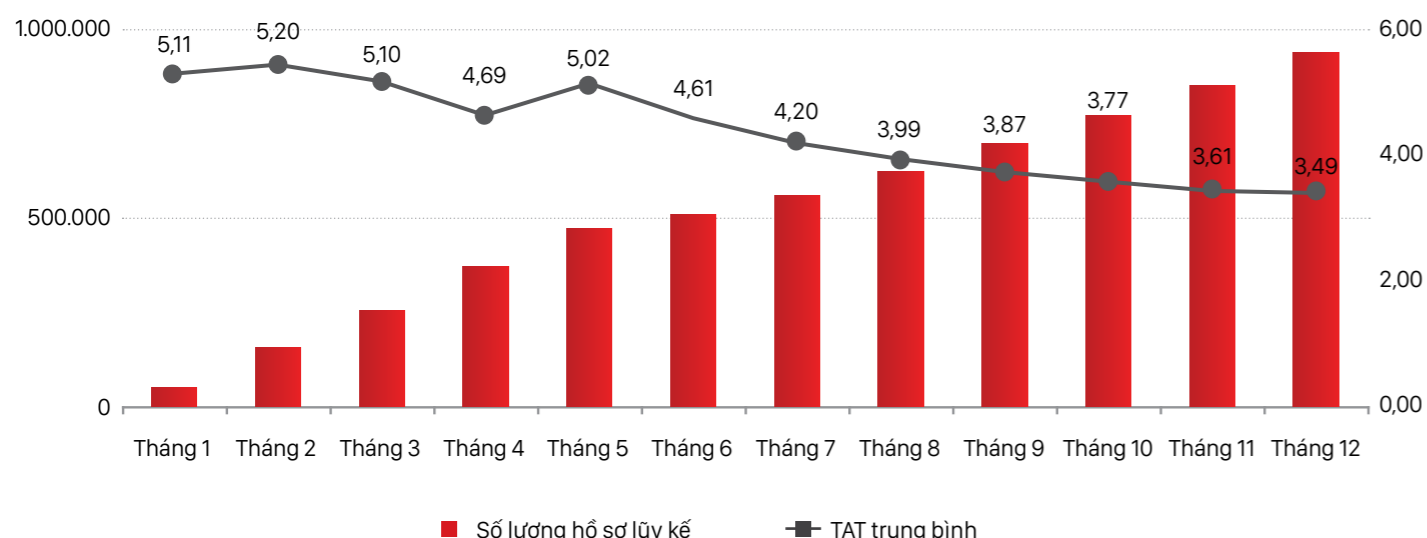
kết quả đo lường đã cho thấy rõ sự cải tiến trong chất lượng dịch vụ của SeABank và thể hiện tác động rõ ràng của việc cải tiến/số hóa các quy trình vận hành.

Mặc dù đại dịch diễn biến khôn lường và số lượng giao dịch không ngừng tăng, nhưng thời gian xử lý các nghiệp vụ vận hành vẫn được rút ngắn đáng kể. Đến cuối năm 2021, tổng TAT trung bình của các quy trình vận hành chính đã giảm 36% so với mức đầu năm. Các

Dự án Tự động hóa giao dịch tại quầy - SeATeller mặc dù mới triển khai thí điểm nhưng TAT cho các nghiệp vụ tại quầy giao dịch đã giảm được tới 49%. Dự án Văn phòng điện tử - SeAOffice tuy mới chính thức triển khai từ 01/06/2021 nhưng đã thực hiện số hóa được 285 quy trình/tính năng; trình ký số 787 loại văn bản, mẫu biểu. Dự án số hóa Quản lý phát hành thẻ vật lý - Card Portal mang đến trải nghiệm mới về công tác quản lý thẻ: Tiện ích hơn, thông minh hơn, quản lý xuyên suốt vòng đời của thẻ từ khi phát hành cho đến khi hủy.



BẢNG THEO DÕI TAT VÀ SỐ LƯỢNG LŨY KẾ



VẬN HÀNH LINH HOẠT, CHUNG TAY ĐẨY LÙI COVID-19

SeABank đã kịp thời xây dựng các kịch bản, các phương án để ứng phó với từng diễn biến dịch cụ thể trên từng địa bàn như sắp xếp lại phạm vi phục vụ của các cụm hỗ trợ tín dụng, cụm kho quỹ tập trung, di chuyển địa điểm cụm sang chi nhánh, điều chỉnh tuyến đường tiếp quỹ, bố trí cán bộ hỗ trợ ngồi trực tiếp tại đơn vị kinh doanh... nhằm đảm bảo phục vụ nhanh nhất các yêu cầu từ đơn vị kinh doanh.

làm việc "3 tại chỗ" cho các đơn vị vận hành đồng hành tại chi nhánh cũng như chuẩn bị sẵn phương án tương tự cho các đơn vị tại Hội sở. Bên cạnh đó, SeABank đã triển khai lắp đặt tấm chắn mica tại các điểm giao dịch, cung cấp trang thiết bị phòng chống dịch, phun khử khuẩn đối với các đơn vị có phát sinh F0, F1. Đặc biệt là tổ chức, triển khai công tác xét nghiệm, tiêm phòng vaccine cho CBNV. Gần 100% cán bộ đã được tiêm đủ 2 mũi vaccine và hiện nay đang tiếp tục bao phủ tiêm mũi 3 cho CBNV.

Trong giai đoạn cao điểm của dịch, SeABank đã bố trí



DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC VÀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC

Năm 2021, năm thứ hai của đại dịch Covid-19 đã gây ra nhiều ảnh hưởng to lớn tới nền kinh tế. Tuy nhiên, đây lại là cơ hội cho thanh toán không dùng tiền mặt phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là xu thế chuyển một phần từ kênh thanh toán truyền thống sang kênh thanh toán trực tuyến. Năm bất cơ hội này, với mục tiêu trở thành Ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ, top đầu ngân hàng về giao dịch điện tử E-banking, SeABank liên tục chú trọng nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ để đáp ứng yêu cầu và nâng tầm dịch vụ. Bên cạnh việc phát triển công nghệ, SeABank mở rộng dịch vụ với các đối tác nhằm đáp ứng nhiều hơn nhu cầu cho khách hàng như: VNPost Payoo, Prudential, Momo, Tiktok, Supermarket, Inpay...

Năm 2021, SeABank đã triển khai thành công và ngày càng mở rộng Dịch vụ thuế hải quan 24/7 hoàn toàn mới tại khắp các điểm kinh doanh của SeABank, mở rộng kết nối với nhiều đơn vị, Kho bạc Nhà nước để phục vụ khách hàng được hiệu quả hơn, qua đó cung cấp đa dạng hơn dịch vụ hỗ trợ nộp ngân sách Nhà nước hướng tới nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Với việc nỗ lực cải tiến không ngừng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng về sản phẩm, dịch vụ thanh toán, gia tăng tỷ lệ tự động trong xử lý giao dịch, năm

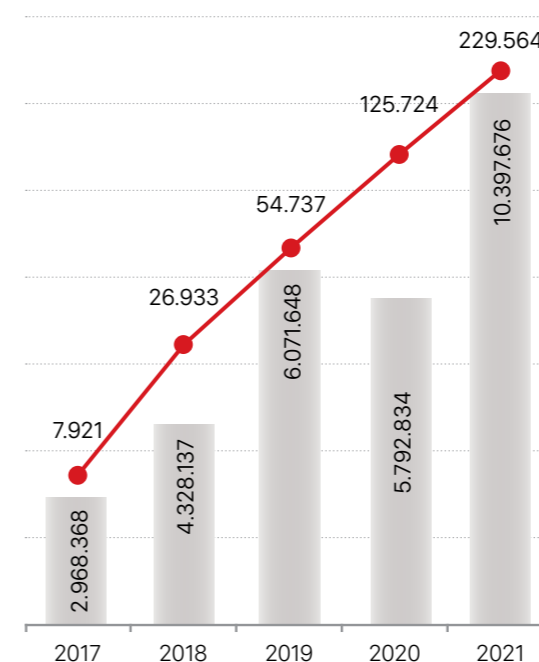
2021, số lượng giao dịch thanh toán qua kênh truyền thống và kênh điện tử đạt 25,8 triệu giao dịch, tăng 48,6% so với năm 2020 và tỷ lệ tăng trưởng cao này chủ yếu đến từ giao dịch điện tử và kiều hối.

Mặc dù đa số thời gian trong năm 2021, SeABank đã thực hiện giảm 50% phí dịch vụ thanh toán nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trước đại dịch Covid-19, nhưng doanh thu từ phí chuyển tiền, thanh toán điện tử và kiều hối đạt được khá ấn tượng với 41,6 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 12,1% so với năm 2020. Cuối năm 2021, SeABank đưa vào triển khai hệ thống thanh toán lương - SeAPay Web mới với nhiều tính năng, tiện ích ưu việt hơn, kỳ vọng cung cấp dịch vụ hiệu quả tới khách hàng.

Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục không ngừng cải tiến hệ thống công nghệ theo xu hướng số hóa, cải tiến hệ thống như hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo hướng tự động, hệ thống chuyển tiền theo lô, hệ thống chuyển tiền nhanh; đồng thời tiếp tục mở rộng dịch vụ hợp tác với các đối tác thanh toán điện tử nhằm phát triển, mở rộng hệ sinh thái thanh toán và tạo tiền đề thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên thị trường Việt Nam.

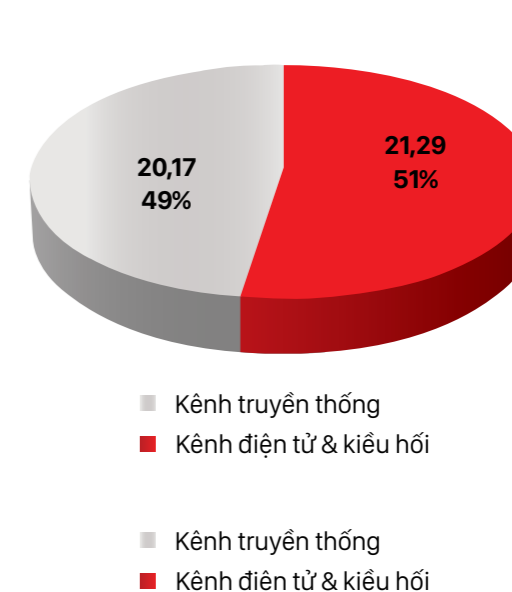
DOANH SỐ DỊCH VỤ TTTN NĂM 2021

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



PHÍ DỊCH VỤ TTTN NĂM 2021

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo hoạt động dịch vụ thanh toán trong nước 2021



DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

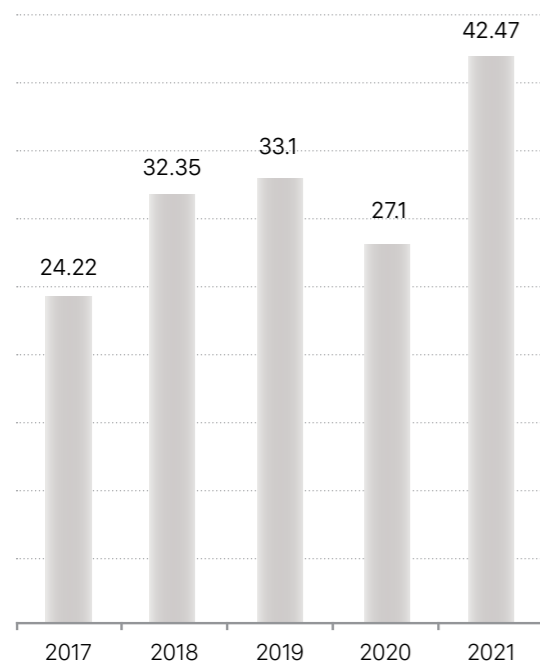
Song song với hoạt động thanh toán trong nước, hoạt động thanh toán quốc tế của SeABank vẫn được chú trọng phát triển và nâng cao về chất lượng. Năm 2021, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế đạt 22.427 giao dịch, tuy chỉ tăng 19% so với 2020 nhưng doanh số và doanh thu phí lại có tốc độ tăng ấn tượng, đạt 42.468 tỷ đồng doanh số và doanh thu phí đạt 48,01 tỷ đồng tăng 106% so với 2020.

Góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng của hoạt động thanh toán quốc tế là dịch vụ tài trợ thương mại. Dựa trên kết quả giao dịch tài trợ thương mại SeABank đã thực hiện, SeABank được IFC lựa chọn là ngân hàng tham gia Chương trình tài trợ hạn mức giao dịch nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính, cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là tài trợ cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Ngoài việc hợp tác với ADB, IFC cùng các đối tác thường xuyên trong giao dịch tài trợ thương mại như Wells Fargo, ICBC, Vietcombank, VPBank, MB Bank, Techcombank thì năm 2021, SeABank còn mở rộng thêm các đối tác mới như JPMorgan Chase, Tiên Phong Bank, HD Bank, MSB... SeABank đã đem đến cho khách hàng nhiều lựa chọn cạnh tranh hơn với các sản phẩm tài trợ hoạt động xuất nhập khẩu như L/C nội địa, L/C trả chậm được phép trả ngay (LC UPAS), L/C Refinancing, Trade Loan. SeABank cũng được ADB tài trợ tham gia khóa học đào tạo chuyên sâu hàng năm về tài trợ thương mại trong khuôn khổ chương trình "Đào tạo tài trợ thương mại toàn cầu của ADB" giúp nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ nghiệp vụ và bắt kịp các xu hướng thương mại toàn cầu mới.

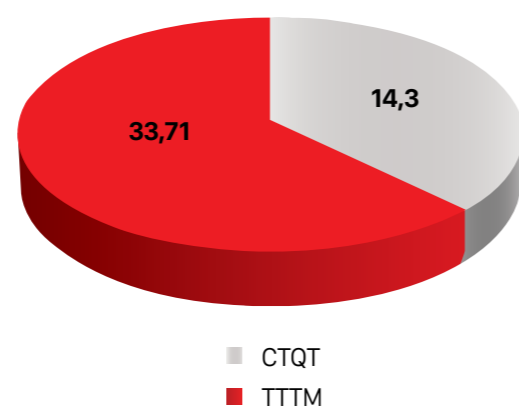
DOANH SỐ DỊCH VỤ TTQT QUA CÁC NĂM

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



PHÍ DỊCH VỤ TTQT NĂM 2020

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo hoạt động dịch vụ thanh toán quốc tế 2021

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THẺ NĂM 2021

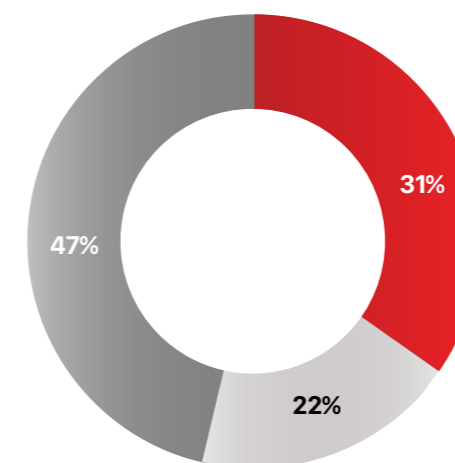
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ PHÁT HÀNH THẺ NĂM 2021

Trong năm 2021, SeABank đã phát hành 159.535 thẻ, bao gồm 35.028 thẻ tín dụng quốc tế, 75.552 thẻ ghi nợ quốc tế và 48.955 thẻ ghi nợ nội địa. SeABank đã nâng

tổng số thẻ lũy kế lên 1.260.562 thẻ, trong đó 167.498 thẻ tín dụng quốc tế, 300.054 thẻ ghi nợ quốc tế và 793.010 thẻ ghi nợ nội địa.

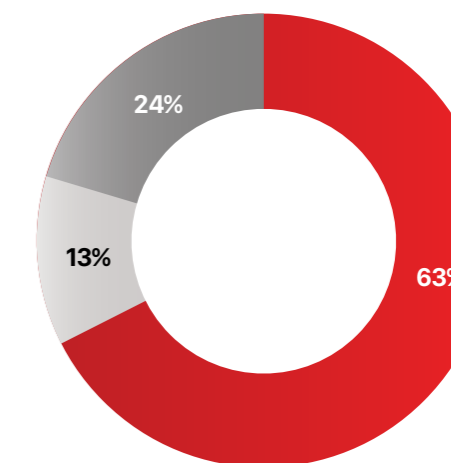
CƠ CẤU LOẠI THẺ PHÁT HÀNH TẠI SEABANK

CƠ CẤU THẺ PHÁT HÀNH NĂM 2021



- Thẻ Ghi nợ nội địa
- Thẻ Tín dụng Quốc tế
- Thẻ Ghi nợ Quốc tế

CƠ CẤU THẺ PHÁT HÀNH LŨY KẾ



- Thẻ Ghi nợ nội địa
- Thẻ Tín dụng Quốc tế
- Thẻ Ghi nợ Quốc tế

Năm 2021, SeABank nâng cấp và chuyển đổi toàn bộ ATM và POS để chấp nhận chuẩn chip mới của Việt Nam. SeABank đã hoàn thành chuyển đổi trước thời hạn quy định của NHNN tại Thông tư 41.

- Mạng lưới ATM: Tính đến 31/12/2021, toàn hệ thống có 325 ATM đang hoạt động, trong đó triển khai mở mới trong năm 2021 là 11 ATM. Doanh thu phí ATM trong năm 2021 đạt 14,1 tỷ đồng.
- Mạng lưới POS: Tính đến 31/12/2021, số lượng POS lũy kế toàn hàng là 1.241 máy, trong đó triển khai mở mới là 403 POS. Doanh thu phí POS đạt được trong năm 2021 là 28,3 tỷ đồng, tăng 47,4% so với năm 2020.

Trong năm 2021, SeABank triển khai thành công 239 POS trải dài trên 54 tỉnh thành cả nước cho đối tác chiến lược Prudential nhằm phục vụ cho dịch vụ thu hộ phí bảo hiểm. SeABank cũng đã triển khai mở mới 67 POS cho BRG Retail (BRG bán lẻ), nâng tổng số POS phục vụ cho Tập đoàn BRG đạt đến 280 POS. Doanh số thanh toán được tăng trưởng mạnh mẽ trên POS của các đối tác chiến lược PNJ, Prudentail, Tập đoàn BRG... đã đưa SeABank trở thành 1 trong 2 ngân hàng có mạng lưới POS hoạt động tốt nhất tại thị trường Việt Nam và được NAPAS trao tặng 02 giải thưởng về POS: "Top 2 Ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả đầu tư và phát triển mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ qua POS" và "Top 2 Ngân hàng dẫn đầu về chuyển dịch cơ cấu thanh toán thẻ".



CHUYỂN ĐỔI SỐ HÓA HOẠT ĐỘNG THẺ

Với định hướng là một ngân hàng bán lẻ hiện đại, trong năm 2021, bên cạnh những sản phẩm thẻ vật lý truyền thống, SeABank đã khởi động đầu tư vào 02 dự án số hóa hoạt động thẻ trọng điểm: Phát hành thẻ phi vật lý (Virtual Card/thẻ vô hình) và Cấp, đổi mã PIN điện tử (e-PIN), dự kiến sẽ triển khai ngay trong Quý I năm 2022.

SeABank cũng là một trong các ngân hàng tiên phong tại thị trường Việt Nam áp dụng công nghệ mới nhất về xác thực và bảo vệ giao dịch trực tuyến cho giao dịch của chủ thẻ. SeABank đã hoàn thành và triển khai phương thức bảo mật 3DS 1.0 và 2.0 cho toàn bộ thẻ

quốc tế SeAVisa và SeAMasterCard, các chủ thẻ quốc tế của SeABank khi thanh toán trực tuyến sẽ được bảo vệ ở mức độ cao nhất, đồng thời có lợi thế trong trường hợp phát sinh tra soát, đòi bồi hoàn cho các giao dịch gian lận tại các đơn vị chấp nhận thẻ chưa có 3DS hoặc phiên bản 3DS thấp hơn. SeABank cũng đã hoàn thành nâng cấp hệ thống cá thể hóa thẻ theo tiêu chuẩn CVN18 - Tiêu chuẩn bảo mật của tổ chức thẻ quốc tế nhằm tăng cường tính bảo mật thông tin thẻ, để phòng các rủi ro liên quan tới đánh cắp thông tin trong quá trình sử dụng thẻ.

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG NĂM 2021

Hoạt động chăm sóc khách hàng được triển khai sáng tạo, đồng nhất mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng trên tất cả các kênh giao dịch, đồng thời đáp ứng linh hoạt, phù hợp trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

Năm 2021, SeABank chính thức kiện toàn và đưa vào vận hành hệ thống hỗ trợ khách hàng qua kênh Video Call, thu hút trung bình mỗi tháng với hơn 2.000 lượt tương tác hỗ trợ mở tài khoản thanh toán online và nâng hạn mức giao dịch của tài khoản mở trực tuyến của khách hàng. Phạm vi dịch vụ hỗ trợ qua Video Call sẽ tiếp tục được mở rộng trong các năm tiếp theo, phù hợp lộ trình chuyển dịch ngân hàng số, đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhu cầu cần hỗ trợ của khách hàng thông qua kênh tương tác trực tuyến sinh động.

SeABank luôn quan tâm lắng nghe và ghi nhận ý kiến đánh giá từ khách hàng, kênh hỗ trợ khách hàng 24/7 ngày càng trở thành kênh tương tác được khách hàng quan tâm khi số lượng yêu cầu hỗ trợ liên tục có sự tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 20%. Đặc biệt, số lượng

yêu cầu tiếp nhận từ khách hàng qua kênh 24/7 trong năm 2021 đã tăng 76,6% so với năm 2018.

Bên cạnh việc mở rộng các dịch vụ mới hỗ trợ khách hàng, SeABank đã ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong các mảng hoạt động hỗ trợ nội bộ. Năm 2021, SeABank triển khai thành công mô hình "Trợ lý ảo Chatbot giao dịch quầy". Theo đó, Chatbot có thể xử lý tức thời ngay cùng một thời điểm toàn bộ các câu hỏi nghiệp vụ phát sinh từ tất cả các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống. Vì vậy, "Trợ lý ảo Chatbot giao dịch quầy" đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động vận hành nghiệp vụ tại đơn vị.

Đồng thời, tháng 12/2021, SeABank đã mở rộng triển khai thí điểm dự án Tự động hóa giao dịch tại quầy - SeATeller thêm 25 điểm giao dịch. Công nghệ nhận diện khách hàng tự động qua khuôn mặt, vân tay và việc tích hợp mẫu biểu giao dịch đã góp phần giảm thiểu thời gian tác nghiệp phục vụ khách hàng, mang lại trải nghiệm nhanh chóng và thuận tiện khi khách hàng tới giao dịch tại quầy.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ĐỘT PHÁ CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG SỐ

Năm 2021 là một năm đột phá trong công nghệ khi SeABank liên tục đưa ra các sản phẩm mới, ứng dụng mới phục vụ khách hàng và hoạt động nội bộ của Ngân hàng.

Để nâng cao trải nghiệm cho các khách hàng sử dụng dịch vụ Ngân hàng số, SeABank đã liên tục xây dựng và phát triển bổ sung các tính năng giao dịch trực tuyến mới. Ngân hàng số của SeABank - SeAMobile là ứng dụng tài chính duy nhất có tính năng như một trợ lý tài chính cá nhân với các ưu điểm: đăng ký tài khoản eBank 100% online từ xa qua công nghệ định danh điện tử eKYC, quản lý tài chính cá nhân theo mô hình 6 lọ với sức mạnh của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa các giao dịch, dễ sử dụng và tùy biến giao diện theo sở thích, cá nhân hóa trải nghiệm. Với việc áp dụng công nghệ hiện đại eKYC và OCR hỗ trợ khách hàng có thể mở tài khoản trực tuyến, SeABank đã thu hút được hơn 31.000 khách hàng mở mới tài khoản thông qua hình thức trực tuyến. Những chức năng nổi bật này giúp SeAMobile

không chỉ một ứng dụng ngân hàng điện tử đơn thuần mà còn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tài chính tiện lợi, nhanh chóng và an toàn trong thời kỳ đại dịch Covid-19.

Trong lộ trình tự động hóa các hoạt động nghiệp vụ, SeABank đã triển khai nhiều công nghệ mới vào hệ thống "Kiểm soát sau xử lý tín dụng - SeAOps" giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình tác nghiệp, tăng hiệu quả công việc cho các bộ phận xử lý tín dụng. Các chức năng kiểm soát sau chứng từ giúp quản lý luồng chứng từ tự động, tăng năng suất lao động nhờ áp dụng công nghệ OCR để bóc tách chứng từ, tự động kết nối với hệ thống T24, LOS. Chức năng giám sát sau giải ngân giúp tự động tính toán và cập nhật, quản lý dữ liệu khách hàng sau cấp tín dụng. Đồng thời, cùng với việc ứng dụng OCR, AI giúp bộ phận xử lý nghiệp vụ tín dụng tự động nhập liệu, tích hợp dữ liệu có sẵn từ các hệ thống CNTT, quản lý hồ sơ, hợp đồng nhanh chóng, chính xác.



Nhằm giúp Ngân hàng tối ưu và tiết kiệm thời gian, nguồn lực thực hiện các chiến dịch chăm sóc khách hàng, SeABank đã triển khai thành công hệ thống Callbot tự động thực hiện cuộc gọi với khách hàng tới hạn tất toán hạn thẻ tín dụng/đến hạn sổ tiết kiệm, gợi ý khách hàng gia hạn hiệu lực thẻ/sổ tiết kiệm giúp khách hàng có trải nghiệm tốt hơn đối với các sản phẩm, dịch vụ của SeABank.

Để tăng cường đảm bảo an ninh bảo mật cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, SeABank cũng đã đưa Trung tâm Vận hành An ninh mạng (SOC) đi vào hoạt động. Hệ thống SOC giúp Ngân hàng có thể quản lý, giám sát và nhanh chóng khắc phục toàn bộ các cảnh báo, lỗ hổng bảo mật trong toàn bộ hệ thống CNTT. Từ khi đưa vào vận hành trong tháng 09/2021, hệ thống này đã phát hiện và xử lý gần 15.000 cảnh báo, rủi ro về an ninh thông tin.

Để đóng góp vào sự phát triển chung của Ngân hàng và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phục vụ kinh doanh, trong năm 2022, SeABank sẽ tập trung sử dụng dữ liệu và công nghệ để nâng cao chất lượng, cải tiến các sản phẩm và dịch vụ hiện có nhằm cung cấp các sản phẩm mới bên cạnh những sản phẩm cốt lõi của Ngân hàng.

Đồng thời, với chiến lược hỗ trợ kinh doanh tối đa, SeABank cam kết đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển các ứng dụng CNTT giúp thay đổi phương thức kinh doanh, xây dựng các ứng dụng di động trợ giúp đặc lực dành cho nhân viên kinh doanh SeABank như mở mới tài khoản, hỗ trợ nhắc nợ, thẩm định khách hàng, hỗ trợ tín dụng... Ngoài ra, SeABank cũng sẽ đưa công nghệ AI vào các công cụ bán hàng, giúp đưa ra đề xuất sản phẩm dịch vụ thích hợp "robo-advisor" cho từng khách hàng, giúp cá nhân hóa sản phẩm phù hợp với từng khách hàng.

Không chỉ chú trọng vào việc mở rộng kinh doanh, SeABank đồng thời ưu tiên tăng cường áp dụng công nghệ Machine Learning, Stream Analytic & BI để thu thập, phân tích dữ liệu chuyên sâu về khách hàng giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, xây dựng và phát triển rất nhiều các sản phẩm số hóa giúp tối ưu hoạt động vận hành, nâng cao năng suất lao động cho các đơn vị nghiệp vụ trong ngân hàng như hệ thống LOS, SeAOps, Ticketing, Tự động hóa.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ 2020 - 2025

Với mục tiêu trở thành Ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, SeABank phối hợp với đối tác tư vấn hàng đầu Talentnet xây dựng chiến lược nhân sự giai đoạn 2020-2025 với các giải pháp tổng thể gồm: Nâng cao hiệu quả hệ thống đãi ngộ tổng thể, Nâng cao hiệu quả quản lý hiệu suất làm việc, Phát triển năng lực nhân sự và Nâng cao trải nghiệm của nhân viên.

Chiến lược nhân sự được đặt ra với định hướng:

- Xây dựng khung năng lực và lộ trình phát triển nghề nghiệp nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự có kỹ năng, sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi và trao cho CBNV cơ hội, động lực để phát huy tối đa năng lực và gắn kết với tổ chức;

- Nền tảng hoạt động minh bạch cùng đạo đức kinh doanh chuẩn mực, thúc đẩy CBNV có trách nhiệm và chịu trách nhiệm về kết quả của hành động trong công việc;
- Hình thành văn hóa tổ chức trên nền tảng hợp tác trao đổi, đam mê công việc, hướng tới hiệu quả và khát vọng thành công;
- Tinh thần đồng đội làm nên sự thành công của cá nhân và Ngân hàng.





KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của SeABank đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 16.598 tỷ đồng với 04 cấu phần: trả cổ tức bằng cổ phiếu (110.244.161 cổ phiếu), phát hành cổ phiếu cho người lao động (23.500.000 cổ phiếu), phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (136.000.0000 cổ phiếu) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ (181.311.631 cổ phiếu).

Ngày 22/6/2021, NHNN đã có công văn số 4430/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc SeABank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 2.697.441.610.000 đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu cho người lao động và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Quý III/2021, SeABank đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 9,1206% và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nâng mức vốn điều lệ từ 12.087,44 tỷ đồng lên 13.424,88 tỷ đồng.

Tháng 11/2021, SeABank đã thực hiện chào bán 136 triệu cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 14.784,88 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/07/2021, Hội đồng Quản trị SeABank đã ban hành Nghị quyết số 1472/2021/NQ-HDQT ngày 15/12/2021 về việc triển khai phương án chào bán 181.311.631 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thay thế phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Dự kiến sau khi hoàn thành đợt chào bán mức vốn điều lệ mới của SeABank là 16.598 tỷ đồng.

SeABank sẽ tiếp tục tăng vốn theo kế hoạch tăng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua, nhằm nâng cao năng lực tài chính, nâng cao các chỉ số an toàn vốn, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh ngân hàng và gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục thực thi các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả vận hành và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án có đối tác tư vấn nước ngoài để tăng cường năng lực quản trị nội bộ các mảng như quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, quản trị nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank trong năm 2022 như sau:

- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi;
- Cải thiện biên độ sinh lời phân khúc/sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm mới/sản phẩm đặc thù có hiệu quả và có khả năng sinh lời cao phù hợp với nhu cầu khách hàng;
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động, tập trung đầu tư các dự án công nghệ trọng điểm, các tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng digital banking và chiến lược Hội tụ số;
- Đa dạng hóa sản phẩm cho vay, phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp;

- Tăng chất lượng tài sản và quản trị chặt chẽ nợ xấu; xử lý triệt để nợ xấu cần xử lý;
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank và phù hợp với quy định của NHNN, đồng thời tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lợi cao và các sản phẩm mới dư nợ tín chấp KHCN;
- Bám sát tình hình tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp. Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động.

Song song với các mục tiêu trên tại các thị trường đang khai thác, SeABank cũng sẽ mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch tại những địa bàn có tiềm năng kinh doanh. Hiện tại SeABank đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận mở mới 06 điểm giao dịch trong năm 2022 gồm 03 chi nhánh tại Bắc Giang, Nam Định, Bình Phước và 03 phòng giao dịch tại Vĩnh Phúc, An Giang, Tiền Giang.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

- Tập trung huy động CASA (không kỳ hạn) để giảm giá vốn huy động:** Tỷ trọng huy động vốn CASA trong tổng vốn huy động tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021. Chỉ số CASA tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 8,9%. Điều này cho thấy, Ngân hàng đã triển khai và thực hiện tốt mục tiêu và chiến lược đã đề ra.
- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu thuần ngoài lãi:** thu thuần bảo hiểm, phí, ngoại hối, đầu tư: Thu nhập ngoài lãi của SeABank trong năm 2021 đạt 1.850 tỷ đồng, chiếm 26,3% tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh. Đây là thành quả từ chiến lược đẩy mạnh các sản phẩm/dịch vụ ngân hàng số, bancassurance, thu phí dịch vụ, thu thuần ngoại hối...
- Tập trung khai thác các sản phẩm/khách hàng có biên độ và khả năng sinh lời cao kết hợp với quản trị rủi ro chặt chẽ:** Năm 2021, SeABank tập trung phát triển sản phẩm mới/sản phẩm đặc thù có biên độ và có khả năng sinh lời cao, phù hợp với nhu cầu từng nhóm khách hàng. Bên cạnh đó, SeABank cũng chú trọng vào việc quản trị rủi ro chặt chẽ đối với các sản phẩm cho vay, đặc biệt là cho vay tín chấp thông qua việc ban hành các quyết định cụ thể về kiểm soát, giảm thiểu rủi ro tín dụng, bám sát các quy định của pháp luật và SeABank.
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động:** Trong năm 2021, Ngân hàng tiếp tục kiểm soát chặt chẽ Chi phí hoạt động và giữ chỉ số CIR (chi phí trên tổng thu nhập thuần) của toàn hệ thống giảm mạnh xuống 36%.
- Tập trung đầu tư các dự án công nghệ trọng điểm hướng tới chiến lược Hội tụ số:** SeABank tiếp tục đầu tư và phát triển các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao bảo mật dữ liệu đồng thời tích hợp các nền tảng công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm và an toàn cho khách hàng.
- Chú trọng tập trung nguồn lực và triển khai có hiệu quả các giải pháp xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh mới trong năm, đảm bảo tín dụng an toàn, hiệu quả:** Ngoài các mục tiêu tăng trưởng cũng như giám sát chặt chẽ các rủi ro, chi phí có thể phát sinh, SeABank cũng luôn chú trọng đến việc cải thiện chất lượng tài sản, quản lý và xử lý triệt để các khoản nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2021 đã giảm 0,21%, từ 1,86% vào cuối năm 2020 xuống 1,65% cho thấy hiệu quả của việc kiểm soát tốt chất lượng tín dụng của SeABank.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ MẢNG HOẠT ĐỘNG KHÁC TRONG NĂM 2021

- Quản trị rủi ro và Kiểm soát tuân thủ:** SeABank tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện các chuẩn mực tiên tiến về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm tạo nền tảng thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng 2030. SeABank đã trở thành ngân hàng thứ 5 hoàn thành đủ cả 3 trụ cột theo Basel II trước thời hạn vào tháng 6/2020 đồng thời tiếp tục được Moody's đánh giá chỉ số xếp hạng tín nhiệm ở mức B1, nâng triển vọng phát triển từ Ổn định lên Tích cực. Đây là sự ghi nhận dành cho những nỗ lực của Ngân hàng trong việc quản trị chất lượng tài sản, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng và quản trị rủi ro.
- Vận hành hiệu quả:** Năm 2021, SeABank thực hiện cấu trúc lại toàn diện mảng Vận hành theo hướng tập trung chuyên môn hoá dịch vụ vận hành, nâng tầm quản trị dịch vụ toàn hệ thống, nỗ lực cải tiến và số hóa quy trình vận hành, nhằm đem lại trải nghiệm xuất sắc cho các khách hàng bên ngoài và nội bộ.
- Phát triển nguồn nhân lực:** Trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, SeABank nỗ lực duy trì và tinh gọn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu. Tính đến cuối năm 2021, tổng số CBNV trên toàn hệ thống của SeABank là 4.501 nhân sự.
- Trách nhiệm với cộng đồng - xã hội:** Trên cơ sở giá trị cốt lõi "Vì cộng đồng", năm 2021 SeABank tiếp tục duy trì các hoạt động hướng tới cộng đồng - xã hội thông qua các chương trình như ủng hộ về trang thiết bị, tiền mặt cho lực lượng tuyến đầu chống dịch Covid-19; phát triển giáo dục, ủng hộ người nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, thu gom và phân loại rác...

Năm 2021, HĐQT đánh giá cao những kết quả hoạt động của SeABank và những nỗ lực hoạt động của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành Ngân hàng:

- Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của SeABank, các thành viên Ban Tổng Giám đốc rất bám sát các mục tiêu, định hướng chiến lược đã được ĐHCĐ đề ra và các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong năm 2021, cụ thể: SeABank đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu tăng trưởng tổng tài sản và lợi nhuận bên cạnh việc đảm bảo tỷ lệ nợ xấu ở mức hợp lý. Năm 2021, lợi nhuận trước thuế của SeABank đạt 3.268 tỷ đồng, tăng trưởng 89,1% và hoàn thành 135% kế hoạch năm;
- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp với thời gian giãn cách xã hội kéo dài, liên tục và sự cạnh tranh ngày càng cao, Tổng Giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo, điều hành và liên tục đổi mới, sáng tạo trong hoạt động điều hành Ngân hàng;

đồng thời ban hành các chính sách quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới ngân hàng cũng như khách hàng.

- Nhân sự của Ban Tổng Giám đốc tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng với việc bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động đầu tư của Ngân hàng;
- Tổng Giám đốc đã thực hiện phân công, phân cấp thẩm quyền rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả cho các Phó Tổng Giám đốc; tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Ngân hàng, và phối hợp nhịp nhàng giữa Ban Tổng Giám đốc với các khối, đơn vị trong toàn hệ thống.
- Đảm bảo các hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục hoàn thiện và chỉ đạo triển khai các định hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng 2030 một cách hiệu quả, an toàn và phù hợp với thực tế hoạt động của SeABank và chính sách, chỉ đạo của Chính phủ, NHNN;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác cơ cấu lại theo Đề án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025 của Ngân hàng, hướng tới phát triển SeABank thành một ngân hàng lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng các chuẩn mực về an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế;
- Tiếp tục chỉ đạo phát triển, hoàn thiện chiến lược kinh doanh với trọng tâm hướng đến việc trở thành ngân hàng bán lẻ tiêu biểu được yêu thích nhất Việt Nam;
- Chỉ đạo bám sát mục tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu được NHNN giao và nhu cầu thực tế của Ngân hàng và điều chỉnh tùy vào diễn biến, tình hình thực tế; Tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực được ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, chỉ đạo rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình, chính sách tín dụng phù hợp với quy định mới của NHNN trong hoạt động cho vay và đảm bảo đơn giản hóa thủ tục vay vốn;
- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các giải pháp kiểm soát và xử lý nợ xấu, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh mới, duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức an toàn (dưới 3%);
- Chỉ đạo tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không tiền mặt và an ninh bảo mật trong chuyển đổi số và thanh toán không tiền mặt của Ngân hàng theo đúng chủ trương và chiến lược của Chính phủ và NHNN thông qua việc đẩy mạnh công tác giám sát và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống công nghệ số của SeABank, ưu tiên chỉ đạo triển khai các dự án công nghệ số và vận hành tập trung để hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo chiến lược Hội tụ số của Ngân hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo hướng công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn tiên tiến, nhằm mang lại những lợi ích lâu dài cho cổ đông cũng như tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tiếp cận và có thể đầu tư vào Ngân hàng trong tương lai;
- Tăng cường hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT cũng như hoạt động giám sát cấp cao theo các quy định của pháp luật và SeABank;

- Tăng cường giám sát và đưa ra các hỗ trợ kịp thời, hiệu quả đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm khai thác, tận dụng tối đa các thời cơ, lợi thế kinh doanh của SeABank;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động vì cộng đồng - xã hội, phát triển bền vững và phát triển văn hóa doanh nghiệp, đề cao tính sáng tạo và đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với chiến lược

kinh doanh mới;

- Tiếp tục triển khai các hoạt động khác của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 như kiện toàn nhân sự của HĐQT theo hướng bổ sung thêm thành viên HĐQT là người nước ngoài, có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở thị trường nước ngoài; triển khai việc tổ chức họp trực tuyến, lấy ý kiến thông qua hệ thống văn phòng điện tử...

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH CHÍNH NĂM 2022

**Tăng trưởng tổng tài sản:
dự kiến đạt**

232.830
tỷ đồng

tăng trưởng **10%** vào cuối năm 2022.

**Tăng trưởng nguồn huy động
khách hàng: tăng trưởng ròng**

22.000
tỷ đồng

tương ứng tăng trưởng **17,08%** so với năm 2021.

**Tăng trưởng dư nợ tín dụng:
tăng trưởng ròng**

24.000
tỷ đồng

tương ứng tăng **18,49%** so với năm 2021. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

**Lợi nhuận trước thuế
của Ngân hàng: dự kiến đạt**

4.866,6
tỷ đồng

tăng trưởng **48,89%** so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng, kế hoạch đạt **3.893,6** tỷ đồng.

**Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát
theo quy định**

< 3%

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	CUỐI KỲ		TĂNG TRƯỞNG SO VỚI 2021	
		2021	2022	TĂNG RÒNG	%
1	Tổng tài sản	211.663	232.830	21.166	10%
2	Huy động tiền gửi của khách hàng	128.838	150.838	22.000	17,08%
3	Dư nợ cho vay khách hàng	127.588	153.801	24.000	18,49%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.268,6	4.866,6	1.598,1	48,89%
5	Lợi nhuận sau thuế	2.606,5	3.893,6	1.287,1	48,38%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,65%	<3%		

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY



January February March April May June July August September October November December

84% 76% 98% 65%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT CỦA SEABANK BAO GỒM 08 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ CÓ 02 THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP



ÔNG LÊ VĂN TẤN
Chủ tịch HĐQT
Sở hữu 54.560 cổ phiếu
với tỷ lệ 0,0037%



BÀ NGUYỄN THỊ NGA
Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Sở hữu 26.206.773 cổ phiếu
với tỷ lệ 1,7725%



BÀ LÊ THU THỦY
Phó Chủ tịch HĐQT
Sở hữu 39.844.827 cổ phiếu
với tỷ lệ 2,6950%



BÀ KHÚC THỊ QUỲNH LÂM
Phó Chủ tịch HĐQT
Sở hữu 31.584 cổ phiếu
với tỷ lệ 0,0021%



ÔNG HOÀNG MINH TÂN
Thành viên HĐQT
Sở hữu 71.824 cổ phiếu
với tỷ lệ 0,0049%



ÔNG BÙI TRUNG KIẾN
Thành viên HĐQT
Sở hữu 33.039 cổ phiếu
với tỷ lệ 0,0022%



BÀ NGÔ THỊ NHÀI
Thành viên độc lập HĐQT
Sở hữu 10.910 cổ phiếu
với tỷ lệ 0,0007%



ÔNG FAUSSIER LOIC MICHEL MARC
Thành viên độc lập HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC DANH NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC
1	Ông Lê Văn Tấn	<i>Chủ tịch HĐQT</i>	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Nga	<i>Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ Chủ tịch HĐQT - Tập đoàn BRG - Công ty CP Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
3	Bà Lê Thu Thủy	<i>Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i>	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
4	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	<i>Phó Chủ tịch HĐQT</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An Thành viên HĐQT - Công ty CP Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội Chủ tịch HĐQT - Công ty CP ĐT và KD BĐS Smart key
5	Ông Hoàng Minh Tân	<i>Thành viên HĐQT</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn Chủ tịch HĐQT - Công ty CP xi măng Mỹ Đức
6	Ông Bùi Trung Kiên	<i>Thành viên HĐQT</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh Chủ tịch HĐQT - CTCP Ô tô công nghiệp Trường Sơn
7	Bà Ngô Thị Nhài	<i>Thành viên độc lập HĐQT</i>	Kế toán Trưởng - Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An
8	Ông Faussier Loic Michel Marc	<i>Thành viên độc lập HĐQT</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH VNInvest Partners Chủ tịch Công ty, Giám đốc - Công ty TNHH Tài chính Lotus

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

HĐQT SeABank đã tiến hành tổ chức thành công các phiên họp trực tiếp cũng như lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền, tuân thủ theo quy định của pháp luật và SeABank. Các phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản của

HĐQT được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo thành phần dự họp/biểu quyết theo đúng quy định. SeABank đã công bố thông tin về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021.

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2021



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT NĂM 2021

Hiện nay, HĐQT SeABank có 02 thành viên độc lập bao gồm: Bà Ngô Thị Nhài đồng thời là thành viên Ủy Ban Quản Lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; và Ông Faussier Loic Michel Marc được bổ nhiệm bổ sung trong năm 2021. Các thành viên độc lập HĐQT đã đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của mình, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động và kịp thời trong các phiên họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT.

Năm 2021, thành viên độc lập đánh giá HĐQT SeABank đã hoạt động một cách hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và SeABank. Đồng thời, HĐQT cũng đã hoàn thành hầu hết các kế hoạch, nhiệm vụ được ĐHCĐ thường niên năm 2021 đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT NĂM 2021

SeABank đã thành lập 02 Ủy ban giúp việc trực thuộc HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, cụ thể bao gồm:

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO (QLRR):

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên diện rộng trong năm 2021, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố áp dụng thực hiện giãn cách xã hội. Ủy ban QLRR đã họp/lấy ý kiến các thành viên Ủy ban để tham mưu cho HĐQT và Ngân hàng một số nội dung để kịp thời thích ứng với tình hình thực tế của Ngân hàng như xây dựng và ban hành các quy định nội bộ liên quan đến việc cơ cấu nợ, miễn giảm lãi giữ nguyên nhóm nợ; tham mưu một số giải pháp về cách thức/phương pháp tiếp cận khách hàng, thu thập hồ sơ giải ngân... trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19; tham mưu ban hành Chỉ thị 17384/2021/CT-TGD về kiểm soát cấp tín dụng cho khách hàng được cơ cấu nợ tại các tổ chức tín dụng đảm bảo việc thận trọng, thẩm định kỹ càng trước khi cấp tín dụng cho các khách hàng này; tham mưu điều chỉnh/sửa đổi một số thủ tục, quy trình cấp tín dụng, quản lý sau cấp tín dụng có phát sinh vướng mắc trong quá trình vận hành để phù hợp với thực tế.

Trong năm 2021, Ủy ban Quản Lý Rủi ro cũng đã tham mưu cho HĐQT ban hành Chính sách giao dịch với người có liên quan của SeABank theo Quy định 1469/2021/QĐ-HĐQT về giao dịch với người có liên quan của SeABank với mục đích hạn chế rủi ro trong quản trị doanh nghiệp nhằm tránh các quyết định gây xung đột lợi ích, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của SeABank trong các giao dịch với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban đã tham mưu ban hành Quyết định 7902/2021/QĐ-TGD về việc “Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và Ứng phó với các trường hợp khẩn cấp” nhằm xây dựng kế hoạch cho các

đơn vị SeABank ứng phó với các trường hợp khẩn cấp, đảm bảo công tác duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và các hoạt động khôi phục sự cố gián đoạn tại các đơn vị nghiệp vụ, các đơn vị kinh doanh tại SeABank.

Để phù hợp với chuẩn mực quốc tế và quy định của NHNN, Ủy ban QLRR đã tham mưu bổ sung thêm khẩu vị rủi ro liên quan đến RAROC theo Quyết định 1160/2021/QĐ-HĐQT và chỉ đạo sẽ tiếp tục kết nối với các đơn vị liên quan rà soát, xây dựng khẩu vị rủi ro tại SeABank cho giai đoạn 2022-2025 để phù hợp với định hướng tăng trưởng kinh doanh của SeABank trong thời gian tới. Đồng thời, nhằm đáp ứng yêu cầu của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và chuẩn bị cho việc đáp ứng Thông tư của NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, Ủy ban cũng tham gia xây dựng Quy định và kế hoạch thực hiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội (ESG) tại SeABank, trong đó cụ thể hóa các bước đánh giá rủi ro MTXH để thuận tiện triển khai vào thực tiễn kinh doanh sau khi ban hành.

Nhằm nâng cao năng lực tài chính và trình độ quản trị theo chuẩn quốc tế, trong năm 2021, Ủy ban QLRR đã tham mưu hoặc tham gia có ý kiến đối với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai nghiên cứu Basel III làm cơ sở để hoàn thành toàn bộ các tiêu chí của Basel III vào năm 2022, triển khai nghiên cứu áp dụng cấu phần IFRS 9 theo phân công trách nhiệm của Ban Dự án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), cập nhật xây dựng các chính sách và quy trình quản trị và bảo trì mô hình.

ỦY BAN NHÂN SỰ (UBNS):

Trong năm 2021, UBNS tham gia xem xét các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm các trường hợp cán bộ quản lý, người điều hành của Ngân hàng để tham mưu cho HĐQT như tuyển dụng, bổ nhiệm Giám đốc Khối Quản trị & Phát triển Nguồn Nhân lực, các Giám đốc Khu vực, Giám đốc một số chi nhánh...

UBNS đã hoạt động tích cực và hiệu quả trong việc tham mưu cho HĐQT và Ngân hàng ban hành và áp dụng các định hướng, chính sách và chương trình, dự án về các chủ đề chính, bao gồm:

- Dự án KPIs đối với các khối Hội sở được triển khai với sự tư vấn của Mercer Singapore nhằm nâng cao hiệu suất và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.
- Chính sách đãi ngộ tổng thể (Total Rewards) tiếp tục được triển khai với mục tiêu xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh; thúc đẩy các đơn vị, CBNV hướng tới hiệu quả, bao gồm:
 - Điều chỉnh lương hàng năm (đối với CBNV vào tháng 3/2021 và cán bộ quản lý vào tháng 6/2021), chính sách thưởng theo hiệu quả công việc và thưởng Extraordinary Prize (ghi nhận đóng góp của cá nhân vào hiệu quả chung của đơn vị, ngân hàng

và gia tăng mức độ cạnh tranh thu nhập của CBNV trên thị trường).

- Chính sách phát hành cổ phiếu lựa chọn cho CBNV - SEAESOP: Cơ hội cho các SeABanker tham gia đầu tư mua cổ phiếu, gắn lợi ích của CBNV với lợi ích của cổ đông, thúc đẩy tạo giá trị gia tăng cho Ngân hàng.
- Chính sách vay CBNV Staff Privilege: Điều chỉnh chính sách vay CBNV Staff Privilege với việc tăng hạn mức và lãi suất ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh. Chính sách ưu đãi cho nhóm nhân tài và cốt lõi theo khung quy hoạch nhân tài của Ngân hàng.
- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVI mở rộng: Nâng cao quyền lợi bảo hiểm sức khỏe: tăng hạn mức bồi thường; tăng độ tuổi được tham gia bảo hiểm cho người thân CBNV (từ 65 lên 75 tuổi)...
- Chính sách khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV: Năm 2021, SeABank tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 với danh mục khám mở rộng, chuyên sâu.



BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ CỔ PHIẾU SỞ HỮU
1.	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	31.824	0,002%
2.	Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên BKS	31.824	0,002%
3.	Ông Vũ Quốc Việt (Thành viên BKS mới, gia nhập từ nhiệm kỳ mới từ ngày 23/04/2021)	Thành viên BKS	0	0,000%
4.	Bà Đoàn Thị Thanh Hương (Từ nhiệm Trưởng BKS từ ngày 12/04/2021 và từ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 23/04/2021)	Trưởng BKS (đã từ nhiệm)	0	0,000%

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2021

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

STT	THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1.	Bà Đoàn Thị Thanh Hương	3	100%	100%	Bà Hương từ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 23/04/2021
2.	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	11	100%	100%	
3.	Bà Nguyễn Thị Phượng	11	100%	100%	
4.	Ông Vũ Quốc Việt	8	100%	100%	Ông Việt được bầu làm Thành viên BKS từ ngày 23/04/2021

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG:

- BKS giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, NHNN và Điều lệ Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành ngân hàng thông qua công tác kiểm toán nội bộ, kiểm tra từ xa đối với các lĩnh vực nghiệp vụ/ đơn vị trên toàn hệ thống.
- Giám sát thông qua việc hoạt động kiểm toán nội bộ đối với hệ thống Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng (bao gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF), Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản SeABank (SeABank AMC), bao gồm đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá cải tiến quy trình.
- Giám sát các giao dịch của người có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank, quy định nội bộ về quản trị công ty của SeABank và chính sách về giao dịch với người có liên quan của Ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nghị quyết đã được ĐHQĐ thông qua và các kế hoạch cụ thể do ĐHQĐ, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo đối với các đơn vị trong Ngân hàng nhằm đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị điều hành được sát sao, hướng tới mục tiêu chung của Ngân hàng.

- BKS thực hiện giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua giám sát Bảng tổng kết tài sản và việc chấp hành các quy định của NHNN liên quan đến hệ số an toàn vốn, trích lập dự phòng rủi ro, giám sát việc chấp hành các quy định nội bộ của SeABank về

chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng...

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- BKS và Kiểm toán Nội bộ đã kịp thời thông báo, làm việc với HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành để có các quyết định, chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn ngừa và xử lý một số vấn đề trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, cải tiến quy

trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.

- HĐQT, Ban Điều hành và các đơn vị đã khắc phục các khuyến nghị của BKS và Kiểm toán Nội bộ, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS:

- Trong năm 2021, BKS có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức: Bầu thay đổi Trưởng BKS, bổ sung Thành viên BKS mới. Trưởng BKS đã lên kế hoạch cụ thể và phân công công việc cho các Thành viên BKS.
- Ngoài ra trong kỳ BKS cũng thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan Thanh tra giám sát NHNN, Cục Phòng chống rửa tiền:
 - Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống rửa tiền theo yêu cầu của NHNN.

- Giám sát việc thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 của SeABank.

- Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của NHNN, cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

- Theo dõi, lập danh sách người có liên quan và rà soát các giao dịch đối với người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank, quy định nội bộ về quản trị công ty của SeABank và chính sách về giao dịch với người có liên quan của Ngân hàng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các giao dịch của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty trên website chính thức của SeABank. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS:

STT	NỘI DUNG	NĂM 2021 (Triệu đồng)
I	Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	13.256
II	Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	35.511

06

**CÁC SỰ KIỆN
HOẠT ĐỘNG
TIÊU BIỂU
NĂM 2021**





SEABANK 2021 - BỨT PHÁ PHI THƯỜNG

Năm 2021, trước những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, SeABank đã linh hoạt điều chỉnh phương án kinh doanh phù hợp với bối cảnh, bứt phá và đạt được nhiều thành tựu phi thường, đồng thời thực hiện sứ mệnh lan tỏa yêu thương tới toàn bộ CBNV và cộng đồng.



Năm 2021 đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hoạt động của SeABank bằng việc niêm yết hơn 1,2 tỷ cổ phiếu SeABank mã chứng khoán SSB trên sàn HOSE. Cổ phiếu SSB đã thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và có những phiên tăng trần liên tiếp, đưa SeABank nằm trong Top 10 ngân hàng có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán.



Cuối năm 2021 SeABank chuyển Hội sở chính từ 25 Trần Hưng Đạo về BRG Tower (198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội) - Tòa nhà văn phòng làm việc hạng S với nhiều tiện ích và đẳng cấp. Đây là kế hoạch phát triển dài hạn của Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc, mang đến không gian hiện đại, chuyên nghiệp và tân tiến cho CBNV, khẳng định là một trong những môi trường làm việc tốt nhất châu Á.



Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản của SeABank tăng gần 32.000 tỷ đồng so với năm 2020, đạt 211.663 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch kinh doanh. Về lợi nhuận trước thuế, SeABank xuất sắc hoàn thành 135% kế hoạch đặt ra, đưa con số lợi nhuận của Ngân hàng lên hơn 3.268 tỷ đồng, tăng 89% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, tổng thu thuần ngoài lãi đạt 1.801 tỷ đồng, hoàn thành 139% kế hoạch 2021. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) đạt 36,2% và tỷ lệ nợ xấu (NPL) tiếp tục giảm ở mức 1,65%.



Tháng 12/2021, SeABank chính thức được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên gần 14.785 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ là một dấu mốc quan trọng trong kế hoạch và định hướng phát triển của Ngân hàng nhằm nâng cao tiềm lực tài chính và củng cố an toàn vốn, từ đó tạo tiền đề để SeABank đầu tư toàn diện về nhiều mặt như cơ sở vật chất, hệ thống, công nghệ, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng; đồng thời đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của khách hàng trên toàn quốc.



Để thuận tiện cho các CBNV làm việc tại nhà, những ứng dụng mới linh hoạt như SeAOffice được đưa vào sử dụng trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, nhằm tối ưu hóa quy trình giao dịch và trải nghiệm khách hàng, SeABank triển khai phát triển dự án SeATeller giúp giao dịch viên nhận diện khách hàng; đưa công nghệ tân tiến vào hệ thống kiểm soát sau xử lý tín dụng (SeAOps) và phát triển ngân hàng số dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp (SeAMobile Biz).

Với mục tiêu gia tăng trải nghiệm cho khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số SeAMobile/SeANet, SeABank đã lựa chọn công nghệ tốt nhất, tiên tiến nhất hiện nay là điện toán đám mây (cloud) của Google Cloud. Việc hợp tác với Google Cloud là một trong những bước tiến quan trọng giúp SeABank khai thác sức mạnh dựa trên cơ sở hạ tầng và năng lực trí tuệ nhân tạo của Google Cloud để đổi mới ở tốc độ nhanh hơn và quy mô lớn hơn, từ đó tối ưu hóa năng lực triển khai sản phẩm, dịch vụ, hệ thống và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.





SEABANK 2021 - BỨT PHÁ PHI THƯỜNG



Tháng 6/2021, SeABank chính thức được Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cấp khoản vay cao cấp trị giá 150 triệu USD nhằm hỗ trợ mở rộng cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Chỉ sau 6 tháng hợp tác và ghi nhận những hiệu quả triển khai từ SeABank, IFC và 5 quỹ tài chính quốc tế đã quyết định tài trợ bổ sung thêm 70 triệu USD, nâng tổng gói tài trợ tín dụng và thương mại cho SeABank lên 220 triệu USD vào cuối năm 2021.

Bên cạnh đó, sau gần 8 tháng ký kết hợp tác, ADB đã quyết định nâng hạn mức bảo lãnh thực hiện các giao dịch thương mại với tổng giá trị giao dịch tại một thời điểm lên đến 30 triệu USD cho SeABank. Tháng 7/2021, Vietnam Airlines, Tập đoàn BRG và SeABank chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược nhằm cùng nhau phát triển trong nhiều lĩnh vực để nâng cao trải nghiệm khách hàng và đóng góp chung vào sự bền vững của nền kinh tế - xã hội đất nước.

Nhằm tăng cường phúc lợi, nâng cao lợi ích cho đoàn viên công đoàn, người lao động và đóng góp chung vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội đất nước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cùng Tập đoàn BRG và SeABank chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác.

Cùng với đó SeABank đã ký kết hợp tác chiến lược với 4 đối tác lớn trong các lĩnh vực tư vấn chiến lược nhân sự, phát triển năng lực lãnh đạo, gia tăng trải nghiệm khách hàng gồm: Talentnet-Mercer, Crestcom Việt Nam, iChange Center và CEM Partner. Đây là những bước đi chiến lược quan trọng giúp SeABank phát huy thế mạnh nội tại, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính - ngân hàng.

SeABank cũng liên tục ký kết với nhiều doanh nghiệp, tổ chức lớn nhằm cùng nhau phát triển trong nhiều lĩnh vực như: Tổng Công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines); Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VietnamPost); FPT Smart Cloud; Công ty Honda Việt Nam; Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI); Đơn vị xét nghiệm gene sở hữu công nghệ lõi độc quyền dành cho người châu Á - Genetica...



SeABank được xướng tên trong danh sách 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam do Forbes Việt Nam công bố. Đặc biệt, SeABank vinh dự là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được Tạp chí uy tín The Banker (Anh Quốc) vinh danh Ngân hàng của năm 2021 (Bank of the Year 2021) và được HR Asia trao giải "Môi trường làm việc tốt nhất Châu Á 2021"

Cùng với đó, SeABank cũng được nhiều tổ chức uy tín vinh danh trao giải thưởng, tiêu biểu như: Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam 2021 (Tạp chí World Business Outlook), Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc 2021 (The International Business Magazine)...



Để phù hợp với tình hình thực tế, những hoạt động mang tính chất gắn kết tại SeABank đã được thay đổi sang hình thức online suốt 2 năm qua, nhưng vẫn đảm bảo tính gắn kết, vui vẻ và nhiệt huyết của tất cả CBNV. Với nhiều cuộc thi hấp dẫn như: Sáng tạo clip "Hoà vang khúc hát SeABank", cuộc thi viết "Thư gửi SeABank" hay đặc biệt hơn là các cuộc thi được tổ chức trên sóng livestream như: "Ai hiểu SeABank nhất", Hội thao online SeA-eSports với 6 môn thi đấu, thu hút gần 650 CBNV tham gia, Cuộc thi I Love SeABank tìm hiểu về văn hóa SeABank cũng được đổi mới với nhiều vòng thi online và livestream hấp dẫn.



Tháng 6/2021 Quỹ SeABank phòng chống Covid-19 chính thức được thành lập. Chỉ sau 6 tháng, Quỹ đã hỗ trợ tiêm vaccine sớm và miễn phí cho hơn 4.000 CBNV và người thân; tặng nhu yếu phẩm và rau xanh cho gần 650 SeABanker tại Tp.Hồ Chí Minh trong những tuần đầu của giãn cách xã hội; giúp đỡ gần 3.000 CBNV SeABank và các công ty thành viên chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid-19 với tổng số tiền gần 4,3 tỷ đồng

Cũng trong năm 2021, lần đầu tiên chương trình "Day of Love - Ngày của Yêu thương 7/9" được phát động trên toàn hàng và nhận được tổng số tiền quyên góp hơn 1 tỷ đồng và hỗ trợ cho trên 600 CBNV SeABank và các công ty thành viên tại các tỉnh đang phải thực hiện 3 tại chỗ. Đây sẽ là hoạt động thường niên của SeABanker trên toàn hệ thống cùng chung tay ủng hộ và thực hiện những hành động ý nghĩa vì cộng đồng.

SeABank cũng đã phối hợp cùng Tập đoàn BRG thành lập Quỹ An sinh "Sức sống mới" đồng hành cùng Chính phủ, các tổ chức, cơ quan tại các tỉnh thành địa phương, thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội trên khắp mọi miền Tổ quốc với tổng số tiền gần 200 tỷ đồng, trong đó SeABank đóng góp gần 90 tỷ đồng. Đồng thời, những chương trình thiện nguyện thường niên của SeABank như Xuân Yêu thương, Tuần lễ công dân, SeABanker Vì trẻ thơ vẫn được tổ chức với nhiều hình thức phù hợp.



07

THÀNH TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU





GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2019 - VNR500
- Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report -



TOP 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM
- Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report -



TOP 50 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN XUẤT SẮC VIỆT NAM 2021 - PROFIT500
- Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report -



CHIẾN SĨ THI ĐUA NGÀNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO MS. LÊ THU THỦY
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam -



THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2021
- Tạp chí Kinh tế Việt Nam -



THƯƠNG HIỆU TIÊU BIỂU CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
- Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương -



TOP 50 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM
- Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report -



SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2021
- Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam -



TOP 25 THƯƠNG HIỆU TÀI CHÍNH DẪN ĐẦU VIỆT NAM 2021
- Tạp chí Forbes Việt Nam -



CỜ THI ĐUA ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2020
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam -



TBI - NHÀ CUNG CẤP CHẤT LƯỢNG XUẤT SẮC
- Viện doanh nghiệp Việt Nam -



ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA 2020 DÀNH CHO SEABANK ĐÀ NẴNG
- UBND TP Đà Nẵng -



TOP 30 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG VIỆT NAM NĂM 2021
- Công ty cổ phần Mibrand Việt Nam -



GIẢI THƯỞNG TIN & DỪNG 2021
- Tạp chí Kinh tế Việt Nam -



THƯƠNG HIỆU XANH TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam -



CỜ THI ĐUA CHO 04 TẬP THỂ ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC GÓP PHẦN HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NGÂN HÀNG NĂM 2019-2020
SEABANK- CHI NHÁNH SỞ GIAO DỊCH | SEABANK- CHI NHÁNH HẢI AN
SEABANK- CHI NHÁNH NGHỆ AN | SEABANK- CHI NHÁNH HÀ TĨNH
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam -



GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



NGÂN HÀNG CỦA NĂM 2021
- The Banker -



**TOP 50 CÔNG TY ĐỔI MỚI SÁNG
TẠO NHẤT NÊN THEO DÕI TRONG
NĂM 2022**
- The CEO Views -



**DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2021**
- Finance Derivative -



**NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT CHÂU Á
2021**
- Tạp chí HR Asia -



**50 CÔNG TY PHÁT TRIỂN
NHANH NHẤT 2021**
- The Silicon Review -



**DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT -
ĐỈNH CAO CỦA THÀNH CÔNG 2020**
- Tổ chức Liên đoàn
Doanh nghiệp Thế giới -



**DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ
XUẤT SẮC 2021**
- The International Business
Magazines -



**NGÂN HÀNG BÁN LẺ XUẤT SẮC
NHẤT VIỆT NAM TRONG VIỆC LẤY
KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM**
- The Global Economics -



**NGÂN HÀNG SỐ TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2021**
- Tạp chí World Business Outlook -



**DOANH NGHIỆP TRUYỀN
CẢM HỨNG**
- Tổ chức Liên đoàn
Doanh nghiệp Thế giới -



**DOANH NGHIỆP ĐI ĐẦU TRONG
VIỆC VẬN HÀNH MỘT CÁCH SÁNG
TẠO, HIỂU BIẾT VÀ CÓ HỆ THỐNG**
- Tổ chức Liên đoàn
Doanh nghiệp Thế giới -



**NGÂN HÀNG SỐ SÁNG TẠO
CỦA NĂM 2020**
- The European -



**ỨNG DỤNG MOBILE BANKING
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2020 -
SEAMOBILE**
- International Finance Publications -



**LÃNH ĐẠO ĐI ĐẦU TRONG VIỆC
VẬN HÀNH MỘT CÁCH SÁNG TẠO,
HIỂU BIẾT VÀ CÓ HỆ THỐNG**
- Tổ chức Liên đoàn
Doanh nghiệp Thế giới -



**CEO TRUYỀN CẢM HỨNG NHẤT
NĂM 2021**
- The European -



"PHỦ SÓNG" THƯƠNG HIỆU SEABANK

SeABank xây dựng tầm nhìn để trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất bởi khách hàng và đối tác, thông qua việc cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng chính là định hướng phát triển thương hiệu mà SeABank đang hướng tới và thực hiện xuyên suốt giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025.

Trên nền tảng kỹ thuật số tiên tiến cùng sự tận tâm chuyên nghiệp, SeABank tự hào được hỗ trợ khách hàng trong việc đơn giản hóa quản lý và chi tiêu tài chính, từ đó đơn giản hóa cuộc sống với những hỗ trợ tối đa về việc quản lý chi tiêu, lên kế hoạch, đặt mục tiêu tài chính... giúp khách hàng tiết kiệm tiền bạc, mang lại các dịch vụ lợi ích cho không chỉ khách hàng mà còn cả gia đình và người thân. Các lợi ích lý tính như trên mà SeABank mang lại khách hàng có thể đánh giá ngay lập tức khi tham gia sử dụng các sản phẩm dịch vụ và giao dịch tại SeABank. SeABank mong muốn mang tới cho khách hàng các trải nghiệm tốt và tích cực nhất khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính, để khách hàng cảm thấy thích thú, yêu mến và ưu tiên lựa chọn sử dụng SeABank.

SeABank xác định công nghệ là một trong những yếu tố then chốt góp phần đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng tốc độ xử lý giao dịch và tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường và tự hào là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất. Đồng thời Ngân hàng cũng tích cực trong việc nghiên cứu, ứng

dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa như ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, tự động hóa giao dịch tại quầy, xác thực khách hàng từ xa, ứng dụng trợ lý ảo chăm sóc khách hàng... Năm 2021 trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, SeABank đã có những thành tích phát triển vượt bậc, thích ứng với thay đổi của thời đại. Việc đẩy mạnh số hóa sản phẩm dịch vụ cũng như số hóa quy trình nghiệp vụ, áp dụng trí tuệ nhân tạo đã giúp SeABank duy trì tốt hiệu quả kinh doanh với việc hoàn thành vượt 105% kế hoạch lợi nhuận 2021 chỉ sau 9 tháng với số tiền gần 90 tỉ đồng. Chiến lược hội tụ số một lần nữa được khẳng định là chiến lược cốt lõi và quan trọng trong mục tiêu phát triển của SeABank các năm tiếp theo.

Chú trọng tăng trưởng đồng thời về cả quy mô sản phẩm và chất lượng dịch vụ, SeABank đảm bảo sự linh hoạt về chính sách giá phù hợp với các ưu tiên về đảm bảo chất lượng dịch vụ dành cho tất cả các sản phẩm dịch vụ được cung cấp. Mở rộng gia tăng chuỗi tiện ích riêng biệt dành riêng cho khách hàng, SeABank liên tục kết nối, mở rộng và duy trì hệ sinh thái các đối tác, khách hàng thuộc đa ngành nghề lĩnh vực để tăng thêm nữa nhiều tiện ích cho khách hàng khi lựa chọn SeABank. Ứng dụng hệ sinh thái tiên phong, SeABank tiếp tục thúc đẩy hợp tác chiến lược và toàn diện với các Tập đoàn, Tổng công ty với hệ sinh thái hơn 30 triệu khách hàng tiềm năng bao gồm Tập đoàn BRG, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

(VNPT), Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost). Bên cạnh đó, SeABank cũng có hợp tác chiến lược về kinh doanh với các doanh nghiệp lớn như Prudential Việt Nam, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Central Retail, Coca-Cola Việt Nam, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Du lịch Hà Nội (HanoiTourist)... Đây chính là nền tảng quan trọng để SeABank phủ rộng thương hiệu, mở rộng thị phần, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng mới.

Năm 2021, nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu trên thị trường, SeABank đã được phủ rộng mạnh mẽ hình ảnh tới khách hàng và đối tác thông qua việc đẩy mạnh quảng cáo tại hệ thống biển bảng ngoài trời ở hầu khắp các tỉnh thành lớn trong cả nước: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Huế, Nghệ An... Khách hàng có thể dễ dàng bắt gặp các hình ảnh thương hiệu SeABank có mặt tại hệ thống siêu thị (BRG Mart, Hapro food), hệ thống các sân golf đẳng cấp quốc tế (BRG Kings Island Golf Resort, BRG Legend Hill Golf Resort, BRG Ruby Tree Golf Resort, BRG Danang Golf Resort), khách sạn hạng sang (Intercontinental Hà Nội, Hilton Hanoi Opera, Sheraton Đà Nẵng, Sheraton Nha Trang, Century Huế...), các showroom bán hàng (Honda, Gốm Chu Đậu...) hay các công trình, dự án Bất động sản (Four Seasons, BRG Grand Plaza, Le Grand Jardin, BRG Legend, BRG Residence, Khách sạn Westin...). Bên cạnh việc mở thêm các điểm giao dịch tại các tỉnh thành mới (Thái Bình, Hà Nam, Quảng Nam, Long An), SeABank cũng đảm bảo việc duy trì hình ảnh tại tất cả các điểm giao dịch trên toàn quốc, giúp thương hiệu SeABank dễ dàng tiếp cận, được chấp nhận và yêu thích bởi các đối tượng khách hàng mục tiêu. Bên cạnh đó, thương hiệu SeABank cũng thường xuyên xuất hiện trên các kênh truyền hình, báo giấy, báo điện tử và mạng xã hội với các nội dung đa dạng, tích cực, góp phần tạo dựng hình ảnh SeABank trong tâm trí khách hàng.

Lấy khách hàng là trọng tâm, SeABank hướng tới là Ngân hàng số 1 về chăm sóc sức khỏe tài chính khách hàng, được khách hàng yêu mến, tin tưởng và ưu tiên lựa chọn, đồng thời là ngân hàng tiên phong đi đầu trong các hoạt động vì cộng đồng, văn hóa tổ chức và góp phần vào sự phát triển bền vững. SeABank chính là cầu nối mang tới cho khách hàng các giá trị không chỉ về kinh tế mà còn các giá trị về văn hóa, kết nối hoạt động cộng đồng, kết nối với các đối tác và thương hiệu khác để mang tới giá trị tốt hơn cho sức khỏe và cuộc sống của khách hàng.

Tại SeABank, các hoạt động nâng cao giá trị nhân văn, hướng tới phát triển bền vững được triển khai xuyên suốt. Các hoạt động xã hội như ủng hộ chi phí và vật tư y tế phòng và chống dịch Covid-19, trao tặng các nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình khó khăn, trao tặng học bổng cho các trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn... cùng với

các hoạt động bảo vệ môi trường như thu gom phân loại rác, tuần lễ công dân bảo vệ môi trường được SeABank tổ chức xuyên suốt năm 2021 nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo khách hàng, đối tác và cộng đồng. Các hoạt động này cũng góp phần khẳng định SeABank với vai trò là một doanh nghiệp có sự quan tâm chú trọng tới các hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng và hướng tới tương lai tươi sáng.

Năm 2021, với kết quả kinh doanh ấn tượng, tăng trưởng vượt trội trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, SeABank đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trong nhóm các ngân hàng TMCP tại Việt Nam và được nhiều tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận và vinh danh.

Các giải thưởng tiêu biểu ghi nhận nhiều hạng mục về sản phẩm, chất lượng dịch vụ của SeABank như "Thương hiệu Quốc gia năm 2020" lĩnh vực dịch vụ tài chính - ngân hàng (Bộ Công Thương), Ngân hàng bán lẻ xuất sắc nhất Việt Nam trong việc lấy khách hàng làm trọng tâm (The Global Economics), Ngân hàng số sáng tạo của năm 2020 (The European), Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc 2021 (The Intenatinal Bussiness Magazine)...

Thương hiệu SeABank cũng đồng thời liên tục thăng hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500, Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - Profit500, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - FAST500 (Vietnam Report), Thương hiệu mạnh Việt Nam (Tạp chí Kinh tế Việt Nam), Doanh nghiệp xuất sắc nhất - Đỉnh cao của thành công 2020 (Word Confederation of Businesses), Top 30 Thương hiệu ngân hàng Việt Nam năm 2021 - Mibrand... cùng nhiều giải thưởng từ nhiều tổ chức uy tín khác.

Đặc biệt, SeABank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được The Banker vinh danh Ngân hàng của năm 2021. Đồng thời SeABank còn là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II trước thời hạn, được Moody's - 1 trong 3 tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới công bố báo cáo cập nhật kết quả xếp hạng trong đó đánh giá triển vọng phát triển từ mức Ổn định lên Tích cực, đồng thời giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm của SeABank ở mức B1 năm thứ 3 liên tiếp.

Các thành tích kể trên là điểm tựa cho phép SeABank dẫn đầu trên thị trường trong việc đáp ứng với những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, giúp SeABank quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh một cách chủ động, minh bạch, an toàn và bền vững. Trong thời gian tới, SeABank cũng đang tích cực triển khai dự án Basel III góp phần tạo dựng một nền tảng quản trị rủi ro vững chắc trong sự phát triển hiệu quả của Ngân hàng SeABank trên thị trường quốc tế.

08

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

LET'S GO
GREEN
WITH
SEABANK





CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Năm 2021 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhưng các hoạt động đào tạo tại SeABank vẫn được triển khai mạnh mẽ và thường xuyên trên toàn hệ thống. Các chương trình đào tạo được thiết kế đều gắn liền với lộ trình phát triển nghề nghiệp và theo năng lực của từng nhóm chức danh.

Các điểm nhấn trong hoạt động đào tạo:

- 60.049 lượt người tham gia đào tạo (trong đó 780 lượt tập trung, 39.136 lượt online, 20.133 lượt E-learning); 5.375 người tham gia đào tạo với 627 ngày đào tạo; 1.177 khóa đào tạo, 100% khối Hội sở và đơn vị kinh doanh được đào tạo; 100% CBNV tân tuyển được tổ chức đào tạo; 93% CBNV được tham gia đào tạo trên toàn hệ thống. Hầu hết các chỉ số đào tạo đều tăng so với cùng kỳ năm 2020, chỉ số tăng cao nhất là số lượt học online lên tới 400%.
- Các chương trình, khóa đào tạo không chỉ tăng về lượng mà còn về nội dung, chất lượng, sát với năng lực chức danh công việc. Trong đó, SeABank đã xây dựng 31 khóa học mới, phát triển 54 giảng viên nội bộ mới, hợp tác với 13 đối tác đào tạo (trong đó có 6 đối tác mới),

bình quân điểm đánh giá khóa học đạt 9,1/10 điểm.

- Đặc biệt trong năm 2021, SeABank đã đầu tư và hoàn thành xây dựng hệ thống LMS mới **"iLearn by SeA"** trên nền tảng **cloud**, hỗ trợ đa thiết bị và đa nền tảng, với nhiều tính năng mới gia tăng trải nghiệm cho người dùng.
- Riêng đào tạo dành cho cấp quản lý lãnh đạo, năm 2021 SeABank tiếp tục tập trung vào 2 trụ cột chính:
 - Phát triển năng lực lãnh đạo quản lý và phát triển đội ngũ quản lý kế cận;
 - Đẩy mạnh và lan tỏa văn hóa **Coaching & Mentoring**

Ngoài các chương trình đào tạo theo năng lực dành cho cán bộ quản lý định kỳ, từ Trưởng nhóm tới Quản lý cấp trung, cấp cao như SeAManagers, SeALeaders Talk, SeAFactors, SeACoach... SeABank đã phát triển thêm các chương trình mới như: SeAShark, Up yourself, SeAHipo, SeAUp, Quản trị nhân sự dành cho Quản lý cấp trung... Cụ thể, Chương trình đào tạo Quản lý cấp trung **SeAManagers** mùa thứ 5 đã được chuẩn hóa, phát triển và triển khai, đây cũng là chương trình đào tạo thường niên đánh dấu thương hiệu nhân sự của SeABank trên

thị trường Ngân hàng. Chương trình đào tạo dành cho các nhân tố SeABank - **SeAFactors** và Chương trình đào tạo kỹ năng huấn luyện - **SeACoach** tiếp tục được triển khai cho 13 SeACoach; 25 SeAFactors, với 171 giờ coach với chuyên gia, 228 giờ coach nội bộ, 8 buổi SeAFactors lan tỏa tới 720 người. Chương trình đào tạo **Quản trị nhân sự** đã triển khai 9 lớp với 272 Quản lý cấp trung tham gia.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

TUYỂN DỤNG

Tính đến 31/12/2021, tổng số CBNV trên toàn hệ thống của SeABank là 4.501 nhân sự. Trong bối cảnh ảnh hưởng của bốn lần bùng dịch Covid-19, SeABank đã không ngừng nỗ lực duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu mà còn gia tăng số lượng nhân sự lên đến 14%. Số lượng nhân sự chi tiết qua 5 năm gần nhất như sau:

Bên cạnh việc tăng cường đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc tại các đơn vị trên toàn hệ thống, SeABank cũng tích cực triển khai chuỗi các chương trình: Thực tập sinh tiềm năng, Khởi nghiệp cùng SeABank, Talkshow định hướng nghề nghiệp trực tuyến trên trang fanpage SeABank - Tuyển dụng... nhằm thu hút nhân tài, phát hiện bồi dưỡng đội ngũ nhân sự trẻ, tiềm năng với lộ trình phát triển của Ngân hàng.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

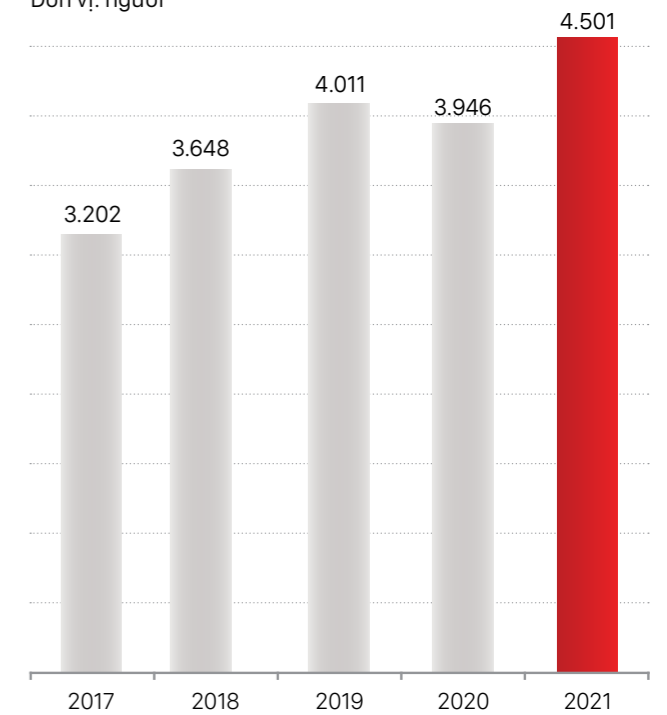
Song song với việc đảm bảo các phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, chính sách đãi ngộ (Total Rewards) của SeABank được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất, nhằm mang đến cho SeABanker những chính sách đãi ngộ cạnh tranh, xứng đáng với đóng góp và cống hiến của mỗi cá nhân đối với sự phát triển của SeABank.

Điều chỉnh lương định kỳ: Cấu trúc lương 3P của SeABank được xây dựng với sự tham gia tư vấn của Talentnet - Mercer dựa trên các nguyên tắc cạnh tranh với thị trường và công bằng trong nội bộ, phù hợp với chiến lược kinh doanh và chiến lược con người của Ngân hàng. Hàng năm, SeABank đều tiến hành các đợt điều chỉnh lương định kỳ và điều chỉnh lương theo các đợt nâng bậc/bổ nhiệm tập trung với các nguyên tắc xem xét trọng tâm vào vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc và thâm niên công tác của từng cá nhân để có chính sách lương cạnh tranh với thị trường và công bằng nội bộ;

Với sự đầu tư mạnh mẽ cho công tác đào tạo đặc biệt dành cho đội ngũ Quản lý lãnh đạo, cho thấy sự quan tâm của Ban lãnh đạo Ngân hàng cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, các vị trí quản lý then chốt và các dự án, chương trình chiến lược trọng điểm, góp phần đảm bảo nguồn nhân sự có chất lượng cao, sẵn sàng cho các mục tiêu phát triển dài hạn của SeABank.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ

Đơn vị: người





CHÍNH SÁCH THƯỜNG

Hệ thống chính sách thưởng của SeABank được cấu trúc bao gồm nhiều chính sách thưởng khác nhau dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng. SeABank đảm bảo CBNV có thành tích tốt sẽ được khen thưởng xứng đáng và kịp thời với hệ thống các chính sách thưởng đa dạng và gắn kết trực tiếp với kết quả, hiệu quả làm việc:

- Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng;
- Chính sách lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán với sự tư vấn của đối tác Mercer Singapore và Talentnet nhằm thúc đẩy kết quả kinh doanh của lực lượng bán theo chiến lược phát triển của Ngân hàng, đảm bảo thu nhập cạnh tranh với thị trường;
- Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng đơn vị, cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng;
- Các chính sách thưởng thành tích đặc biệt cho các cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân công, giao phó; thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo...;

- Các chính sách phúc lợi: Hệ thống chính sách phúc lợi của SeABank ngày càng được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại giá trị đãi ngộ tốt nhất cho CBNV; đồng thời tạo được sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc, thúc đẩy văn hóa hướng đến hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài;
- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho CBNV và người thân với phạm vi và quyền lợi bảo hiểm được mở rộng, nâng cao hàng năm;
- Hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho CBNV được thực hiện hàng năm với danh mục khám mở rộng tại các bệnh viện chất lượng, uy tín (năm 2021 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108);
- Chính sách vay vốn ưu đãi dành cho CBNV SeAStaff Privileged;
- Chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng số ngày nghỉ phép năm;
- Các chương trình/hoạt động kết nối và gắn kết đồng nghiệp (Team Building, SeAFamily, các cuộc thi nội bộ...);
- Các chương trình tri ân CBNV và gia đình (SeATet, Bé SeABank vẽ tranh cuộc sống...).



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

🕒 KỊP THỜI HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Năm 2021 chứng kiến sự bùng phát nghiêm trọng của dịch Covid-19, với tôn chỉ hoạt động "Vi cộng đồng", SeABank luôn chủ động và tích cực triển khai nhiều giải pháp nhằm ủng hộ, hỗ trợ các cơ quan ban ngành, người dân trong công tác phòng chống dịch. Trong công tác hỗ trợ chính quyền và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trên khắp cả nước, SeABank và Tập đoàn BRG cùng các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn BRG đã tài trợ, ủng hộ tổng cộng gần 200 tỷ đồng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Theo đó, SeABank ủng hộ 10 tỷ đồng cho Quỹ vaccine phòng Covid-19 Quốc gia; ủng hộ 5 tỷ đồng tương đương 2.000 máy tính học trực tuyến cho học sinh nghèo vùng dịch; ủng hộ Tp.Hà Nội 5 tỷ đồng phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; ủng hộ 2 tỷ đồng tương đương 133 tấn gạo cho người nghèo; ủng hộ 600 triệu đồng cho Quỹ phòng chống Covid-19 của Tổng

Liên đoàn Lao động Việt Nam và gần 1,2 tỷ đồng mua vật tư, thiết bị y tế, nhu yếu phẩm để triển khai hoạt động hỗ trợ công nhân, người lao động trên cả nước.

Mặt khác, SeABank phối hợp với Tập đoàn BRG và các công ty thành viên cũng tích cực chủ động triển khai ủng hộ các tỉnh/thành phố lớn như Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Bắc Giang... thiết bị y tế phục vụ quá trình điều trị Covid-19 với tổng ngân sách gần 150 tỷ đồng.

Những giải pháp kịp thời của SeABank đã góp một phần chung tay cùng các cấp chính quyền và người dân cả nước trong cuộc chiến phòng chống đại dịch, đồng thời khẳng định vai trò doanh nghiệp trong công tác xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, ổn định đời sống toàn xã hội.





ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Trẻ em là tương lai của đất nước, là nhân tài của dân tộc và việc ươm mầm những hạt giống nhỏ sẽ góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế sau này. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển hạt giống, SeABank thành lập Quỹ Ươm mầm Ước mơ, trao tặng các suất học bổng khuyến học 1 triệu đồng/tháng kéo dài trọn đời phổ thông cho các em học sinh nghèo hiếu học.

Bước sang năm thứ 7 đồng hành cùng trẻ em trên khắp 27 tỉnh thành cả nước, Quỹ Ươm mầm Ước mơ hiện đã hỗ trợ tổng cộng 164 em học sinh tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bình Định, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cà Mau... Gieo hạt mầm để nhận được quả ngọt,

năm 2021 là năm đặc biệt khi Quỹ Ươm mầm Ước mơ đã đồng hành và chứng kiến 09 em học sinh tốt nghiệp đại học, mở rộng một cánh cửa mới chào đón các em đến với những cơ hội phát triển phía trước và cùng với đó mỗi em được nhận một suất học bổng khởi nghiệp trị giá 10 triệu đồng. Ngân sách Quỹ Ươm mầm Ước mơ tiếp tục đồng hành hỗ trợ em học sinh nghèo đạt thành tích cao trong học tập năm 2021 là gần 1,9 tỷ đồng;

Bên cạnh đó, SeABank cũng đồng hành ủng hộ 110 triệu đồng cho Quỹ học bổng Ngân hàng năm 2021 nhằm giúp đỡ các sinh viên nghèo đạt kết quả cao trong học tập được rèn luyện tại các trường Đại học, Học viên, Cao đẳng cùng ngành nghề, chuyên môn...



ỦNG HỘ NGƯỜI NGHÈO

Năm 2021, chương trình từ thiện thường niên "Xuân Yêu thương" của SeABank tiếp tục được diễn ra từ Bắc vào Nam thông qua các hình thức: Tặng quà cho trẻ em, trẻ mồ côi, người già, người khuyết tật, người vô gia cư; Tặng quà cho các em học sinh có kết quả học tập tốt; Tặng quà hội viên hội phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... với ngân sách lên tới gần 300 triệu đồng.

Trong năm 2021, Quỹ One Day One Smile liên tục bám sát chủ trương, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước cũng như hưởng ứng lời kêu gọi của nhiều cơ quan, đơn vị khác và thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội ở khắp nơi trên cả nước như: Tài trợ Chương trình thiện nguyện "Tôi yêu đồng bào tôi" tại Sơn La; Tài trợ chương trình "Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam" tại Nha Trang; Hỗ trợ các gia đình gặp biến cố không may mắn trong cuộc sống, trẻ em chống chọi với bệnh hiểm nghèo tại Đà Nẵng, Quảng Ninh với ngân sách gần



130 triệu đồng; Quỹ SeALove tiếp tục hỗ trợ hợp đồng bảo hiểm các năm tiếp theo cho các cá nhân được Quỹ đồng hành với ngân sách gần 100 triệu đồng.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn đi tiên phong trong việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững cũng như thực hiện trách nhiệm xã hội.

Theo đó, số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường tại SeABank: không bị xử phạt.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước thải sinh hoạt không tái sử dụng do không có bể gom nước thải.

TIẾT KIỆM NƯỚC SẠCH:

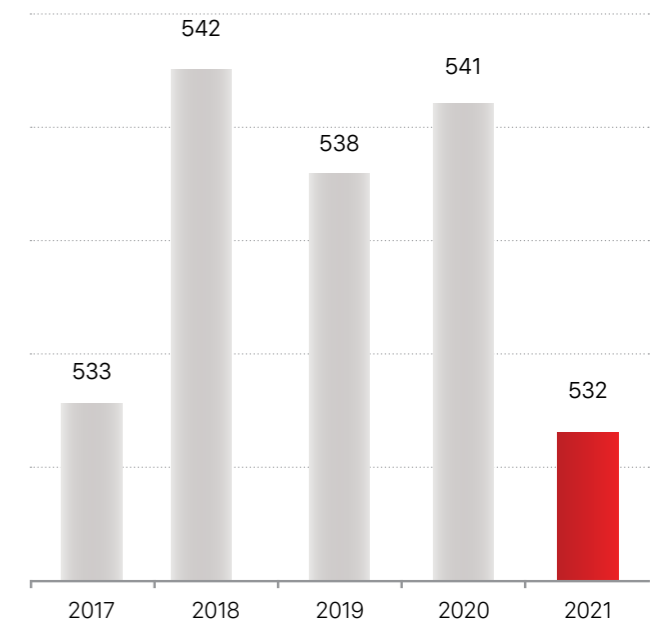
SeABank đã áp dụng các giải pháp chống thất thoát nước như: Tăng cường tuần tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện rò rỉ, thất thoát nước, sửa chữa đường ống hư hỏng, thay thế các trang thiết bị vệ sinh xuống cấp... Chính nhờ vậy, mặc dù nhân sự Hội sở tăng lên nhưng chỉ số tiêu thụ nước sinh hoạt đã giảm xuống đáng kể.

Nước sinh hoạt của Văn phòng được gom vào bể phốt và được đưa vào trạm xử lý nước thải 40m3/ngày-đêm đặt dưới tầng hầm B2. Sau đó được thải ra hệ thống thu gom của nước thải sinh hoạt nước thải của thành phố Hà Nội. Hệ thống xử lý nước thải của SeABank đáp ứng tiêu chuẩn xả thải ra môi trường theo **QCVN 14:2008/BTNMT cột B**.

Theo định kì, SeABank kết hợp với Công ty TNHH Du Lịch và Thương mại Hoàn Kiếm thực hiện xin cấp phép xả thải ra môi trường. Giấy phép xả thải gần nhất là Số 331/GP-UBND hiệu lực từ **12/8/2019 đến 12/8/2022** (3 năm). Hàng quý, SeABank tiến hành quan trắc nước thải ra và lập hồ sơ báo cáo định kỳ gửi Sở tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội.

CHỈ SỐ TIÊU THỤ NƯỚC BÌNH QUÂN TẠI HO

Đơn vị: m3/tháng





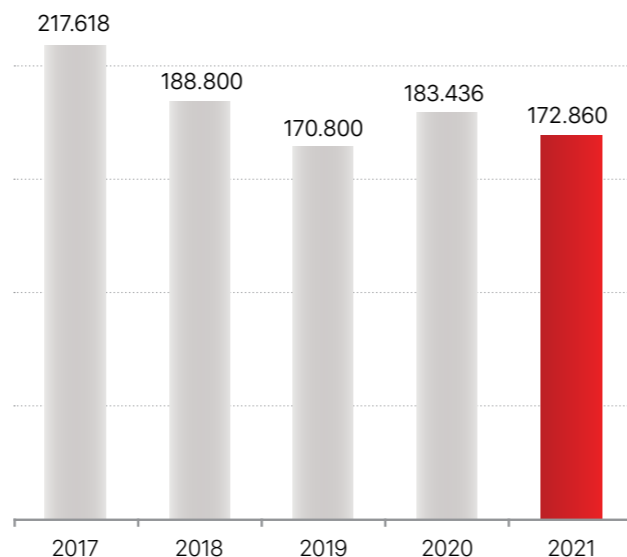
TIẾT KIEM NĂNG LƯỢNG

SeABank cũng sâu sát, quan tâm đến việc tiết kiệm năng lượng điện. Khi nhân sự tăng lên, kéo theo gia tăng trang thiết bị máy tính, công cụ làm việc, thiết bị phụ tải tiêu thụ điện, SeABank đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm thực hành việc tiết kiệm, tránh để lãng phí tài nguyên cụ thể như lắp đặt bộ hẹn giờ bật/tắt tự động hệ thống chiếu sáng công cộng, hạn chế phụ tải tiêu thụ điện tại các khung giờ cao điểm hàng ngày, chuyển đổi chiếu sáng sử dụng đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang sang đèn led. Vì vậy ngay tại Hội sở, dù các thiết bị tiêu thụ điện nhiều lên nhưng mức tiêu thụ điện dần ổn định ở mức 180.000 KWh/tháng.

Năm 2022 tới đây, SeABank tiếp tục triển khai những sáng kiến tiết kiệm năng lượng như thay thế bộ khởi động động cơ trực tiếp bằng khởi động mềm/biến tần cho bơm và quạt, chuyển đổi toàn bộ đèn chiếu sáng huỳnh quang sang đèn Led cho hiệu suất cao hơn, hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng năng lượng mặt trời...

CHỈ SỐ TIÊU THỤ ĐIỆN BÌNH QUÂN TẠI HO

Đơn vị: KWh/tháng



QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Chương trình quản lý môi trường ở các tòa nhà thuộc SeABank bao gồm phân loại chất thải, thúc đẩy các sáng kiến về tái sử dụng và tái chế chất thải. SeABank đã trang bị thùng rác phân loại: hữu cơ, giấy, nhựa, chất thải độc hại tại Hội sở. SeABank đã có quy định về phân rác trong

Sổ tay tòa nhà văn phòng. SeABank phát động trên toàn hệ thống về bảo vệ môi trường, sử dụng sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường, phân loại rác thải trong chương trình Let's Go Green With SeABank, SeAGreen, SeAHero Point Card.

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Xây dựng tinh thần bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, từ năm 2018 SeABank phát động và triển khai chuỗi hoạt động vì môi trường "Let's Go Green with SeABank" với nhiều hoạt động thiết thực.

Hoạt động thu gom phân loại rác để tái sử dụng được SeABank triển khai định kỳ hàng tuần tại các điểm giao dịch của SeABank tại Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh, thu hút được sự tham gia của đông đảo CBNV. SeABank đồng thời thực hiện việc tuyên truyền thường xuyên để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể CBNV thông qua cách phân loại và xử lý rác thải, tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, tiết kiệm giấy... Chính CBNV sau đó dần trở thành những đại sứ vì môi trường lan truyền các thông điệp tích cực vì cuộc sống xanh tới người thân, bạn bè.

Hoạt động trồng cây - trồng rừng là một phần quan trọng của chuỗi hoạt động này. Bên cạnh việc ủng hộ các quỹ hoạt động vì môi trường, SeABank đã thành lập quỹ vì môi trường mang tên SeAGreen. Thành lập từ năm

2021 với mục đích là tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức và hành động vì môi trường, SeAGreen hoạt động dưới hình thức kêu gọi quyên góp sự ủng hộ của những tấm lòng nhân ái từ CBNV và khách hàng để đóng góp triển khai cho các hoạt động vì môi trường hướng tới phát triển bền vững. Toàn bộ số tiền quyên góp được sẽ được sử dụng để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường như: như trồng cây gây rừng, tuyên truyền ý thức, thu gom và xử lý rác tái chế, và triển khai các chuỗi chương trình vì môi trường tại các đơn vị của SeABank và địa phương trên toàn quốc.

Nhiều hoạt động thiết thực khác cũng được SeABank triển khai tại các điểm giao dịch tại các địa phương trên toàn quốc như: trang bị thêm cây xanh trong văn phòng, tặng khách hàng các quà tặng thân thiện với môi trường, tuần lễ công dân vì môi trường... và nhận được sự ủng hộ của đông đảo khách hàng và người dân trên địa bàn.



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Phù hợp với xu thế chung của nền kinh tế nhằm góp phần thực hiện mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cũng như hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại lợi ích về môi trường (nông nghiệp xanh, công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch...), trong giai đoạn 2021 - 2025, SeABank định hướng thúc đẩy hoạt động cấp tín dụng cho lĩnh vực xanh, đồng thời đặt nền tảng để triển khai thực hiện quản lý các rủi ro về môi trường và xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

Trong năm 2021, SeABank đã ban hành Chính sách cấp tín dụng xanh tại SeABank trên cơ sở triển khai các quy định liên quan đến ngân hàng - tài chính - tín dụng xanh, đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định, chính sách về bảo vệ môi trường. Ưu tiên dành nguồn lực cấp tín dụng cho các lĩnh vực xanh như nông nghiệp xanh, lâm nghiệp bền vững, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn và các lĩnh vực xanh khác. SeABank cũng đã hợp tác với đối tác quốc tế để xây dựng và triển khai Chương trình phát triển bền vững cùng Tín dụng xanh SeABank với nguồn vốn sẵn sàng lên đến 100 triệu USD cho các nhu cầu vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, phương án vay vốn thuộc lĩnh vực được cấp tín dụng xanh triển khai ở tất cả các phân khúc khách hàng.

SeABank cam kết sẽ tiếp tục tìm kiếm, tài trợ vào các công trình xanh, các dự án sử dụng tài nguyên hiệu quả theo định hướng tư vấn từ tổ chức quốc tế cấp tín dụng xanh để giúp giảm phát thải khí nhà kính cũng như thiết lập một hệ thống đồng bộ quản lý các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị phù hợp với các yêu cầu của tổ chức, tăng cường năng lực đánh giá và quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMC), hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng cũng như giúp mở rộng danh mục tài trợ dự án xanh.



09

VĂN HÓA TỔ CHỨC





VĂN HÓA TỔ CHỨC TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ

Văn hoá tổ chức là một trong những yếu tố quan trọng nhất thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một doanh nghiệp. Nếu như cơ sở vật chất, trang thiết bị là “phần xác”, thì văn hoá tổ chức chính là “linh hồn” của doanh nghiệp. Hiểu được điều này, SeABank luôn chú trọng phát triển văn hoá, từng bước trở thành Ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức.

Năm 2021 là một năm đầy biến động. Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục hoành hành, thậm chí diễn biến phức tạp hơn so với năm trước. Đợt bùng phát dịch lần thứ 4 khiến cho kinh tế cả nước bị đình trệ. Tuy nhiên, không vì thế mà các hoạt động văn hoá tổ chức của SeABank bị bỏ qua trong năm 2021. Trước tình hình căng thẳng, các hoạt động về văn hoá tổ chức và truyền thông nội bộ cũng phải “thích nghi”, thay đổi kịp thời để trấn an, nâng cao tinh thần và gắn kết nhân viên trong khoảng thời gian khó khăn này.

LAN TOẢ YÊU THƯƠNG TỚI CỘNG ĐỒNG VỚI NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN

Tình hình dịch bệnh diễn biến căng thẳng cũng là lúc SeABank lan toả mạnh mẽ tinh thần tương thân tương ái của CBNV thông qua các hoạt động thiện nguyện, thể hiện hình ảnh “Vi cộng đồng” mà Ngân hàng luôn đề cao và hướng tới từ những ngày đầu thành lập.

Đầu năm 2021, SeABank triển khai chương trình Xuân Yêu thương với thông điệp Tết sẽ chia cùng SeABank, mong muốn mang tới một cái Tết sum vầy, ấm áp tới những người dân, hộ gia đình, những trung tâm bảo trợ xã hội có hoàn cảnh khó khăn.

Chương trình Tuần lễ công dân 2021 - SeABankers lan toả yêu thương với 3 hoạt động chính: Hướng về tâm dịch, Hiến máu cứu người, Sẻ chia điều tử tế đã được tổ chức thành công cả 2 hình thức online và offline, với sự tham gia của toàn thể CBNV với hàng ngàn suất quà được trao tận tay những người dân tại địa phương tâm dịch, hàng trăm đơn vị máu được tiếp nhận để cứu chữa người bệnh kịp thời và rất nhiều câu chuyện ý nghĩa được các nhân viên chia sẻ để lan toả những nguồn năng lượng tích cực, những tình cảm thương yêu tới cộng đồng. Ngoài ra, chương trình SeABankers Vì trẻ thơ 2021 cùng chủ đề “Hơi ấm trao tay - Tình thương lan toả” cũng được các đơn vị SeABank trên toàn quốc triển khai rộng rãi tại địa bàn, lan toả yêu thương tới các em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.



GẮN KẾT, NÂNG CAO TINH THẦN CBNV

Trong năm 2021, với tình hình dịch bệnh diễn biến căng thẳng, việc tổ chức một số hoạt động offline để nhân viên tại các đơn vị trên toàn có cơ hội giao lưu gắn kết còn hạn chế. Vì vậy, SeABank đã đẩy mạnh triển khai nhiều hoạt động gắn kết nội bộ dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là hình thức trực tuyến để CBNV có thể tham gia mọi lúc, mọi nơi.

Chương trình “SeABankers - Gửi lời yêu thương” bao gồm hoạt động gửi thiệp ecard cho CBNV tại địa phương tâm dịch và hoạt động online, chụp ảnh động viên các CBNV tại khu vực Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phía Nam đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo CBNV, phát huy được tinh thần đoàn kết, đồng chí hướng của CBNV SeABank. Hoạt động này đã góp phần gắn kết CBNV tại các vùng miền, cùng đồng viên nhau vượt qua khoảng thời gian khó khăn do dịch bệnh mang lại.



Cũng trong khoảng thời gian này, hoạt động truyền thông về phòng chống dịch Covid-19 cũng được đẩy mạnh bao gồm những bài viết truyền thông, những minigame tương tác trên mạng xã hội, cuộc thi online “Ở nhà vẫn vui”, các điểm tin trên các kênh SeASound, SeANews, chuỗi talkshow “Alo! SeABank nghe đây” để giúp CBNV có thêm kiến thức và luôn giữ vững tinh thần lạc quan, tự tin vượt qua bệnh dịch.

Vào những dịp đặc biệt, hàng loạt các hoạt động, cuộc thi online được diễn ra sôi nổi, góp phần nâng cao tinh thần của các SeABanker như: Chương trình Extraordinary Women được tổ chức nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, chương trình “Dịu dàng nàng SeA” triển khai nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cuộc thi “Vi chúng ta là một nhà” được phát động nhân ngày Gia đình Việt Nam 28/6, cuộc thi nội bộ nhân dịp Tết Nguyên đán “Chuẩn cơm SeABankers nấu”... Tất cả các cuộc thi, chương trình đều nhận được sự quan tâm của

các CBNV trên toàn hệ thống, thu hút được nhiều bài dự thi, nhiều lượt tương tác trên nền tảng mạng xã hội. Đầu năm 2021, nhân ngày kỷ niệm 27 năm thành lập,



bài hát SeABank “Kết tay đan yêu thương” đã được phát hành và thu hút được sự chú ý của không chỉ CBNV mà còn của công chúng. Lần đầu tiên, SeABank có một bài hát riêng, một bài hát ý nghĩa thể hiện những giá trị cốt lõi, những hình ảnh SeABank luôn hướng tới cùng thông điệp “SeABank là nhà” đã in sâu trong tâm trí. Từ đó, cuộc thi “Hoà vang khúc hát SeABank” được triển khai và nhận được sự tham gia nhiệt tình của các đơn vị trên toàn quốc. Bài hát được các đơn vị thể hiện dưới nhiều phiên bản khác nhau, để lại dấu ấn sâu đậm và góp phần lan toả rộng rãi ý nghĩa cũng như tinh thần của “Kết tay đan yêu thương”.



Ngoài ra, SeABank cũng tổ chức nhiều hoạt động mang tính chất tập thể. Đặc biệt phải kể đến, SeABank lần đầu tiên tổ chức thành công Hội thao SeA-eSports 2021, thu hút được hàng trăm VĐV tham dự trên toàn quốc. Thông qua cuộc thi, các CBNV đã thể hiện một tinh thần thể thao đầy nhiệt huyết, lạc quan trước diễn biến căng thẳng của dịch bệnh, thể hiện tinh thần đoàn kết, đồng chí hướng của SeABank.



QUAN TÂM TỚI ĐỜI SỐNG CỦA CBNV VÀ GIA ĐÌNH CBNV

Không chỉ những con người đang cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng, SeABank cũng luôn hướng tới những giá trị gia đình mang ý nghĩa tốt đẹp.

Năm 2021, SeABank tiếp tục tổ chức những cuộc thi đầy ý nghĩa dành cho các gia đình. Cuộc thi "Bé SeABank vẽ tranh cuộc sống" hay "Viết thư cho Ông già Noel" dành cho các SeABanker nhí năm vừa qua đã thu hút được số lượng lớn bài dự thi đáng yêu và ngộ nghĩnh. 100 bức tranh và 200 bức thư dự thi đã cho thấy sự quan tâm của đông đảo các bé SeABank đối với các cuộc thi hơn hẳn những năm trước. Những dòng thư, những nét vẽ của các bé chứa đựng những tâm tư tình cảm, những câu chuyện đầy ý nghĩa, những tình yêu thương các con muốn lan tỏa tới cha mẹ, tới bạn bè, tới người thân, và tới cộng đồng. Ngoài ra, cuộc thi "Gia đình SeABank - Sáng tạo đêm rằm" cũng được các gia đình SeABank hưởng ứng nhiệt tình. 70 bài dự thi cũng là 70 tác phẩm đầy tính sáng tạo, với những thông điệp ý nghĩa gửi gắm tới những người thân yêu.

Ngoài các cuộc thi với những giải thưởng hấp dẫn, SeABank cũng chuẩn bị những món quà tặng cho CBNV và gia đình vào những ngày đặc biệt.

Nhân ngày lễ Giáng sinh, những con thú bông, những hộp sáp màu cùng những tấm thiệp đầy màu sắc được gửi đến tận tay CBNV và các con, mong muốn các con có thêm nhiều kỷ niệm đẹp, nhiều niềm vui bên người thân và gia đình.

Nhân dịp Tết Nhâm Dần 2022, khi thời khắc chuyển giao năm mới đang gõ cửa, cũng là lúc những bộ quà SeATết mang theo những lời chúc, nét văn hoá tốt đẹp của SeABank được trao tay các cha mẹ thân sinh và gia đình các SeABanker. Năm 2022, SeATết mang đến món quà "Bữa cơm sum vầy, đong đầy hạnh phúc" với bộ bát đĩa cao cấp Gốm Chu Đậu hoạ tiết hoa đào và hoa mai biểu tượng đặc trưng cho ngày Tết. Đặc biệt, mỗi CBNV nhận được 02 bộ SeATết như lời tri ân của SeABank gửi tới tử thân phụ mẫu của các SeABanker. Hơn nữa, trong những ngày đầu năm mới, SeABank đã triển khai lì xì đầu năm cho con của CBNV với những lời chúc tốt đẹp nhất gửi tới các con, mong các con sẽ có một năm mới tràn ngập niềm vui.

Năm 2021 vừa qua, SeABank được HR Asia, tạp chí uy tín hàng đầu về nhân sự tại Châu Á, công nhận là "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2021". Một trong những yếu tố giúp cho SeABank vinh dự được công nhận chính là sự thành công trong việc phát triển văn hóa tổ chức, gắn kết nhân viên, đội ngũ ban lãnh đạo một cách xuất sắc, có chính sách nhân sự vượt trội, chế độ đãi ngộ hấp dẫn và thường xuyên tổ chức các hoạt động nội bộ sôi nổi nhằm tăng cường sự gắn kết của các CBNV. Đặc biệt

trong bối cảnh đại dịch làm gián đoạn hoạt động kinh doanh trên toàn cầu và tại Việt Nam, SeABank vẫn duy trì tốt yếu tố này.

SeABank luôn quan tâm tới không chỉ CBNV và còn cho gia đình, người thân của các SeABanker. Những tình cảm, sự quan tâm ấy tuy nhỏ nhưng cũng góp phần tạo động lực, nuôi dưỡng tình yêu của CBNV dành cho Ngân hàng, tạo nền móng vững chắc cho những ngày tháng cống hiến không ngừng nghỉ của nhân viên Ngân hàng áo đỏ.



HẠNH PHÚC VỚI NHỮNG CHỈ SỐ GẮN KẾT CBNV

Sự gắn kết và hài lòng của CBNV luôn là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra nền móng vững chắc, góp phần phát triển tổ chức trong dài hạn. Nó chính là những thước đo của một "chỉ số hạnh phúc". Và khi người lao động cảm thấy hạnh phúc thì sự gắn bó với nơi làm việc sẽ được đảm bảo vững chắc hơn bao giờ hết. Đây chính là đòn bẩy, là nền tảng cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng. Hướng tới trở thành Top 3 ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức, SeABank đã và đang triển khai rất nhiều chính sách, chương trình phúc lợi giúp gắn kết CBNV với nhau và gắn kết CBNV với Ngân hàng.

Để đánh giá và ghi nhận chuẩn xác nhất mức độ hài lòng của CBNV về môi trường, văn hóa, các hoạt động phong trào tại Ngân hàng, SeABank đã tiến hành thực hiện khảo sát ẩn danh để CBNV có thể thoải mái thể hiện ý kiến của mình về tổ chức về chỉ số đo lường gắn kết của nhân viên (chỉ số thể hiện sự cam kết về mặt cảm xúc của CBNV dành cho tổ chức). Kết quả khảo sát đạt được là rất khả quan so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trên thị trường khi chỉ số gắn kết của SeABanker lên tới 55% (Theo nghiên cứu của Anphabe năm 2021, khảo sát trên 26.000 người lao động đang làm việc tại các Công ty ở Việt Nam, chỉ có 13,8% CBNV thực sự có ý định gắn kết lâu dài với tổ chức và 46,9% CBNV gắn kết với doanh nghiệp).

Ngoài ra, có đến 89,36% CBNV được khảo sát cho rằng họ sẽ gắn bó với SeABank ít nhất trong hai năm tiếp theo. Để có được con số 55% CBNV SeABank gắn kết đó là tổng quan của rất nhiều yếu tố khác nhau, những

cố gắng và nỗ lực của Ngân hàng trong việc tạo lập một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cởi mở - nơi mà mỗi CBNV được thấy mình là một thành viên trong đại gia đình SeABank.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các chương trình hỗ trợ khách hàng, hỗ trợ CBNV và gia đình, các gói hỗ trợ cộng đồng phòng chống Covid-19 đã được triển khai. Điều đó lý giải vì sao giá trị cốt lõi "Vì cộng đồng" của SeABank luôn được đánh giá cao và thấm nhuần trong tâm trí mỗi SeABanker.

Cùng với đó, đời sống tinh thần của các CBNV cũng rất được quan tâm bằng việc thường xuyên tổ chức các cuộc thi nội bộ để các cá nhân, đơn vị trên toàn hàng có cơ hội được thể hiện tài năng, kiến thức, sự sáng tạo. Các cấp lãnh đạo luôn quan tâm đến đời sống của CBNV cả trong công việc lẫn cuộc sống, để mỗi SeABanker đều cảm thấy SeABank là nhà, nơi họ được sẻ chia tâm tư, nguyện vọng, được yêu thương.

Minh chứng cho mọi nỗ lực đó, năm 2021 chỉ số hài lòng của CBNV SeABank đạt 87,48%, đây là kết quả khá tốt khi so sánh với đơn vị nằm trong Top 3/100 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất năm 2020 theo danh sách CareerBuilder Việt Nam. (Theo kết quả khảo sát nội bộ của doanh nghiệp này năm 2020, chỉ số hài lòng của người lao động tại đây đạt 91,9%).

Chỉ số hài lòng của CBNV được tổng hợp từ kết quả khảo sát trên 7 khía cạnh với kết quả như sau:

NỘI DUNG	CHỈ SỐ HÀI LÒNG	NỘI DUNG	CHỈ SỐ HÀI LÒNG
Lương thưởng	83,8%	Khen thưởng công bằng	85,0%
Hình ảnh tổ chức	91,2%	Quan hệ đồng nghiệp	91,8%
Khả năng tự chủ	90,6%	Hỗ trợ từ cấp trên	90,2%
Khả năng thăng tiến	88,7%		

Kết quả trên cho thấy SeABank đã và đang xây dựng được một môi trường làm việc tốt với chế độ phúc lợi phù hợp, mang tới cho các CBNV môi trường làm việc tích cực, cởi mở, lộ trình thăng tiến rõ ràng. Tin chắc với những "chỉ số hạnh phúc" nổi bật nêu trên, năng suất và hiệu quả làm việc của các SeABanker sẽ được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh đó, theo đánh giá của HR Asia sau khi khảo sát CBNV Ngân hàng, SeABank là một trong số ít các ngân hàng đạt mọi tiêu chí xét duyệt và duy trì tốt các yếu tố liên quan đến môi trường làm việc và quyền lợi của CBNV gồm: môi trường làm việc linh hoạt, không cứng nhắc; cơ sở vật chất tiện ích, đáp ứng sự sáng tạo; chính sách khuyến khích, động viên CBNV đa dạng; lãnh đạo lắng nghe, tin tưởng và bảo vệ ý kiến nhân viên; ngân hàng

đặt yếu tố con người lên trên lợi nhuận; ngân hàng có các quỹ an sinh và hoạt động vì cộng đồng...

Năm 2021, những kết quả mà hệ thống SeABank đạt được là rất quan trọng và to lớn. Đó là sự kết tinh của những nỗ lực lao động, sáng tạo của toàn thể tập thể CBNV, người lao động; của những định hướng đúng đắn, linh hoạt, nhạy bén, quyết liệt và trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Khó khăn và thách thức vẫn còn đó, song cơ hội cũng rất nhiều nếu chúng ta biết nắm bắt đặc biệt là tập thể SeABankers đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu với tinh thần và quyết tâm cao nhất của "Bản lĩnh và ý chí SeABanker", để cùng nhau lập nên những kỳ tích mới, đưa SeABank lên một tầm cao mới, biến tương lai trở thành ngày hôm nay.

10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động số	0051/QĐ/NH-GP ngày 25 tháng 3 năm 1994																				
	Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng được sửa đổi nhiều lần, và lần sửa đổi gần nhất là theo quyết định 2078/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 12; năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.																				
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số:	0200253985 ngày 14 tháng 1 năm 2005																				
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 33 vào ngày 5 tháng 1 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.																				
Hội đồng Quản trị	<table border="1"> <tr> <td>Ông Lê Văn Tấn</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Bà Nguyễn Thị Nga</td> <td>Phó Chủ tịch thường trực</td> </tr> <tr> <td>Bà Lê Thu Thủy</td> <td>Phó Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm</td> <td>Phó Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Ông Hoàng Minh Tân</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Bùi Trung Kiên</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Bà Ngô Thị Nhài</td> <td>Thành viên độc lập HĐQT</td> </tr> <tr> <td>Faussier Loic Michel Marc</td> <td>Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 23 tháng 4 năm 2021)</td> </tr> </table>	Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch	Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên	Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên	Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT	Faussier Loic Michel Marc	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 23 tháng 4 năm 2021)				
Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch																				
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực																				
Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch																				
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch																				
Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên																				
Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên																				
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT																				
Faussier Loic Michel Marc	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 23 tháng 4 năm 2021)																				
Ban Tổng Giám đốc	<table border="1"> <tr> <td>Bà Lê Thu Thủy</td> <td>Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Lê Quốc Long</td> <td>Phó Tổng Giám đốc thường trực</td> </tr> <tr> <td>Bà Nguyễn Thị Thu Hương</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Nguyễn Tuấn Cường</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Vũ Đình Khoán</td> <td>Phó Tổng giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Bà Trần Thị Thanh Thủy</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Hoàng Mạnh Phú</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Bà Đặng Thu Trang</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Võ Long Nhi</td> <td>Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 11 năm 2021)</td> </tr> </table>	Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc	Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Ông Võ Long Nhi	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 11 năm 2021)
Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc																				
Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực																				
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc																				
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc																				
Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng giám đốc																				
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc																				
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc																				
Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc																				
Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc																				
Ông Võ Long Nhi	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 11 năm 2021)																				
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Văn Tấn Chủ tịch Hội đồng Quản trị																				
Trụ sở đăng ký	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam																				
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG, Việt Nam																				

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "SeABank") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "SeABank"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00142-22-2



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2018-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Đơn vị: triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
A. TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	1.076.028	1.012.228
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	4.799.360	3.374.359
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	42.590.477	25.741.179
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	35.233.492	25.641.179
2	Cho vay các TCTD khác	7.356.985	100.000
IV	Chứng khoán kinh doanh	13.082.630	2.693.849
1	Chứng khoán kinh doanh	13.094.009	2.705.920
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(11.379)	(12.071)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	144.604
VI	Cho vay khách hàng	125.806.542	107.760.914
1	Cho vay khách hàng	127.588.159	108.869.236
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.781.617)	(1.108.322)
VIII	Chứng khoán đầu tư	16.819.782	32.180.304
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	16.199.886	31.901.137
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	663.222	319.364
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(43.326)	(40.197)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	85.091	102.912
4	Đầu tư dài hạn khác	86.534	131.666
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.443)	(28.754)
X	Tài sản cố định ("TSCĐ")	882.503	862.487
1	Tài sản cố định hữu hình	286.268	283.496
a	Nguyên giá	678.972	739.271
b	Hao mòn TSCĐ	(392.704)	(455.775)
3	Tài sản cố định vô hình	596.235	578.991
a	Nguyên giá	760.635	741.512
b	Hao mòn TSCĐ	(164.400)	(162.521)
XI	Bất động sản đầu tư	65.564	240.934
a	Nguyên giá	70.809	249.060
b	Hao mòn bất động sản đầu tư	(5.245)	(8.126)
XII	Tài sản Có khác	6.455.538	6.093.518
1	Các khoản phải thu	1.991.841	1.282.827
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.679.591	2.598.213
4	Tài sản Có khác	2.825.200	2.247.143
	Trong đó: Lợi thế thương mại	480.637	551.843
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(41.094)	(34.665)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		211.663.515	180.207.288



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (Tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN			
		2.172.763	205.702
II Tiền gửi và vay các TCTD khác			
		58.365.998	42.516.673
1	Tiền gửi của các TCTD khác	35.552.732	25.388.472
2	Vay các TCTD khác	22.813.266	17.128.201
III Tiền gửi của khách hàng			
		109.784.637	113.276.597
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
		47.804	-
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro			
		1.020	1.020
VI Phát hành giấy tờ có giá			
		19.053.200	7.064.740
VII Các khoản nợ khác			
		3.574.829	3.472.178
1	Các khoản lãi, phí phải trả	2.947.979	3.065.150
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	626.850	407.028
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		193.000.251	166.536.910
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn và các quỹ			
		18.663.264	13.670.378
1	Vốn	15.595.507	12.087.442
a	Vốn điều lệ	14.784.884	12.087.442
c	Thặng dư vốn cổ phần	810.623	-
2	Các quỹ của TCTD	855.641	456.110
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	2.212.116	1.126.826
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.663.264	13.670.378
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		211.663.515	180.207.288

Đơn vị: triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
I Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết khác			
1	Bảo lãnh vay vốn	-	-
2	Cam kết giao dịch hối đoái		
	Cam kết mua ngoại tệ	1.430.311	541.303
	Cam kết bán ngoại tệ	625.751	447.726
	Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	47.849.800	30.139.120
	Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	44.526.580	23.652.400
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.782.559	657.643
4	Bảo lãnh khác	4.228.007	2.567.945
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	8.089.470	9.805.803

Người lập:

Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập

Người phê duyệt:

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KD HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Đơn vị: triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	11.804.488	10.695.780
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(6.618.395)	(7.634.064)
I	Thu nhập lãi thuần	5.186.093	3.061.716
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.519.119	522.679
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(373.232)	(166.481)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.145.887	356.198
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	148.886	74.729
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	58.462	166.774
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	306.197	171.671
5	Thu nhập từ hoạt động khác	437.554	1.152.398
6	Chi phí hoạt động khác	(257.040)	(404.105)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	180.514	748.293
VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	9.751	4.306
VIII	Chi phí hoạt động	(2.529.414)	(2.177.375)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.506.376	2.406.312
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.237.838)	(677.376)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.268.538	1.728.936
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(662.020)	(368.471)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(662.020)	(368.471)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	2.606.518	1.360.465
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (trình bày lại)	1.706	973

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Đơn vị: triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	12.723.110	11.477.843
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.735.566)	(7.588.326)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.145.264	355.953
04	Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	515.983	384.546
05	Thu nhập khác	107.111	722.095
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	102.746	43.904
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.474.267)	(2.099.735)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(566.024)	(361.787)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	4.818.357	2.934.493
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(7.256.985)	1.164.679
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	4.969.304	(12.929.439)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	192.408	(111.187)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(18.718.923)	(10.255.397)
13	Sử dụng dự phòng	(564.542)	(698.532)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(1.306.331)	3.335
Những thay đổi về nợ hoạt động			
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.967.061	(32.890)
16	Tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	15.849.325	11.047.022
17	(Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng	(3.491.960)	17.549.279
18	Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá	11.988.460	(8.614.440)
20	Tăng khác về nợ hoạt động	123.831	63.071
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8.570.005	119.994



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (Tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(114.013)	(177.467)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	491
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	(7.139)	(4.864)
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	182.023	4.344
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	40.905	17.082
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	3.710	4.306
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		105.486	(156.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	2.405.623	1.406.782
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.405.623	1.406.782
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.081.114	1.370.668
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		30.027.766	28.657.098
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm		41.108.880	30.027.766

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập

Người phê duyệt:

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0051/QĐ/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 1994. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 25 tháng 3 năm 1994.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Ngân hàng là 14.784.884 triệu Việt Nam Đồng (31/12/2020: 12.087.442 triệu Việt Nam Đồng). Ngân hàng đã phát hành 1.478.488.369 cổ phiếu phổ thông (31/12/2020: 1.208.744.208 cổ phiếu phổ thông), với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Đồng Việt Nam.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 198, Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm hai mươi chín (129) phòng giao dịch trên cả nước và hai (02) công ty con (31/12/2020: Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm hai mươi chín (129) phòng giao dịch trên cả nước và hai (02) công ty con).

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng có hai (02) công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	0103099985 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2008 và điều chỉnh gần nhất ngày 24 tháng 10 năm 2018.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện	96/GP-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2284/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Tài chính tiêu dùng	100%

(d) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, SeABank có 4.972 nhân viên (31/12/2020: 4.803 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank theo

các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.



(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của SeABank là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của SeABank là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND").

(e) Thay đổi chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, SeABank đã áp dụng Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 ("Thông tư 11") của NHNNVN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo nguyên tắc phi hồi tố. Thông tư 11 thay thế Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 ("Thông tư 02") của NHNNVN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 ("Thông tư 09") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02.

Những thay đổi quan trọng về chính sách kế toán do việc áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 11 và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của SeABank, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(h) của báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ SeABank và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của SeABank trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10

năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của SeABank tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Thuyết minh 45(b)). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì SeABank sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của SeABank được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn và kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11. Theo đó, SeABank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3(h).

Theo Thông tư 11, SeABank không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà SeABank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

SeABank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SeABank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(ii) Ghi nhận

SeABank ghi nhận chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư vào ngày SeABank trở thành một bên đối tác

của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán nợ

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh, SeABank ghi nhận theo giá gốc trừ đi chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán (nếu có).

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư, SeABank ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro trái phiếu chưa niêm yết. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, chứng khoán nợ do tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì SeABank không thực hiện trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với chứng khoán nợ của doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì SeABank trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(h).

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi



phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như dự phòng cho các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Trong trường hợp không có thông tin được xác định một cách đáng tin cậy để trích lập dự phòng các khoản đầu tư theo Thuyết minh 3(f)(ii). SeABank không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản này.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SeABank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SeABank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được

ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế ("TCKT") mà SeABank đang đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Ngân hàng có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SeABank tại đơn vị đó.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(g) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và không quá 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của SeABank đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi SeABank chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(h) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng, các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, các khoản nợ mua lại (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo quy định của Thông tư 02. Theo đó, SeABank thực hiện phân loại nợ hàng quý dựa trên số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của quý,

riêng đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, việc phân loại nợ dựa trên số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán năm.

SeABank thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng như sau:

NHÓM		TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN
1.	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2.	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu..
3.	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
4.	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5.	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho

vay các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng, các khoản nợ đã bán



nhưng chưa thu được tiền, các khoản nợ mua lại, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ, mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo quy định của Thông tư 11. Theo đó,

SeABank thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng như sau:

NHÓM	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2. Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
4. Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5. Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

Đối với các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng, SeABank phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày SeABank thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với SeABank mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì SeABank phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

SeABank cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, SeABank điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19

Trước ngày 17 tháng 5 năm 2021

SeABank đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày

THỜI ĐIỂM PHÁT SINH KHOẢN NỢ	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH NGHĨA VỤ TRẢ NỢ	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH QUÁ HẠN	ÁP DỤNG PHÂN LOẠI NỢ
Trước 23/1/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2021	
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020	Từ 23/1/2020 đến 31/12/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021

SeABank áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời

gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì SeABank được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí cho các khoản nợ này và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 đến ngày 7 tháng 9 năm 2021

SeABank áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì SeABank được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và và giữ nguyên nhóm nợ như sau:



THỜI ĐIỂM PHÁT SINH KHOẢN NỢ	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH NGHĨA VỤ TRẢ NỢ	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH QUÁ HẠN	ÁP DỤNG PHÂN LOẠI NỢ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/05/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Ngoài ra, SeABank xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm

lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14) như sau:

DỰ PHÒNG BỔ SUNG TỪNG GIAI ĐOẠN	THỜI HẠN
Tối thiểu 30% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo quy định của Thông tư 02, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán

năm) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

NHÓM	LOẠI	TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 và các nguyên tắc sau:

- Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và

- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.
 - Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định của Thông tư 11 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải coi bằng 0 (không).
- Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản đảm bảo được xác định như sau:

LOẠI TÀI SẢN ĐẢM BẢO	TỶ LỆ KHẤU TRỪ
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> Có thời hạn còn lại dưới 1 năm Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	85% 80% 70%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp (trừ tổ chức tín dụng) phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	50%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	30%



(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán năm) của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu chính phủ.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 11, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SeABank được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(i) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi tiền tệ và hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

SeABank ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SeABank.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết mua/bán một lượng ngoại tệ với đồng VND hoặc với một ngoại tệ khác tại một ngày trong tương lai với tỷ giá kỳ hạn được xác định tại

ngày giao dịch. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ với đồng VND hoặc với một ngoại tệ khác với cùng một đối tác. Trong đó ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại ngày giao dịch. Một giao dịch hoán đổi tiền tệ có thể gồm hai giao dịch giao ngay, hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Giao dịch hoán đổi với ngoại tệ và đồng VND phải có ít nhất một giao dịch kỳ hạn. Số tiền do chênh lệch giữa hai tỷ giá của hai giao dịch được ghi nhận vào ngày thanh toán của giao dịch thứ nhất như một khoản mục tài sản nếu dương và khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ là giao dịch khách hàng trả cho SeABank một giá mua quyền chọn để SeABank bán quyền cho phép khách hàng thực hiện mua hoặc bán một lượng ngoại tệ trong tương lai với tỷ giá đã được xác định tại ngày giao dịch. Theo đó, khách hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ thực hiện giao dịch mua bán đã cam kết. Giá trị cam kết được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục "Cam kết giao dịch quyền chọn". Phí đã trả của giao dịch mua quyền lựa chọn sẽ được hạch toán phân bổ theo đường thẳng vào chi phí trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu hiệu lực hợp đồng đến ngày tất toán hợp đồng.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền vốn danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục "Cam kết hoán đổi lãi suất". Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có trao đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản thu nhập và

chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền chỉ trao đổi gốc cuối kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự giống như các hợp đồng kỳ hạn. Các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế

• Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
• Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
• Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
• Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
• Các tài sản cố định khác	4 - 7 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 15 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

(l) Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 20 năm.

(m) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, SeABank thực hiện trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn hoặc các dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:



THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

(n) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(o) Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Các khoản nhận ủy thác mà SeABank chịu rủi ro là các khoản nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay để sử dụng theo các mục đích chỉ định, SeABank có trách nhiệm hoàn trả vốn này khi đến hạn, SeABank ghi nhận số vốn nhận được là một khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, đồng thời ghi nhận các hoạt động đầu tư, cho vay vào báo cáo tài chính hợp nhất của SeABank.

(p) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

TỶ LỆ TRÍCH LẬP HÀNG NĂM		SỐ DƯ TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất). Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con

TỶ LỆ TRÍCH LẬP HÀNG NĂM		SỐ DƯ TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

(q) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) Vốn cổ phần Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 93"), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, Công ty phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(t) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được. Số lãi dự thu của các khoản nợ này được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá trị ghi sổ của chứng khoán nợ.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SeABank được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SeABank chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(w) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo

phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(x) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(y) Các bên liên quan

Các bên liên quan của SeABank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của SeABank;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SeABank;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phân vốn góp, cổ phần cho SeABank.

(z) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

SeABank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy



lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của SeABank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày, SeABank không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(aa) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SeABank là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(bb) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SeABank cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SeABank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(cc) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 16”) của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 49”) của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16, Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(dd) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, SeABank phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà SeABank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà SeABank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được SeABank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc;
- các khoản mà SeABank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính

phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ

tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	799.608	720.715
Tiền mặt bằng ngoại tệ	276.213	291.306
Vàng tiền tệ	207	207
	1.076.028	1.012.228

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN bằng VND	2.543.854	2.062.314
Tiền gửi tại NHNNVN bằng ngoại tệ	2.230.506	1.287.045
Tiền gửi khác	25.000	25.000
	4.799.360	3.374.359



Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng

tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm kết thúc năm như sau:

LOẠI TIỀN GỬI	TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC	
	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.264.081	50.126
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	728.371	679.963
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	18.358.240	21.964.690
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.882.800	2.946.400
	22.241.040	24.911.090
Cho vay các TCTD khác		
Cho vay các TCTD khác bằng VND	5.083.507	100.000
Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	2.273.478	-
	42.590.477	25.741.179

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng

khác thuộc Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn. Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 %/năm	31/12/2020 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,10% - 5,00%	0,12% - 1,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 0,50%	0,25% - 0,70%
Cho vay bằng VND	0,25% - 2,7%	1,50%
Cho vay bằng ngoại tệ	0,20% - 1,5%	Không áp dụng

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	8.544.746	1.296.581
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	3.045.688	659.570
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.503.575	727.508
	13.094.009	2.683.659
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	22.261
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(11.277)	(4.765)
Dự phòng giám giá chứng khoán kinh doanh	(102)	(7.306)
	(11.379)	(12.071)
	13.082.630	2.693.849

Trạng thái niêm yết tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Đã niêm yết	9.076.713	1.619.482

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	127.202.660	108.463.097
Các khoản trả thay khách hàng	5.761	-
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	379.738	406.139
	127.588.159	108.869.236



Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	125.274.231	106.725.902
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	209.319	120.861
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	345.515	306.776
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	331.680	380.914
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.427.414	1.334.783
	127.588.159	108.869.236

Việc phân loại nợ được thực hiện theo chính sách kế toán nêu tại Thuyết minh 3(h)(i).

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	72.328.675	53.146.830
Nợ trung hạn	27.424.345	30.973.169
Nợ dài hạn	27.835.139	24.749.237
	127.588.159	108.869.236

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2021 Triệu VND	%	31/12/2020 Triệu VND	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty nhà nước	1.447.697	1,13	1.517.713	1,39
Công ty trách nhiệm hữu hạn	42.546.685	33,35	37.024.433	34,01
Công ty cổ phần có hơn 50% vốn Nhà nước (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)	3.105.530	2,43	508.317	0,47
Công ty cổ phần khác	50.595.918	39,66	45.672.113	41,95
Công ty hợp danh	24.154	0,02	18.052	0,02
Doanh nghiệp tư nhân	24.154	0,12	118.876	0,11
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	155.845	0,34	443.275	0,41
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	437.743	0,03	44.432	0,04
	35.714			
Cho vay cá nhân				
Hộ kinh doanh, cá nhân	29.234.563	22,92	23.366.417	21,46
Cho vay khác				
Thành phần kinh tế khác	4.310	0,00	155.608	0,14
	127.588.159	100,00	108.869.236	100,00

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2021 Triệu VND	%	31/12/2020 Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	186.674	0,15	386.188	0,35
Khai khoáng	1.182.702	0,93	613.528	0,56
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7.857.069	6,16	7.679.934	7,05
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.563.952	1,23	1.173.278	1,08
Xây dựng	4.597.966	3,60	4.893.402	4,49
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	21.195.602	16,61	20.055.213	18,42
Vận tải, kho bãi	8.615.412	6,75	3.594.541	3,30
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	10.969.642	8,60	9.452.275	8,68
Thông tin và truyền thông	2.620.737	2,05	3.496.134	3,21
Hoạt động tài chính, bảo hiểm	2.298.678	1,80	445.664	0,41
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.845.064	4,58	5.875.123	5,40
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	7.990.560	6,26	8.577.045	7,88
Giáo dục và đào tạo	4.190	0,00	10.157	0,01
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	119.426	0,09	105.861	0,10
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	7.585.494	5,95	6.586.426	6,05
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	29.234.563	22,91	19.676.065	18,07
Hoạt động dịch vụ khác	15.720.428	12,32	16.248.402	14,92
	127.588.159	100,00	108.869.236	100,00

Phân tích cho vay theo loại tiền tệ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Cho vay bằng VND	124.552.865	106.438.139
Cho vay bằng ngoại tệ	3.035.294	2.431.097
	127.588.159	108.869.236

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Cho vay bằng VND	3,5% - 10,35%	3,7% - 13,24%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,5% - 3,64%	2,5% - 4,5%



9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	946.205	742.708
Dự phòng cụ thể (ii)	835.412	365.614
	1.781.617	1.108.322

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	742.708	709.916
Dự phòng trích lập trong năm	203.497	32.792
Số dư cuối năm	946.205	742.708

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	365.614	419.561
Dự phòng trích lập trong năm	1.034.340	644.585
Sử dụng dự phòng trong năm	(564.542)	(698.532)
Số dư cuối năm	835.412	365.614

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	6.705.572	20.800.896
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.829.073	2.532.464
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	5.457.404	5.032.002
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	2.125.783	3.453.114
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	16.117.832	31.818.476
	82.054	82.661
	16.199.886	31.901.137

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối kỳ báo cáo như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	KỶ HẠN	LÃI SUẤT NĂM	KỶ HẠN	LÃI SUẤT NĂM
Trái phiếu Chính phủ	5 năm - 30 năm	2,2% - 8,8%	5 năm - 30 năm	2,3% - 8,8%
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1 năm - 15 năm	2,9% - 15%	1 năm - 15 năm	2,7% - 15%
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	3 năm - 5 năm	9% - 11%	3 năm - 5 năm	9% - 10,5%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	1 năm - 3 năm	2,9% - 11,5%	1 năm - 3 năm	4,2% - 11,5%

Phân tích chất lượng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.457.404	5.032.002

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	663.222	319.364

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	KỶ HẠN	LÃI SUẤT NĂM	KỶ HẠN	LÃI SUẤT NĂM
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1 năm - 10 năm	8% - 8,90%	10 năm	8,90%

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	40.931	37.802
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	2.395	2.395
	43.326	40.197



(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	36.066	1.736	37.802
Dự phòng trích lập trong năm	4.865	(1.736)	3.129
Số dư cuối năm	40.931	-	40.931

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	32.468	836	33.304
Dự phòng trích lập trong năm	3.598	900	4.498
Số dư cuối năm	36.066	1.736	37.802

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác (i)	86.534	131.666
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(1.443)	(28.754)
	85.091	102.912

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của SeABank tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ
Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam	3.300	1,06%	3.300	1,06%
Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh	-	-	15.000	3,00%
Công ty CP vàng bạc đá quý ASEAN (AJC)	24.102	10,00%	24.102	10,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	4.800	1,59%	4.800	6,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	10.000	5,00%	10.000	5,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	10.000	8,33%	10.000	8,33%
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	11.000	2,20%	11.000	2,20%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	12.470	9,59%	12.470	9,59%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	7.500	3,00%	7.500	3,00%
Công ty CP Dịch vụ Số liệu toàn cầu	2.670	2,13%	2.670	2,13%
Công ty CP Phát triển Nhân trí Việt Nam	436	9,99%	500	11,43%
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	256	0,45%	256	0,45%
Công ty CP Phát triển Dịch vụ Học tập và Giải trí trực tuyến	-	-	5.940	6,00%
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Phương Nam	-	-	20.000	7,69%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	-	-	4.128	1,13%
	86.534		131.666	

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	28.754	27.089
Trích lập dự phòng trong năm	1.433	1.665
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(28.754)	-
Số dư cuối năm	1.433	28.754

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	18.127	339.061	275.924	93.393	12.766	739.271
Tăng trong năm	-	9.111	41.134	14.545	1.401	66.191
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.167)	(26.649)	(8.864)	(1.810)	(126.490)
Số dư cuối năm	18.127	259.005	290.409	99.074	12.357	678.972
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.253	195.193	168.569	77.942	9.818	455.775
Khấu hao trong năm	828	20.600	17.315	7.617	709	47.069
Thanh lý, nhượng bán	-	(72.817)	(26.649)	(8.864)	(1.810)	(110.140)
Số dư cuối năm	5.081	142.976	159.235	76.695	8.717	392.704
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	13.874	143.868	107.355	15.451	2.948	283.496
Số dư cuối năm	13.046	116.029	131.174	22.379	3.640	286.268

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 74.523 triệu VND (31/12/2020: 92.659 triệu VND).



Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Các tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	18.249	289.466	217.576	93.512	11.268	630.071
Tăng trong năm	-	49.833	59.885	3.613	1.498	114.829
Thanh lý, nhượng bán	(122)	(238)	(1.537)	(3.732)	-	(5.629)
Số dư cuối năm	18.127	339.061	275.924	93.393	12.766	739.271
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.539	174.373	156.905	74.331	9.183	418.331
Khấu hao trong năm	836	21.058	13.134	7.319	635	42.982
Thanh lý, nhượng bán	(122)	(238)	(1.470)	(3.708)	-	(5.538)
Số dư cuối năm	4.253	195.193	168.569	77.942	9.818	455.775
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	14.710	115.093	60.671	19.181	2.085	211.740
Số dư cuối năm	13.874	143.868	107.355	15.451	2.948	283.496

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	377.995	348.816	14.701	741.512
Mua trong năm	-	47.006	816	47.822
Thanh lý, nhượng bán		(24.315)	(4.384)	(28.699)
Số dư cuối năm	377.995	371.507	11.133	760.635
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	153.545	8.976	162.521
Phân bổ trong năm	-	26.493	1.360	27.853
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.589)	(4.385)	(25.974)
Số dư cuối năm	-	158.449	5.951	164.400
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	377.995	195.271	5.725	578.991
Số dư cuối năm	377.995	213.058	5.182	596.235

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 21.447 triệu VND (31/12/2020: 24.204 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	396.100	290.251	10.630	696.981
Mua trong năm	-	58.564	4.072	62.636
Giảm trong năm	(18.105)	-	-	(18.105)
Số dư cuối năm	377.995	348.815	14.702	741.512
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	130.414	7.735	138.149
Khấu hao trong năm	-	23.131	1.241	24.372
Số dư cuối năm	-	153.545	8.976	162.521
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	396.100	159.837	2.895	558.832
Số dư cuối năm	377.995	195.270	5.726	578.991

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	207.460	41.600	249.060
Tăng trong năm	2.222	4.917	7.139
Giảm trong năm	(181.400)	(3.990)	(185.390)
Số dư cuối năm	28.282	42.527	70.809
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	8.126	8.126
Khấu hao trong năm	-	1.109	1.109
Giảm trong năm	-	(3.990)	(3.990)
Số dư cuối năm	-	5.245	5.245
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	207.460	33.474	240.934
Số dư cuối năm	28.282	37.282	65.564



Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quyền sử dụng đất Nghìn VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	206.694	41.600	248.294
Tăng trong năm	4.864	-	4.864
Giảm trong năm	(4.098)	-	(4.098)
Số dư cuối năm	207.460	41.600	249.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	6.777	6.777
Khấu hao trong năm	-	1.349	1.349
Số dư cuối năm	-	8.126	8.126
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	206.694	34.823	241.517
Số dư cuối năm	207.460	33.474	240.934

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Các khoản phải thu		
Các khoản phải thu nội bộ	410.722	360.036
Các khoản phải thu bên ngoài	1.581.119	922.791
Trong đó:		
• Phải thu tiền bán chứng khoán	-	356.606
• Phải thu từ thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (i)	1.339.893	235.873
• Các khoản phải thu bên ngoài khác	241.226	330.312
Các khoản lãi, phí phải thu	1.679.591	2.598.213
Tài sản Có khác		
Chi phí chờ phân bổ	1.288.185	540.036
Tài sản nhận gán nợ cho TCTD	908.982	961.936
Lợi thế thương mại	480.637	551.843
Tài sản có khác	147.396	193.328
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (ii)	6.496.632 (41.094)	6.128.183 (34.665)
	6.455.538	6.093.518

(i) Đây là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng khi sử dụng sản phẩm LC UPAS thư tín dụng trả chậm được phép trả ngay do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng thông qua ngân hàng đối tác thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.

(ii) Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	34.665	26.983
Dự phòng trích lập trong năm	6.429	7.682
Số dư cuối năm	41.094	34.665

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNNVN

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Vay NHNNVN	2.172.763	205.702

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	12.260.723	5.632
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	20.939.489	20.719.640
Bằng ngoại tệ	2.352.520	4.663.200
	35.552.732	25.388.472
Vay các TCTD khác		
Bằng VND	17.889.112	16.863.643
Trong đó:		
• Vay chiết khấu, tái chiết khấu	11.549.130	15.381.328
• Vay cầm cố, thế chấp	2.564.883	290.000
Bằng ngoại tệ	4.924.154	264.558
	22.813.266	17.128.201
	58.365.998	42.516.673

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,15% - 3,6%	0,11% - 1,6%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,2% - 0,45%	0,1% - 0,75%
Tiền vay bằng VND	0,8% - 4,73%	0,15% - 5,66%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,53% - 2,9%	1,01% - 3,26%



19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	7.839.549	9.631.981
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	660.476	1.462.499
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	98.931.537	100.005.510
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.118.662	1.529.638
Tiền gửi vốn chuyên dùng	350.626	359.074
Tiền gửi ký quỹ	883.787	287.895
	109.784.637	113.276.597

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Công ty nhà nước	10.736.497	10.810.173
Công ty trách nhiệm hữu hạn	7.980.355	9.205.417
Công ty Cổ phần có trên 50% vốn Nhà nước	7.331.166	4.761.087
Công ty cổ phần khác	15.082.426	12.733.275
Công ty hợp danh	13.807	18.698
Doanh nghiệp tư nhân	391.654	282.401
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	955.081	290.024
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	145.415	118.010
Hộ kinh doanh, cá nhân	66.614.614	74.574.823
Thành phần kinh tế khác	533.622	482.689
	109.784.637	113.276.597

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0% - 0,2%	0% - 0,2%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0%	0%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,2% - 6,25%	0,2% - 7,92%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,2% - 0,98%	0% - 0,98%

20. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) Tài sản Triệu VND	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) Tài sản Triệu VND
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	44.384.185	4.052	33.847.379	45.006
Giao dịch kỳ hạn lãi suất	-	-	6.391	(11)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	92.696.124	(104.126)	47.238.782	99.584
Giao dịch hoán đổi lãi suất	3.478.270	52.270	4.304.914	25
	140.558.579	(47.804)	85.397.466	144.604

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Trái phiếu có kỳ hạn		
• Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	9.900.000	950.000
• Trên 5 năm	900.000	1.866.000
Chứng chỉ tiền gửi	8.253.200	4.248.740
	19.053.200	7.064.740

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Trái phiếu có kỳ hạn		
• Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	3,60% - 4,00%	7,30%
• Trên 5 năm	7,80% - 9,00%	8,50% - 9,00%
Chứng chỉ tiền gửi	3,60% - 8,60%	3,50% - 8,60%



22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	22.590	8.799
Các khoản phải trả bên ngoài	3.521.362	3.449.752
Trong đó:		
• Lãi, phí phải trả	2.947.979	3.065.150
• Doanh thu chờ phân bổ	634	492
• Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 40)	302.044	186.013
• Các khoản phải trả khác	270.705	198.097
Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.877	13.627
	3.574.829	3.472.178

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của SeABank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.369.000	-	138.275	93.715	1.324.852	10.925.842
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	1.406.782	-	-	-	-	1.406.782
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.311.660	-	-	-	(1.311.660)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.360.465	1.360.465
Trích quỹ trong năm	-	-	149.413	74.707	(224.120)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(22.301)	(22.301)
Biến động khác	-	-	-	-	(410)	(410)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.087.442	-	287.688	168.422	1.126.826	13.670.378
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu (*)	1.595.000	810.623	-	-	-	2.405.623
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.102.442	-	-	-	(1.102.442)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.606.518	2.606.518
Trích quỹ trong năm	-	-	266.355	133.176	(399.531)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.458)	(18.458)
Giảm khác	-	-	-	-	(797)	(797)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	14.784.884	810.623	554.043	301.598	2.212.116	18.663.264

(*) Ngày 17 tháng 8 năm 2021, Ngân hàng phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng với số lượng là 23.500.000 cổ phiếu. Ngày 29 tháng 11 năm 2021, Ngân hàng phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 136.000.000 cổ phiếu.

24. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2021		31/12/2020	
	SỐ CỔ PHIẾU	TRIỆU VND	SỐ CỔ PHIẾU	TRIỆU VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	1.478.488.369	14.784.884	1.208.744.208	12.087.442
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.478.488.369	14.784.884	1.208.744.208	12.087.442

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm dừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. CỔ TỨC

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thông qua Nghị quyết số 675/2021/NQ-HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 9,1206% từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 5 tháng 8 năm 2021 gửi đến Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành 110.244.161 cổ phiếu để trả cổ tức.

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	1165.613	129.953
Thu nhập lãi cho vay	9.720.976	8.940.567
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	1.751.934	1.484.305
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	72.823	45.630
Thu khác từ hoạt động tín dụng	93.142	95.325
	11.804.488	10.695.780

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	5.820.082	6.478.058
Chi phí lãi tiền vay	153.714	113.501
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	538.819	965.548
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	105.780	76.957
	6.618.395	7.634.064



28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	184.938	149.658
Dịch vụ ngân quỹ	5.411	8.123
Dịch vụ đại lý bảo hiểm	249.392	135.267
Dịch vụ tư vấn	237.684	30.562
Dịch vụ khác	841.694	199.069
	1.519.119	522.679
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	59.645	55.884
Dịch vụ ngân quỹ	18.290	17.364
Dịch vụ khác	295.297	93.233
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	373.232	166.481
	1.145.887	356.198

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	1.182.391	692.217
Các công cụ phái sinh tiền tệ	486.641	534.132
Thu nhập kinh doanh vàng	2.606	632
	1.671.638	1.226.981
Chi phí về kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	77.748	6.828
Các công cụ phái sinh tiền tệ	1.444.547	1.145.424
Chi phí kinh doanh vàng	457	-
	1.522.752	1.152.252
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	148.886	74.729

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	378.640	198.846
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(320.869)	(67.993)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	691	35.921
	58.462	166.774

31. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	400.540	255.836
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(91.214)	(77.272)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(3.129)	(6.893)
	306.197	171.671

32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu nhập từ công cụ tài chính phái sinh khác	294.620	267.810
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	-	821.517
Thu nhập khác	142.934	63.071
	437.554	1.152.398
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi phí từ công cụ tài chính phái sinh khác	(197.763)	(191.832)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(59.277)	(212.273)
	(257.040)	(404.105)
Lãi thuần từ hoạt động khác	180.514	748.293

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	3.710	4.706
Lãi từ bán các khoản đầu tư dài hạn	6.041	(400)
	9.751	4.306



34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	78.802	24.061
Chi phí cho nhân viên		
• Chi lương và phụ cấp	1.232.748	1.096.557
• Các khoản chi đóng góp theo lương	61.287	55.773
• Chi trợ cấp	486	293
• Chi khác cho nhân viên	22.096	25.283
Chi về tài sản		
• Khấu hao tài sản cố định	74.921	67.355
• Chi khác về tài sản	338.261	286.354
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
• Công tác phí	18.321	16.350
• Chi vật liệu và giấy tờ in	37.048	44.503
• Chi bưu phí và điện thoại	41.315	33.325
• Chi khác cho hoạt động quản lý	312.401	233.042
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	112.083	107.923
Chi phí hoạt động khác	128.439	115.350
Phân bổ lợi thế thương mại	71.206	71.206
	2.529.414	2.177.375

35. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2020 Triệu VND			31/12/2019 Triệu VND		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	94.083	(94.083)	-	98.155	(98.155)	-
Cam kết giao dịch hối đoái						
• Cam kết mua ngoại tệ	1.430.311	-	1.430.311	541.303	-	541.303
• Cam kết bán ngoại tệ	625.751	-	625.751	447.726	-	447.726
• Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	47.849.800	-	47.849.800	30.139.120	-	30.139.120
• Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	44.526.580	-	44.526.580	23.652.400	-	23.652.400
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.828.529	(45.970)	1.782.559	683.086	(25.443)	657.643
Bảo lãnh khác	4.468.758	(240.751)	4.228.007	2.713.327	(145.382)	2.567.945
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	8.089.470	-	8.089.470	9.805.803	-	9.805.803

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	662.020	368.471

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	3.268.538	1.728.936
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	653.708	345.787
Thu nhập không chịu thuế	(1.950)	(941)
Chi phí không được khấu trừ	462	357
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(5.291)	10.164
Khác	15.091	13.104
	662.020	368.471

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2020: 20%). Việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.606.518	1.360.465
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(18.419)	(22.301)
	2.588.099	1.338.164



(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020 (đã trình bày lại)	2020 (như đã trình bày trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.208.744.208	936.900.000	936.900.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2022	106.128.585	96.200.258	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2021	92.296.000	71.271.261	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2021	110.244.161	110.244.161	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2020	-	131.166.000	131.166.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2020	-	29.677.321	29.677.321
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.517.412.954	1.375.459.001	1.097.743.321

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021	2020 (đã trình bày lại)	2020 (như đã trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.706	973	1.219

38. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền mặt, vàng	1.076.028	1.012.228
Tiền gửi tại NHNNVN	4.799.360	3.374.359
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	12.992.451	730.089
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	22.241.041	24.911.090
	41.108.880	30.027.766

39. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	4.595	4.338
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	1.232.748	1.096.557
Tiền thưởng	17.893	16.197
	1.250.641	1.112.754
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND)	22,68	21,38

40. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	1/1/2021 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.923	109.528	(92.095)	21.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.098	662.020	(566.024)	272.094
Thuế thu nhập cá nhân	5.992	97.188	(94.586)	8.594
Các loại thuế khác	-	13.056	(13.056)	-
	186.013	881.792	(765.761)	302.044

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2020 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	3.506	37.358	(36.941)	3.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.414	368.471	(361.787)	176.098
Thuế thu nhập cá nhân	5.710	93.621	(93.339)	5.992
Các loại thuế khác	-	20.541	(20.541)	-
	178.630	519.991	(512.608)	186.013

41. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SeABank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Danh sách các bên liên quan có giao dịch và/hoặc số dư với SeABank trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Khách sạn Nhà Hát	Cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ Siêu thị Big C Thăng Long	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG ("BRG")	Cùng thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP ("VEAM")	Cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con của VEAM
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM
Công ty TNHH Hoàng Viên Quảng Bá	Công ty con của BRG
Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch Huế	Công ty con của BRG
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	



Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản/(Nợ phải trả)	
	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Công ty TNHH Khách sạn Nhà Hát		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(30.836)	(34.862)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(54.915)	(77.415)
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ Siêu thị Big C Thăng Long		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(9.248)	(4.949)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(326.431)	(618.106)
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(60.785)	(173.126)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(370.400)	(375.400)
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG và Công ty con		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(152.553)	(139.713)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(631.545)	(8.500)
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(9.473)	(5.259)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(301.228)	(312.582)
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(25.704)	(23.565)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(1.679.300)	(910.000)
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(163.416)	(135.545)
• Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(3.000.000)	(3.100.000)

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Doanh thu/(Chi phí)	
	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Công ty TNHH Khách sạn Nhà Hát		
• Chi phí lãi tiền gửi	(2.168)	(3.620)
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ Siêu thị Big C Thăng Long		
• Chi phí lãi tiền gửi	(16.048)	(28.180)
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
• Chi phí lãi tiền gửi	(20.394)	(22.290)
• Thu nhập lãi tiền vay	-	227
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG và công ty con		
• Chi phí lãi tiền gửi	(16.467)	(1.540)
• Thu nhập lãi tiền vay	41.407	144
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội		
• Chi phí lãi tiền gửi	(12.817)	(15.526)
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP và các công ty con		
• Chi phí lãi tiền gửi	(74.501)	(63.431)
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
• Chi phí lãi tiền gửi	(95.648)	(100.587)
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	(12.522)	(11.200)
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng giám đốc và người quản lý khác	(35.511)	(33.062)

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích

khác biệt so với các bộ phận khác.

(i) Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh
Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Nhận tiền gửi; • Cấp tín dụng; • Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và • Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính:	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản:	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản



Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

(Triệu VND)

	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động công ty tài chính	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất	Cộng hợp nhất
Doanh thu					
Doanh thu lãi	11.653.018	133.512	36.190	(18.232)	11.804.488
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.287.986	27.057	208.336	(4.260)	1.519.119
Thu nhập từ các hoạt động khác	2.909.290	9.943	387	(20.807)	2.898.813
	15.850.294	170.512	244.913	(43.299)	16.222.420
Chi phí					
Chi phí lãi	6.622.912	9.377	4.338	(18.232)	6.618.395
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	175.629	4.704	192.899	-	373.232
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	2.184.252	17.308	225	(6.782)	2.195.003
Chi phí hoạt động	2.385.726	72.031	4.711	66.946	2.529.414
	11.368.519	103.420	202.173	41.932	11.716.044
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	4.481.775	67.092	42.740	(85.231)	4.506.376
Chi phí dự phòng rủi ro	1.198.952	38.886	-	-	1.237.838
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.282.823	28.206	42.740	(85.231)	3.268.538
Tài sản					
Tiền mặt	1.075.997	-	31	-	1.076.028
Tài sản cố định	880.990	1.513	-	-	882.503
Tài sản khác	210.090.429	3.082.419	604.691	(4.072.555)	209.704.984
Tổng tài sản	212.047.416	3.083.932	604.722	(4.072.555)	211.663.515
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.172.763	-	-	-	2.172.763
Tiền gửi và vay TCTD khác	58.611.446	2.100.000	-	(2.345.448)	58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	109.814.519	653	-	(30.535)	109.784.637
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	19.053.200	400.000	-	(400.000)	19.053.200
Các khoản nợ khác	3.565.296	41.423	33.123	(17.209)	3.622.633
Tổng nợ phải trả	193.217.224	2.543.096	33.123	(2.793.192)	193.000.251

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

(Triệu VND)

	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động công ty tài chính	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất	Cộng hợp nhất
Doanh thu					
Doanh thu lãi	10.684.113	17.738	10.165	(16.236)	10.695.780
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	493.279	371	33.038	(4.009)	522.679
Thu nhập từ các hoạt động khác	2.851.074	37.096	472	(13.725)	2.874.917
	14.028.466	55.205	43.675	(33.970)	14.093.376
Chi phí					
Chi phí lãi	(7.645.430)	(19)	(4.851)	16.236	(7.634.064)
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(151.430)	(233)	(14.818)	-	(166.481)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(1.672.863)	(35.852)	(430)	-	(1.709.145)
Chi phí hoạt động	(2.042.510)	(63.670)	(3.997)	(67.197)	(2.177.374)
	(11.512.233)	(99.774)	(24.096)	(50.961)	(11.687.064)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	2.516.233	(44.569)	19.579	(84.931)	2.406.312
Chi phí dự phòng rủi ro	(674.644)	(2.732)	-	-	(677.376)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.841.589	(47.301)	19.579	(84.931)	1.728.936
Tài sản					
Tiền mặt	1.012.074	-	154	-	1.012.228
Tài sản cố định	861.142	1.345	-	-	862.487
Tài sản khác	178.651.522	519.844	631.956	(1.470.749)	178.332.573
	180.524.738	521.189	632.110	(1.470.749)	180.207.288
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	205.702	-	-	-	205.702
Tiền gửi và vay TCTD khác	42.699.830	-	-	(183.157)	42.516.673
Tiền gửi của Khách hàng	113.298.248	653	-	(22.304)	113.276.597
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	7.064.740	-	-	-	7.064.740
Các khoản nợ khác	3.442.763	6.886	79.659	(57.130)	3.472.178
	166.711.283	8.559	79.659	(262.591)	166.536.910



(ii) Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của SeABank không bị tác động

chủ yếu bởi những khác biệt do SeABank hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng SeABank chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, SeABank không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

43. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	134.565.406	145.268.268	6.010.566	47.804	29.957.117
Nước ngoài	379.738	69.101	-	-	-
	134.945.144	145.337.369	6.010.566	47.804	29.957.117

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	108.563.097	138.655.944	3.225.588	144.604	34.926.421
Nước ngoài	406.139	9.125	-	-	-
	108.969.236	138.665.069	3.225.588	144.604	34.926.421

44. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà SeABank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SeABank thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc Tổng Giám đốc tất cả các hoạt động của SeABank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của SeABank không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng

Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và SeABank trong từng thời kỳ và quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của SeABank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Khối Quản trị rủi ro là cơ quan được SeABank thiết lập với nhiệm vụ xây dựng, phát triển và quản lý các chính sách, công cụ quản lý rủi ro; tổ chức và quản lý công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.

45. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

(a) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

SeABank sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh

thu nhập từ lãi toàn hàng. SeABank cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của SeABank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Ngày định lại lãi suất và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Triệu VND)

	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.076.028	-	-	-	-	-	-	1.076.028
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.799.360	-	-	-	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	34.151.405	6.099.769	2.339.303	-	-	-	42.590.477
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	13.094.009	-	-	-	-	-	13.094.009
Cho vay khách hàng - gộp	2.313.928	-	19.829.146	34.081.842	38.775.464	28.188.869	2.990.758	1.408.152	127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	82.054	1.099.999	486.866	2.810.220	4.529.989	6.119.601	1.734.379	16.863.108
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	86.534	-	-	-	-	-	-	86.534
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	948.067	-	-	-	-	-	-	948.067
Tài sản Có khác - gộp	-	6.496.632	-	-	-	-	-	-	6.496.632
Tổng tài sản	2.313.928	8.689.315	72.973.919	40.668.477	43.924.987	32.718.858	9.110.359	3.142.531	213.542.374
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.967	68.086	2.018.470	-	-	2.172.763
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	42.837.652	10.943.119	1.354.080	261.947	2.969.200	-	58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	-	-	28.869.577	28.203.150	24.042.626	17.333.254	11.334.030	2.000	109.784.637
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	47.804	-	-	-	-	-	-	47.804
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	41.530	216.580	3.554.690	12.840.400	2.400.000	-	19.053.200
Các khoản nợ khác	-	3.574.829	-	-	-	-	-	-	3.574.829
Tổng nợ phải trả	-	3.623.653	71.773.999	39.423.816	29.019.482	32.454.071	16.703.230	2.000	193.000.251
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	2.313.928	5.065.662	1.199.920	1.244.661	14.905.505	264.787	(7.592.871)	3.140.531	20.542.123



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Triệu VND)

	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.012.228	-	-	-	-	-	-	1.012.228
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.374.359	-	-	-	-	-	3.374.359
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	23.152.679	2.588.500	-	-	-	-	25.741.179
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	2.705.920	-	-	-	-	-	2.705.920
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	144.604	-	-	-	-	-	-	144.604
Cho vay khách hàng - gộp	2.135.684	-	32.177.709	21.403.796	40.933.577	12.152.628	57.772	8.070	108.869.236
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	3.084.482	3.408.741	9.152.124	14.670.986	1.584.804	319.364	32.220.501
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	131.666	-	-	-	-	-	-	131.666
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	1.103.421	-	-	-	-	-	-	1.103.421
Tài sản Có khác - gộp	-	6.128.183	-	-	-	-	-	-	6.128.183
Tổng tài sản	2.135.684	8.520.102	64.495.149	27.401.037	50.085.701	26.823.614	1.642.576	327.434	181.431.297
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.968	68.086	51.408	-	-	205.702
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	39.779.179	2.457.464	280.030	-	-	-	42.516.673
Tiền gửi của khách hàng	-	-	32.262.653	18.678.351	25.143.734	23.314.877	13.876.982	-	113.276.597
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	104.610	457.490	1.683.130	2.312.090	1.541.420	966.000	7.064.740
Các khoản nợ khác	-	3.472.178	-	-	-	-	-	-	3.472.178
Tổng nợ phải trả	-	3.473.198	72.171.682	21.654.273	27.174.980	25.678.375	15.418.402	966.000	166.536.910
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	2.135.684	5.046.904	(7.676.533)	5.746.764	22.910.721	1.145.239	(13.775.826)	(638.566)	14.894.387

(b) Rủi ro tiền tệ

trong các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

SeABank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SeABank và

các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SeABank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây liệt kê trạng thái tiền tệ của các loại tài sản, nợ phải trả của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản				
Tiền mặt và vàng	108.912	95.065	72.237	276.214
Tiền gửi tại NHNNVN	2.230.506			2.230.506
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6.612.325	205.438	66.886	6.884.649
Cho vay khách hàng - gộp	3.035.294			3.035.294
Tài sản Có khác - gộp	306.586	513	1.090	308.189
	12.293.623	301.016	140.213	12.734.852
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	7.275.592	-	1.090	7.276.682
Tiền gửi của khách hàng	1.816.233	273.578	36.724	2.126.535
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	5.991.912	424.789	48.568	6.465.269
Các khoản nợ khác	59.643	1.415	-	61.058
	15.143.380	699.782	86.382	15.929.544
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(2.849.757)	(398.766)	53.831	(3.194.692)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản				
Tiền mặt và vàng	86.182	97.259	107.866	291.307
Tiền gửi tại NHNNVN	1.287.045	-	-	1.287.045
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	3.298.459	271.710	56.203	3.626.372
Cho vay khách hàng - gộp	2.429.101	1.996	-	2.431.097
Tài sản Có khác - gộp	289.499	824	-	290.323
	7.390.286	371.789	164.069	7.926.144
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	4.927.766	-	-	4.927.766
Tiền gửi của khách hàng	2.996.152	310.302	41.662	3.348.116
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.016.857	71.293	130.125	2.218.275
Các khoản nợ khác	55.072	1.138	-	56.210
	9.995.847	382.733	171.787	10.550.367
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(2.605.561)	(10.944)	(7.718)	(2.624.223)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Ngân hàng áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
AUD	16.593	17.822
CAD	17.974	18.165
CHF	24.892	26.198
KRW	19	21
EUR	25.981	28.517
GBP	30.958	31.567
HKD	2.920	2.980
JPY	199	225
SGD	16.934	17.503
THB	678	769
USD	22.840	23.200
XAU	6.110.000	5.582.500

46. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng mà SeABank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của SeABank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra SeABank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (cho dù là nội hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi

có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của SeABank.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Triệu VND)

	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.799.360	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	42.590.477	-	-	42.590.477
Cho vay khách hàng - gộp	124.756.129	518.102	2.313.928	127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	16.863.108	-	-	16.863.108
Tài sản tài chính khác - gộp	3.630.338	-	41.094	3.671.432
	192.639.412	518.102	2.355.022	195.512.536



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Triệu VND)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Triệu VND)

	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	3.374.359	-	-	3.374.359
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	25.741.179	-	-	25.741.179
Cho vay khách hàng - gộp	106.576.749	156.803	2.135.684	108.869.236
Chứng khoán đầu tư - gộp	32.137.840	-	-	32.137.840
Tài sản tài chính khác - gộp	4.465.999	-	-	4.465.999
	172.296.126	156.803	2.135.684	174.588.613

Chi tiết về các tài sản đảm bảo Ngân hàng nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Bất động sản	169.909.818	140.727.512
Động sản	13.896.766	13.510.422
Giấy tờ có giá	27.380.443	28.969.558
Các tài sản đảm bảo khác	82.455.931	108.944.992
	293.642.958	292.152.484

47. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SeABank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SeABank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một

giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SeABank theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn		Trong hạn					
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.076.028	-	-	-	-	1.076.028
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.799.360	-	-	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	34.151.405	6.099.769	2.339.303	-	-	42.590.477
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	13.094.009	-	-	-	-	13.094.009
Cho vay khách hàng - gộp	209.319	2.104.609	7.136.389	8.662.273	66.112.220	28.447.238	14.916.111	127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	182.054	486.865	4.328.770	4.269.632	7.595.787	16.863.108
Góp vốn đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	86.534	86.534
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	1.513	946.554	948.067
Tài sản có khác - gộp	-	-	583.824	1.038.350	1.520.162	1.375.521	1.978.775	6.496.632
Tổng tài sản	209.319	2.104.609	61.023.069	16.287.257	74.300.455	34.093.904	25.523.761	213.542.374
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.967	2.086.556	-	-	2.172.763
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	42.837.652	10.943.119	1.616.027	2.969.200	-	58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	-	-	28.869.577	28.203.150	41.375.880	11.334.030	2.000	109.784.637
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	8.746	16.572	56.756	(34.270)	-	47.804
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	41.530	216.580	16.395.090	2.400.000	-	19.053.200
Các khoản nợ khác	-	-	872.802	1.075.489	1.227.562	368.046	30.930	3.574.829
Tổng nợ phải trả	-	-	72.655.547	40.515.877	62.757.871	17.038.026	32.930	193.000.251
Mức chênh thanh khoản ròng	209.319	2.104.609	(11.632.478)	(24.228.620)	11.542.584	17.055.878	25.490.831	20.542.123



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Triệu VND)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.012.228	-	-	-	-	1.012.228
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.374.359	-	-	-	-	3.374.359
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	23.152.679	2.588.500	-	-	-	25.741.179
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	2.705.920	-	-	-	-	2.705.920
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	121.495	23.109	-	-	144.604
Cho vay khách hàng - gộp	114.722	2.020.962	4.202.222	5.100.583	51.829.478	22.797.120	22.804.149	108.869.236
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	20.760.908	650.000	2.822.629	6.577.611	1.409.353	32.220.501
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	131.666	131.666
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.103.421	1.103.421
Tài sản Có khác - gộp	-	-	375.980	1.489.039	1.509.583	2.753.581	-	6.128.183
Tổng tài sản	114.722	2.020.962	55.584.296	9.949.617	56.184.799	32.128.312	25.448.589	181.431.297
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.968	119.494	-	-	205.702
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	39.779.179	2.457.464	280.030	-	-	42.516.673
Tiền gửi của khách hàng	-	-	32.262.653	18.678.351	48.458.611	13.876.982	-	113.276.597
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	104.610	457.490	3.995.220	1.541.420	966.000	7.064.740
Các khoản nợ khác	-	-	872.941	693.975	1.529.781	375.481	-	3.472.178
Tổng nợ phải trả			73.044.623	22.348.248	54.383.136	15.794.903	966.000	166.536.910
Mức chênh thanh khoản ròng	114.722	2.020.962	(17.460.327)	(12.398.631)	1.801.663	16.333.409	24.482.589	14.894.387

48. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 5 tháng 1 năm 2022, Ngân hàng đã thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 328/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu chào bán là 181.311.631 cổ phiếu với giá chào bán 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian nhận đăng ký mua từ ngày 26 tháng 1 năm 2022 đến ngày 28 tháng 2 năm 2022.

49. CÁC SỰ KIỆN KHÁC

Trong năm 2021, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng

của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Thông tư 01 và Thông tư 03 (Thuyết minh 3(h)(ii)).

50. CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU CỦA NGÂN HÀNG

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của Ngân hàng.

Người lập:

Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập

Người phê duyệt:

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

11

**MẠNG LƯỚI
ĐIỂM GIAO DỊCH
& NGÂN HÀNG
ĐẠI LÝ**





MIỀN BẮC

	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Sở Giao Dịch	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
2	SeABank Hà Nội	25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3928 2681
3	SeABank Lê Thái Tổ	Tầng 1, 120 Hàng Trống, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	024 3944 8688 (ext 8905)
4	SeABank Hồ Gươm	54 Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3928 2681
5	SeABank Lãn Ông	47 Lãn Ông, P. Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3923 3974
6	SeABank Trần Phú	5 Trần Phú, P. Điện Biên Phủ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3747 5934
7	SeABank Nguyễn Hữu Huân	104 Nguyễn Hữu Huân, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6270 1166
8	SeABank Long Biên	339 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3872 9532
9	SeABank Ngọc Lâm	278 Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3873 6432
10	SeABank Ngô Gia Tự	487 Ngô Gia Tự, tổ 9, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.	024 3872 9531
11	SeABank Sài Đồng	Tòa nhà Sunrise III A, KĐT mới Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.	024 3872 9533
12	SeABank Gia Lâm	73 Ngõ Xuân Quàng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	024 3872 9535
13	SeABank Đại An	Tầng 1 Tòa nhà PVI Tower, đường Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	024 6664 0888
14	SeABank Hàm Nghi	B1 - 08 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
15	SeABank Hồ Tùng Mậu	102 - 104 Hồ Tùng Mậu, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3944 8688
16	SeABank Mỹ Đình	Tầng 1 tòa nhà B5, KĐT Mỹ Đình 1, Nguyễn Cơ Thạch, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
17	SeABank Trung Hòa	150 Vũ Phạm Hàm, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	024 3944 8688
18	SeABank Trần Duy Hưng	170 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 6282 3333
19	SeABank Đào Tấn	62 Đào Tấn, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3734 5848
20	SeABank Đông Anh	Xóm 1, Thôn Ngọc Chi, X. Vĩnh Ngọc, H. Đông Anh, TP. Hà Nội	024 6296 6665
21	SeABank Đống Đa	324 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 3011)
22	SeABank Phố Huế	Tầng 1,2 5 Tòa nhà 88 Phố Huế, P. Ngô Thì Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 8912)
23	SeABank Nguyễn Ngọc Nại	89 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Thượng, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	02462823333 (ext 3080)
24	SeABank Nguyễn An Ninh	116 Nguyễn An Ninh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2108)
25	SeABank Vĩnh Hoàng	Tầng 1, tòa nhà Tiến Phú, lô 8-3 A, KĐT Vĩnh Hoàng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 4228)
26	SeABank Kim Liên	436 Xã Đàn, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 3088)
27	SeABank Khâm Thiên	142 Lê Duẩn, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 3093)
28	SeABank Hồ Đắc Di	Tầng 1, 156 Xã Đàn II, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	02462823333 (ext 3102)
29	SeABank Hàn Thuyên	21 Hàn Thuyên, P. Phan chu Trinh, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2299)
30	SeABank Vạn Xuân	38 Yết Kiêu, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2134)
31	SeABank Bà Triệu	57 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2279)
32	SeABank Cầu Giấy	174 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 3618)
33	SeABank Nguyễn Khánh Toàn	102 - N2 - A2 Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507(ext 2712)
34	SeABank Lạc Long Quân	51 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507(ext 2613)
35	SeABank Thăng Long	448 Hoàng Hoa Thám, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội	02437914507 (ext 2633)
36	SeABank Tây Hồ	249 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507(ext 3699)
37	SeABank Xuân La	Nhà D10, khu Shophouse Dreamland Hồ Tây, 107 đường Xuân La, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 3605)
38	SeABank Yên Phụ	151 Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2553)
39	SeABank Sóc Sơn	44 Khu B2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2111)
40	SeABank Quán Thánh	188 Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2883)
41	SeABank Thanh Xuân	Tầng 1 & 2 tòa nhà Artemis, 3 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội	024 3623 0689
42	SeABank Láng Hạ	22 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3776 4233
43	SeABank Láng Thượng	74 Chùa Láng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3775 9537

	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
44	SeABank Thành Công	14 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 6269 1188
45	SeABank Thái Thịnh	139 Yên Lãng, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3562 7471
46	SeABank hào Nam	96 hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3776 4233
47	SeABank Đội Cấn	225 Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3723 6171
48	SeABank Bạch Mai	350 Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 3627 4925
49	SeABank Tôn Đức Thắng	254 Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3628 2333
50	SeABank Hà Đông	150 Trần Phú, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 6325 1188
51	SeABank Kim Văn	Tầng 1, tòa nhà CT12B, KĐT Kim Văn Kim Lũ Đường Nguyễn Xiển, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3252)
52	SeABank Văn Quán	108 Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3244)
53	SeABank Ngọc Hồi	267 Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3218)
54	SeABank Hải Phòng	15 Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5374 7878
55	SeABank Trần Nguyên Hân	227C Trần Nguyên Hân, P. Nghĩa Xá, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5378 2500
56	SeABank Tôn Đản	37 Tôn Đản, P. Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5383 1407
57	SeABank Lê Chân	259 Hai Bà Trưng, P. Cát Dài, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5371 1166
58	SeABank Tô Hiệu	179 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5361 0406
59	SeABank Hàng Kênh	181 Hàng Kênh, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5359 1296
60	SeABank Hồng Bàng	39-41 Điện Biên Phủ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng.	022 5392 1193
61	SeABank Hải An	Thửa số 17, khu B1 - lô 7B Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5326 0088
62	SeABank Lê Lợi	54 Lê Lợi, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 5919
63	SeABank Hải Đăng	Số 162 Đà Nẵng, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 0637
64	SeABank Lạch Tray 1	198 Lạch Tray, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5384 7361
65	SeABank Lạch Tray 2	286 Lạch Tray, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5373 5710
66	SeABank Lê Thánh Tông	508 Lê Thánh Tông, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 4298
67	SeABank Quảng Ninh	Tầng 1,2,3 ô số LK1, Khu Dân Cư và Chung Cư Cao Cấp Việt Hàn, P. Hồng Gai, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388
68	SeABank Cẩm Phả	662 Trần Phú, P. Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388 (ext 6423)
69	SeABank Hạ Long	361 - 363 Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388 (ext 6415)
70	SeABank Bắc Ninh	Lô CC4, Lý Thái Tổ, P. Ninh Xá, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6272
71	SeABank Tiên An	173 Nguyễn Gia Thiệu, P. Tiên An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6003
72	SeABank Từ Sơn	236 Trần Phú, P. Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6190
73	SeABank Lim	102 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6193
74	SeABank Hải Dương	122B-122C-124A, Thống Nhất, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	022 0384 9999
75	SeABank Nguyễn Lương Bằng	50-52 Nguyễn Lương Bằng, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0389 3966
76	SeABank Hải Tân	677 Lê Thanh Nghị, P. Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0386 4899
77	SeABank Sao Đỏ	10 Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	022 0359 4444
78	SeABank Kim Thành	20 Đường 20.9 Khu Đồng Văn, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0220 384 9999
79	SeABank Gia Lộc	Chợ Cuối, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	022 0371 7456
80	SeABank Thành Đông	123 Chi Lăng, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.	022 0384 8989
81	SeABank Vĩnh Phúc	04 Mê Linh, P. Liên Bào, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	021 1369 6666
82	SeABank Vĩnh Yên	Ô số 06, tòa nhà 118 Ngô Quyền, P. Ngô Quyền, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	021 1369 6667
83	SeABank Thái Nguyên	179 Hoàng Văn Thụ, Tổ 2B, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	020 8365 9268 (ext 8810)
84	SeABank Phố Yên	291 tiểu khu 5, thị trấn Ba Hàng, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	020 8365 9268 (ext 8826)
85	SeABank Đại Từ	Tổ dân phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	020 83659268 (ext 8839)



MIỀN TRUNG

Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1 SeABank Hà Nam	181 Biên Hòa, P. Lương Khánh Thiện, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	022 6352 2288
2 SeABank Thái Bình	79A Lê Lợi, P. Đề Thám, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình,	022 7383 4688
3 SeABank Đà Nẵng	373 Nguyễn Văn Linh, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6358 4360
4 SeABank Hoàng Diệu	22-22A Hoàng Diệu, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6365 1397
5 SeABank Núi Thành	Tầng 1, 104-106-108 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6363 2632
6 SeABank Tuyên Sơn	Tầng 1, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6378 2777
7 SeABank Điện Biên Phủ	505-507 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	02363 727 335
8 SeABank Lý Thường Kiệt	Tầng 1, 16 Lý Thường Kiệt, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6383 0444
9 SeABank Hòa Xuân	KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân - GD 1A, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	023 6368 6810
10 SeABank Lê Duẩn	269 - 271 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6389 6552
11 SeABank Quảng Nam	506 Hai Bà Trưng, P. Tân An, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	023 5373 7888
12 SeABank Nha Trang	42 Yersin, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8391 9003
13 SeABank Cam Ranh	68 QL1, P. Cam Lộc, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8395 5800
14 SeABank Lê Hồng Phong	406 Lê Hồng Phong, P. Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8388 0488
15 SeABank Vĩnh Hải	411 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8383 5588
16 SeABank Mỹ Ca	20 Hùng Vương, P. Mỹ Ca, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8397 3977
17 SeABank Diên Khánh	99, Quốc lộ 1, thị trấn Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	025 8385 2852
18 SeABank Nghệ An	tầng 1,2,3 căn hộ CH-B khu A Chung cư Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
19 SeABank Lê Nin	32 Lê Nin, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, Nghệ An	023 8354 2668
20 SeABank Nguyễn Sỹ Sách	Tầng 1, 02 Nguyễn Sỹ Sách, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
21 SeABank Nguyễn Văn Cừ	288 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	023 8869 7979
22 SeABank Nguyễn Thị Minh Khai	18 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8369 9456
23 SeABank Thanh Hóa	Lô 03 + 04, 19 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575
24 SeABank Lam Sơn	Lô 02, 47 Lê Hữu Lập, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7388 8628
25 SeABank Trường Thi	454-456 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575 (ext 6615)
26 SeABank Đông Sơn	196 Lê Lai, P. Đông Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7388 8818
27 SeABank Bình Định	04-06-08 Ý Lan, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
28 SeABank Phù Mỹ	135B Quang Trung, TT. Phù Mỹ, H. Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
29 SeABank Quảng Ngãi	111 Phan Chu Trinh, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8818)
30 SeABank Trương Quang Trọng	408 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8871)
31 SeABank Đồng Cát	Tổ dân phố 1, Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8861)
32 SeABank Đức Phổ	428 Nguyễn Nghiêm, P. Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	025 5373 7999 (ext 8884)
33 SeABank Huế	23 Hà Nội, P. Phú Nhuận, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	023 4394 8688
34 SeABank Tố Hữu	Tầng 1 Shophouse 01 - The Manor Crown, Tố Hữu, P. Xuân Phú, Tỉnh Thừa Thiên Huế	
35 SeABank Hà Tĩnh	144B Trần Phú, P. Nguyễn Du, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
36 SeABank Thành Sen	Liên kế 06 Hàm Nghi, P. Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
37 SeABank Nguyễn Chí Thanh	33 Nguyễn Chí Thanh, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575

MIỀN NAM

Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1 SeABank Hồ Chí Minh	tầng 1, 2, 3 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 6001)
2 SeABank Thủ Đức	691 Kha Vạn Cân, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5040)
3 SeABank Q. 1	Tầng 1 Khu TM Cao ốc HORIZON - 214 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5061)
4 SeABank Botanic	312 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5081)
5 SeABank Bạch Đằng	Tòa nhà NICE Building - 467 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5100)
6 SeABank Khánh Hội	237 Khánh Hội, P.5, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5181)
7 SeABank Lê Quang Định	490C Lê Quang Định, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5240)
8 SeABank Bến Thành	77 -79 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700 (ext 5341)
9 SeABank Sài Gòn	78-80 Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh	028 3933 3232
10 SeABank Hùng Vương	108 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh	028 3956 2069
11 SeABank Q. 11	1024-1026 đường 3/2, P. 12, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh	028 6293 4363
12 SeABank Trần Hưng Đạo	859 Trần Hưng Đạo, P. 1, Q. 5, TP. Hồ Chí Minh.	028 3924 6920
13 SeABank Q. 10	320-322 Đường 3/2, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh	028 382 6955
14 SeABank Phú Hưng	Tòa nhà Petroland Tower, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	028 3933 3232
15 SeABank Đa Kao	60 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	028 3911 1241
16 SeABank Lê Văn Sỹ	344 Lê Văn Sỹ, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	028 3824 0700
17 SeABank Tân Bình	197 - 199 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028 6292 2070
18 SeABank Hòa Bình	699 Lê Trọng Tấn, Khu phố 2, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.	028 3765 4866
19 SeABank Âu Cơ	882 Âu Cơ, P.14, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028 6257 4844
20 SeABank Cộng Hòa	298 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 6292 2061
21 SeABank Phú Mỹ Hưng	673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	028 3784 0300 (ext 7060)
22 SeABank Q. 7	457 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	028 3784 0300 (ext 5223)
23 SeABank Q. 8	24 - 26 đường 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	028 3784 0300 (ext 5564)
24 SeABank Tân Phú	194A - 194C, Hòa Bình, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	028 3961 1900
25 SeABank Phú Lâm	35 Kinh Dương Vương, P. 12, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh	028 3961 1900 (ext 5263)
26 SeABank Bình Tân	264 Vành Đai Trong, P. Bình Trị Đông, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	028 3961 1900 (ext 5200)
27 SeABank Tân Phát	295 - 297 Minh Phụng, P. 2, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh	028 3969 5207
28 SeABank Tân Thành	48 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028 3848 8089
29 SeABank Nguyễn Thái Sơn	203 Nguyễn Thái Sơn, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	028 6295 7558
30 SeABank Bình Dương	203 Bác Sỹ Yersin, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4371 6056
31 SeABank Thủ Dầu Một	254 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4371 6054
32 SeABank Dĩ An	446 Nguyễn An Ninh, khu phố Đông Tân, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	027 4379 6896
33 SeABank Sở Sao	1545 đại lộ Bình Dương, tổ 12, khu 2, p. Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4358 5667
34 SeABank Đắk Lắk	35-37 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	026 2389 8888
35 SeABank Khánh Xuân	373 Võ Văn Kiệt, P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	026 2389 8888
36 SeABank Quảng Phú	121 Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	026 2392 8686
37 SeABank Krông Năng	154 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Krông Năng, Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk.	026 2375 2222
38 SeABank Vũng Tàu	270 Lê Lợi, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4354 3095
39 SeABank Bà Rịa	54 Nguyễn Tất Thành, P. Phước Trung, Bà Rịa, BR-VT	025 4371 7530
40 SeABank Sao Mai	171 Lê Hồng Phong, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4357 7408
41 SeABank Trưng Nhị	27-29-31 Trưng Nhị, P. 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4351 3263
42 SeABank Đồng Nai	823 - 825 Phạm Văn Thuận, KP.5, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	025 1629 0900
43 SeABank Hồ Nai	726 Quốc Lộ 1A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	025 1629 0900 (ext 5706)
44 SeABank Cần Thơ	26-28 Nguyễn An Ninh, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	029 2625 5666
45 SeABank Xuân Khánh	301 đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	029 2375 4868
46 SeABank An Giang	1270-1272, Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	029 6625 0405
47 SeABank Kiên Giang	204 Nguyễn Trung Trực, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	029 7625 1068
48 SeABank Tiền Giang	59-60-61 Đinh Bộ Lĩnh, P. 3, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	027 3398 9888
49 SeABank Cà Mau	125-127 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	029 0366 2266
50 SeABank Cái Nước	Quốc lộ 1A, Khóm 2, Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	029 0388 2277
51 SeABank Long An	29 Trà Quý Bình, P.2, TP. Tân An, tỉnh Long An	0272 3939 666



ALGERIA

Banque Al-Baraka d'Algerie*

AUSTRALIA

Australia and New Zealand Banking Group Limited (ANZ Bank)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Sydney Branch

AUSTRIA

Erste Group Bank AG*
Erste Bank der oesterreichischen Sparkassen AG*
Societe Generale, Vienna Branch

BAHRAIN

KEB Hana Bank Co., Ltd., Manama Branch

BANGLADESH

Islami Bank Bangladesh Ltd.*

BELARUS

Joint Stock Company Belagroprombank*
Joint Stock Company 'Savings Bank 'Belarusbank'*

BELGIUM

BNP Paribas Fortis SA/NV*
Societe Generale, Brussels Branch

BRAZIL

Banco KEB Hana do Brasil S.A.*

CAMBODIA

ACLEDA Bank Plc.*
Canadia Bank Plc*
Foreign Trade Bank of Cambodia*

CANADA

KEB Hana Bank Canada*
National Bank of Canada*

CHINA

Agricultural Bank of China Limited*
Bank of Beijing Co., Ltd.*
Bank of Communications Co Ltd*
Bank of Jiangsu Co., Ltd.*
Bank of Nanjing*
Bank of Ningbo Co., Ltd.*
Bank of Ruifeng*
China Construction Bank Corporation*
China Guangfa Bank Co., Ltd.*
China Merchants Bank Co., Ltd.*
KEB Hana Bank (China) Co., Ltd.*
Hankou Bank Co Ltd*
Hua Xia Bank Co., Ltd.*
Huishang Bank Corporation Ltd*
Industrial and Commercial Bank of China Limited (ICBC)*
Industrial Bank Co., Ltd.*
Industrial Bank of Korea (China) Limited*
JiLin JiuTai Rural Commercial Bank Co., Ltd.*
Ningbo Yinzhou Rural Commercial Bank Co., Ltd. (Yinzhou Bank)*
Ping An Bank Co., Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Shanghai Branch
Woori Bank (China) Ltd.*
Xiamen International Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Chouzhou Commercial Bank Co., Ltd.*

Zhejiang Mintai Commercial Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Tailong Commercial Bank Co., Ltd.*

CZECH REPUBLIC

Ceska Sporitelna A.S.*
Komerční Banka A.S.*

EGYPT

Arab African International Bank*
Banque Du Caire S.A.E*
Banque Misr S.A.E*
Emirates National Bank of Dubai S.A.E*
Export Development Bank of Egypt*

ENGLAND

KEB Hana Bank Co., Ltd., London Branch
Societe Generale, London Branch
Stonex Financial Limited
Wells Fargo Bank N.A., London Branch
Woori Bank Co., Ltd., London Branch

FRANCE

Credit du Nord*
Banque Federative du Credit Mutuel (BFCM)*
Credit Industriel et Commercial S.A. (CIC)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Paris Branch
Le Credit Lyonnais*
Societe Generale*

GERMANY

Citibank Europe Plc, Frankfurt am Main Branch
Deutsche Bank AG*
J.P. Morgan AG*
KEB Hana Bank (D) AG*
ODDO BHF AG*
Oldenburgische Landesbank AG*
Societe Generale, Frankfurt am Main Branch
Sparkasse KoelnBonn*
UniCredit Bank AG*

GREECE

Piraeus Bank S.A.*

HONGKONG

BNP Paribas S.A., Hong Kong Branch
Citibank N.A., Hong Kong Branch
Erste Group Bank AG, Hong Kong Branch
Habib Bank Zurich (Hong Kong) Limited*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
Shinhan Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
UniCredit Bank AG, Hong Kong Branch
Wells Fargo Bank N.A., Hong Kong Branch

INDIA

Axis Bank Ltd.*
Axis Bank Ltd., Gandhinagar Branch*
Mashreqbank PSC, Mumbai Branch

INDONESIA

PT Bank Central Asia Tbk*
PT Bank CIMB Niaga Tbk*
PT Bank Mega Tbk*
PT Bank QNB Indonesia Tbk*

ITALY

BPER Banca S.p.A*
Banco BPM S.p.A, Milan Branch*
Iccrea Banca - Istituto Centrale del Credito Cooperativo S.p.A.*
Societe Generale, Milan Branch
UniCredit S.p.A*

JAPAN

KEB Hana Bank Co., Ltd., Tokyo Branch
Mizuho Bank Ltd.*
Resona Bank Ltd.*
Societe Generale, Tokyo Branch
Sumitomo Mitsui Banking Corporation*
The Gifu Shinkin Bank*
The Ogaki Kyoritsu Bank Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Tokyo Branch

JORDAN

Arab Jordan Investment Bank*

KOREA

Industrial Bank of Korea*
KEB Hana Bank Co., Ltd.*
Kookmin Bank Co., Ltd.*
Suhyup Bank*
Nonghyup Bank*
Shinhan Bank Co., Ltd*
Wells Fargo Bank N.A., Seoul Branch
Woori Bank Co., Ltd.*

KUWAIT

Commercial Bank of Kuwait K.P.S.C*

LATVIA

AS Citadele Banka*

LAOS

Banque pour le Commerce Exterieur Lao Public*

MALAYSIA

Citibank Berhad*
Malayan Banking Berhad (Maybank)*
Public Bank Berhad*
RHB Bank Berhad*

MOROCCO

Attijariwafa Bank*

NETHERLAND

KEB Hana Bank Co., Ltd., Amstelveen Branch

NORWAY

DNB Bank ASA*
Skandinaviska Enskilda Banken AB, Oslo Branch

OMAN

Bank Muscat SAOG*

PANAMA

KEB Hana Bank Co., Ltd., Panama City Branch

PAKISTAN

Meezan Bank Ltd.*

PERU

Banco GNB Peru*
Banco Internacional del Peru (Interbank)*

PHILIPINES

Asian Development Bank*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Makati City Branch

POLAND

Bank Millennium S.A.*
BNP Paribas Bank Polska SA*
Societe Generale, Warsaw Branch

ROMANIA

Banca Comerciala Romana S.A.*
BRD - Groupe Societe Generale S.A.*

RUSSIA

International Bank for Economic Co-operation*
QIWI Bank JSC*

SINGAPORE

Axis Bank Ltd., Singapore Branch
CIMB Bank Berhad, Singapore Branch
Citibank N.A., Singapore Branch
DBS Bank Ltd.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Singapore Branch
Mizuho Bank Ltd., Singapore Branch
Skandinaviska Enskilda Banken AB, Singapore Branch
UniCredit Bank AG, Singapore Branch
United Overseas Bank Limited*
Wells Fargo Bank N.A., Singapore Branch

SLOVAKIA

Slovenska Sporitelna A.S.*

SPAIN

Banco De Sabadell S.A.*
CaixaBank S.A.*

SRI LANKA

Seylan Bank PLC*

SWEDEN

Skandinaviska Enskilda Banken AB*

SWITZERLAND

Habib Bank AG Zurich*
Luzerner Kantonalbank AG*

TAIWAN

Bank SinoPac Co., Ltd.*
Cathay United Bank*
Chang Hwa Commercial Bank Ltd.*
E. Sun Commercial Bank Ltd.*
O-Bank Co., Ltd.*
Taiwan Cooperative Bank, Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Taipei City Branch

TUNISIA

Union Internationale de Banques*

MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

THAILAND

Bank of Ayudhya Public Co., Ltd.*
Bangkok Bank Public Co., Ltd.*
Export-Import Bank of Thailand*
Islamic Bank of Thailand*
Kasikornbank Public Co., Ltd.*
Krung Thai Bank Public Co., Ltd.*
Mizuho Bank Ltd., Bangkok Branch

UAE

Axis Bank Ltd., Dubai City Branch
Dubai Islamic Bank PJSC, Dubai City Branch*
First Abu Dhabi Bank P.J.S.C.*
Mashreqbank P.S.C.*
The National Bank of Ras Al - Khaimah P.S.C.*

UKRAINE

JSC 'Bank Credit Dnepr'*
Joint Stock Company The State Export - Import Bank of Ukraine (JSC Ukreximbank)*

USA

Bank of America N.A., New York Branch*
BNP Paribas USA, Inc*
China Construction Bank Corporation, New York Branch
Citibank N.A.*
CoBank, ACB*
Deutsche Bank AG, New York Branch
Deutsche Bank Trust Company Americas*
Fifth Third Bank N.A.*
Habib American Bank*
Hancock Whitney Bank*
International Finance Corporation*
JP Morgan Chase Bank N.A.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., New York Branch
Mashreqbank PSC, New York Branch
MUFG Union Bank N.A.*
Nonghyup Bank, New York Branch
Wells Fargo Bank N.A.*
Wells Fargo Bank N.A., New York Branch
Wells Fargo Bank N.A., Philadelphia Branch
Woori Bank Co., Ltd., Los Angeles Branch
Woori Bank Co., Ltd., New York Branch

VIETNAM

Agricultural Bank of China Limited, Hanoi Branch
An Binh Commercial Joint Stock Bank*
ANZ Bank (Vietnam) Limited*
Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)*
Bangkok Bank Public Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Bank of China (Hong Kong) Limited, Ho Chi Minh Branch
Bao Viet Joint Stock Commercial Bank*
BNP Paribas S.A., Ho Chi Minh City Branch
China Construction Bank Corporation, Ho Chi Minh City Branch
CTBC Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Citibank N.A., Hanoi Branch
DBS Bank Ltd., Ho Chi Minh City Branch
DongA Joint Stock Commercial Bank (DongA Bank)*
Global Petro Sole Member Limited Commercial Bank (GPBank)*
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HD Bank)*

Hong Leong Bank Vietnam Limited*
Indovina Bank Limited (IVB)*
Industrial and Commercial Bank of China Limited (ICBC), Hanoi Branch
Industrial Bank of Korea, Ho Chi Minh City Branch
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)*
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
KEB Hana Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank (LienVietPostBank)*
Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)*
Mizuho Bank Ltd., Hanoi Branch
National Citizen Commercial Joint Stock Bank (NCB)*
Nonghyup Bank, Hanoi Branch
Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank (OceanBank)*
Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)*
Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank (PG Bank)*
Public Bank Vietnam Limited*
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)*
Saigon Bank for Industry and Trade (Saigonbank)*
Saigon Joint Stock Commercial Bank (SCB)*
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)*
Shinhan Bank Vietnam Limited*
State Bank of Vietnam*
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*
Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (Viet Capital Bank)
Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VietABank)*
Vietnam - Russia Joint Venture Bank (VRB)*
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank)*
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank)*
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIBBank)*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank)*
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (Maritime Bank)*
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)*
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank (PVcomBank)*
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)*
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VietBank)*
Woori Bank Vietnam Limited*

* là ngân hàng bản địa (Ngân hàng có hội sở đặt tại quốc gia sở tại)



NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội

 Điện thoại: (+84 24) 3944 8688

 Fax: (+84 24) 3944 8689

 contact@seabank.com.vn

 seabank.com.vn